

I THÁNG 5 NĂM 1969

BACH

KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười ba

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG *tự thiêu, xét về giá trị và ý nghĩa chiến thuật chính trị* * VŨ ĐÌNH LƯU *ảnh hưởng khốc liệt của chiến tranh* * (dịch SIGMUND FREUD) * TRÀNG THIÊN *các nguy hại của sự chuộng «mốt» trí thức* * LÊ TRUNG HOA *những ngày cuối cùng của thi sĩ Đông-Hồ* * PHẠM VIỆT CHÂU *trăm Việt trên vùng định mệnh : Thái-lan, tự thích ứng để sinh tồn* * ĐÌNH ĐẠO *mấy lời nhắn nhủ các luật gia* * (dịch HELDER CAMARA) * LÊ HƯƠNG *sự cầu kết giữa Trung - cộng với Hoa-kiều ở Cao - miên* * ĐÌNH NGUYỄN *phổ tình nhân* * HỒ TRƯỜNG AN *vết chân chim sẻ* * VŨ HOÀNG CHƯƠNG *nói với em* * **SINH HOẠT** *tính dục trong nghệ thuật mới * thời sự văn nghệ * thời sự chính trị* .

296





Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

crème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A

THỜI - ĐẠI

Số 296 ngày 1 - 5 - 1969

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG <i>tự thiêu, xét về giá trị và ý nghĩa chiến thuật chính trị</i>	5
VŨ DINH LƯU <i>ảnh hưởng khốc liệt của chiến tranh (dịch SIGMUND FREUD)</i>	11
TRẦN THIÊN <i>các nguy hại của sự chuộng « mất » trí thức (dịch cuộc phỏng vấn RAYMOND ARON của Tarnneguy de Quénétain)</i>	19
LÊ TRUNG HOA <i>những ngày cuối cùng của thi sĩ Đông-Hồ</i>	27
PHẠM VIỆT CHÂU <i>trăm Việt trên vùng định-mệnh : Thái-lan, tự thích ứng để sinh tồn</i>	53
ĐÌNH ĐẠO <i>mấy lời nhắn nhủ các luật gia (dịch lời Tổng Giám Mục HELDER CAMARA)</i>	41
LÊ HƯƠNG <i>sự cầu kết giữa Trung - cộng với Hoa-kiều ở Cao-miên</i>	46
ĐÌNH NGUYỄN <i>phố tình nhân (truyện)</i>	51
HỒ TRƯỜNG AN <i>vết chân chim sẻ (truyện)</i>	57
SINH HOẠT	
THẾ NHÂN <i>thời sự chính trị</i>	69
TRẦN THIÊN, THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	73

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý vị độc giả :

— **Triết-học Kant** của Linh-mục Trần-Thái-Đình, do Cơ sở Phạm-quang-Khai xuất bản và gửi tặng. Sách dày 350 trang gồm 3 phần chính : Sinh hoạt trí thức của con người ; Sinh hoạt đạo đức của con người ; Ý nghĩa con người. Một cuốn sách rất hữu ích cho các sinh viên học sinh và những ai muốn tìm hiểu Triết học Kant, một triết học đã ảnh hưởng sâu xa vào các trào lưu tư tưởng hiện đại. Giá 300 đ.

— **Triết lý là gì ?** của Martin Heidegger, nguyên tác "Was ist das-die Philosophie ?" Phạm-công-Thiên dịch, An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 88 trang, song ngữ : một bên Đức ngữ và một bên Việt ngữ. Giá 60 đ.

— **Những tiếng kêu lớn của chủ-nghĩa nhân-bản hiện đại** Ky-tô, Mác-xít, Tiến-hóa, Hiện-sinh... và gì nữa ? nguyên tác "Les grands appels de l'humanisme contemporain" của André Niel, bản dịch của Mạnh Tường do Ca-dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang gồm 3 chương. Bản đặc biệt.

— **Quê ngoại** tập thơ của Hồ Dzếnh do Hoa-Tiên xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 80 trang, khổ 19 x 26, gồm 35 bài thơ và phần phụ lục "Hoa xuân đất Việt" : 15 bài thơ nữa.

— **Tuổi thiên thần**, kỳ-san của những thanh niên và những người lo ngại đến tiền đồ thế-hệ trẻ Phật-giáo Hòa-Hảo. Mỗi số dày 80 trang, khổ 15 x 21 gồm nhiều bài tiểu luận và sáng tác văn nghệ. Giá 36 đ.

— **Dấu ngựa hồng** tập thơ in ronéo của một số nhà văn thơ trẻ Phan Rí : Mt Xuân Diễm, Lê-đình-Thụy, Cung Trần, Nh Quy, Hàn Sa, Song Lê Thu, Nguyễn Nhược Thảo Triều, Thy Vũ Hà Như, Nguyễn Lệ Tuấn, Tô duy Băng Thạch, Cao nhật Vũ, Thanh Huỳnh.

Đùi hiu Tập thơ của Vũ-Phan-Long tựa của Lam-Giang, Bạt của Quách Tấn dày gần 70 trang gồm 37 bài thơ. Giá 60 đ

Huế buồn, tập thơ của Lữ-Tùng-Anh do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 24 trang gồm 10 bài thơ, khổ 13x24. Giá 45 đ.

Khi những lưu dân trở lại khảo luận của Nguyễn-văn-Xuân do Thời-Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 132 trang trình bày một cái nhìn thật mới mẻ của nhà văn miền Trung đối với văn nghệ miền Nam cùng những nhận xét độc đáo. Giá 90 đ.

Hôn nhân dị chủng điều tra, nghị-luận của Mộng Trung, do cơ sở Phạm quang Khai xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang trình bày một vấn đề thời sự nóng-bỏng, tài liệu rất sống và phong phú. Bản đặc biệt. Giá 150 đ.

Tâm đàm (tập I) tập biên khảo, nghị luận của : Nguyễn Bá quát, Phan Long Yên, Nguyễn Đức Giang, Nguyễn Hữu Dát, Phan Long Lê Kiềm, Phan Xịa, Tôn Thất Quế, dày 80 trang, Giá 50đ.

Viên đạn cho người yêu dấu tập thơ của Luân Hoán, do tác giả gửi tặng. Sách in ronéo 200 bản đặc biệt, phổ biến hạn chế, dày hơn 90 trang gồm 30 bài thơ, của nhà thơ miền Trung được nhiều bạn trẻ ưa thích.

TỰ THIÊU, xét về giá trị

và ý nghĩa chiến thuật chính-trị

Những sự kiện xảy ra còn gần gũi, chưa được thời gian lọc bớt khả năng khuấy động tình cảm phe phía, thì chưa thuộc về lịch sử mà còn của lãnh vực chính trị, hoặc thời-sự do báo chí khai thác. Nhưng không phải vì lẽ đó mà chúng phải chịu những nhận xét thiên lệch, không được đặt trong khung cảnh văn-hóa lịch-sử của không-gian và thời-gian mà chúng xuất hiện. Đó là ý tưởng hướng dẫn cho người viết bài này mà những sai lầm — hẳn nhiên có — là do bởi khả năng nhận xét chứ không vì thiên kiến, ác ý. Trong một xã-hội đầy rối rắm, cấm cản, những lời thanh minh trước như trên hẳn không phải là thừa.

oOo

Dùng lửa để đốt người là một phong tục. Đốt người chết là một cách dọn dẹp gọn ghẽ, tiện lợi, có lẽ chỉ gây ngạc nhiên chút ít cho những người chưa từng thấy, chưa từng nghe nói đến thôi. Đốt người không cùa chỉ hướng, tư tưởng, tuy có tác dụng khủng bố, nhưng chủ đích vẫn nằm trong vòng thi hành tục lệ thông thường, tục lệ về cách cư xử đối với kẻ thù: Jan Huss có bị những người theo Giáo-hội La-mã đốt để thi hành phán quyết của Công-đồng Constance thì cũng như J. Calvin, một tay chủ xướng Tân-giáo, hỏa-thiêu lại M. Servetus không có gì lạ.

Cảnh những góa phụ Ấn-độ dẫy dụa, kêu khóc trên giàn hỏa khiến người Anh bất mãn, và chắc cũng đã khiến vua Trần lo lắng cho tính mạng công

chúa Huyền-Trân. Nhưng cũng có những người đàn bà nén lòng sợ hãi bước lên lửa nóng để làm tròn bổn phận của họ. Sự đầu độc của giáo-dục đương thời tạo nên áp-lực xã-hội đối với hành động của họ nhưng họ vẫn được người bàng quan cảm phục. Và lòng cảm phục càng tăng lên khi khả năng ràng buộc của truyền-thống, lúc chuyển qua thời đại khác, đã trở nên lỏng lẻo, dành sự quyết định cho ý-chí cá nhân của những người tự nguyện ngồi trong vòng lửa đỏ để cho người còn lại đạt được một mục đích nào đó.

Bình thường, ai cũng muốn sống, kể cả lúc phải dẫn thân vào nơi nguy hiểm, bởi vì người ta nhận định rằng bước vào chỗ chết họ có thể tìm ra đường sống. Theo cách này, người ta hi vọng

trong sự giải-thoát tập-thể, sẽ có cá-nhân mình trong đó. Còn đốt mình dù tập thể có đạt thành mục đích, cá nhân cũng không còn để nhìn thấy kết quả. Suy-diễn trên bình diện thể-tục và cá-nhân, người ta hiểu được phần nào sự ngưỡng-mộ, thần phục của một bên và do đó, hiểu những giải-thích hẳn học từ phía phải chống đỡ: « nường thịt sư » hay « bọn phản động đem ra đốt » đều là những ý kiến phát xuất từ phản ứng giận dữ vì ảnh-hưởng xã-hội rộng lớn của hành động chống đối đó.

Thực ra đã gọi là tục lệ thì hẳn Jeanne d'Arc, Jan Huss cũng đã biết rằng đương thời, người ta đốt bọn phù thủy, bọn phản giáo như thế nào và trong lúc chống đối có lẽ họ cũng nghĩ các giàn hỏa đang chờ họ. Có điều hành động của họ không phải tắt cùng với ngọn lửa đã đốt thân xác họ: sau vụ thiêu ở thành Nantes vẫn có những rối loạn để nước Pháp được độc lập, sau biến cố 1415 thế thảm ở Tiệp là cuộc quấy đảo của những đệ-tử người đã chết, bọn hussite, kéo dài đến hơn nửa thế-kỷ. Bị đốt vì phản kháng chế độ hay tự đốt trong tư thế chống đối, kết quả như nhau ở chỗ gây được một xúc động tâm lý sâu xa trong lòng những người còn sống. Cảnh cây đuốc sống rực rỡ giữa ban ngày thực là ngoạn mục (!). Người đốt nghĩ đến ý nghĩa cảnh cáo, « sát nhất nhân vạn nhân cụ », người tự đốt nghĩ đến tính chất lửa có thể « soi sáng vô minh », « thức tỉnh lòng người » để có can đảm ngồi chịu nóng, ít ra là những giây phút ban đầu.

Nhưng bằng cách nào đi nữa thì người cầm quyền vẫn không tránh được

thất lợi. Cảnh hành hình bày ra giữa chốn quang đăng, cảnh rừng gươm tua tủa ở chốn đông người, cảnh lửa bốc lúc thanh thiên bạch nhật quả đã tạo nên uy-vũ cho chính quyền, dân mặt được dân chúng nhất sợ. Nhưng lửa hạ, củi tắt, gươm dáo thu về thì tiếc thương, thì phần hận của dân chúng lại bùng lên, bốc cháy, không đốt người mà đốt chế-độ hay âm i thiêu tàn quyền bính. Chính quyền càng thiệt thòi ngay từ đầu khi có cảnh tự đốt. Không trống, không kèn âm i, một ngọn lửa sáng lên, một xác chết nám đen, cong queo, nứt nở, khách đi đường không cứu mà không thấy lương tâm cắn rứt, nhân viên trật tự đánh bỏ tay. Người chết phải chôn. Một đám tang phải tổ chức, một tập hợp quần chúng được tạo thành, không phải thứ quần chúng hiếu kỳ thường ngày mà là thứ quần chúng xúc động, có cảm hờn được hướng dẫn, có mục-tiêu để giải tỏa uất hận nơi chính quyền, chế độ. Từ Thích-Quảng-Đức đến Nhất-chi-Mai, Morrisson qua J.Palach, đối tượng tranh đấu có khác, kết quả có khác, nhưng ý nghĩa và giá trị tinh thần của chiến thuật vẫn không sút giảm.

Kẻ tiên-phong bao giờ cũng giành được sự nể vì. Trong những ánh lửa phần phật bốc cao, có một ngọn đuốc sáng hơn hết, đập vào mắt mọi người. xoáy vào thịt da, tâm khảm nhân-loại. Ngọn đuốc đó cháy sáng ngày 11-5-1963. Tại Việt-nam.

Người chủ-động trong cuộc kháng-định: « vì vấn đề tôn giáo ». Chúng ta sau khi tự giới-hạn trong thời-gian và tổ-chức cũng xác nhận như trên. Nhưng nổi kết sự-khiến xảy ra trong một chuỗi thời gian dài hơn, mở rộng tầm mắt

qua những tập-thề chống đối hay liên-hợp khác, chúng ta có những sự thực ngoài tôn-giáo, nằm trong trình-tự đổi thay của lịch-sử một địa-phương, một dân-tộc trong giao động của nhân-loại.

Câu chuyện phải bắt đầu ở một vùng nào đó, lúc người ta có ý nghĩ dứt xác người chết — vì vấn đề vệ sinh hay vì tư tưởng tôn-giáo, không cần lắm. Sau đó là lúc xuất hiện của một vị Giáo-chủ bên bờ sông Hằng, giảng dạy cho tín-đồ về ý nghĩa bình-đẳng trong nhân loại : bình đẳng đầu tiên là trong sự chịu đựng cái Khổ dẫn đến sự bình đẳng cuối cùng là khả năng vượt ngoài cái Khổ. Nhưng trong một xã-hội giai-cấp khắc nghiệt, cộng với sự cùng khổ nghèo đói tràn lan, những tư-tưởng về luân-hồi, về nghiệp vừa có ý nghĩa xoa dịu bất mãn, vừa có ý nghĩa hướng dẫn *giải thoát từ từ* làm sao ngăn được ý nghĩ *muốn giải thoát tức khắc* : trong khi vị giáo-chủ phải chờ đến 80 tuổi mới tạm rời đệ-tử thì có những tín đồ thấy trong sự thiêu đốt xác thân của vị sư-trưởng theo tục-lệ thông thường một phương cách nhanh chóng chuyển tiếp từ sự bình-đẳng ở mức thấp sang sự bình đẳng ở mức độ cuối cùng.

Trước năm 1945, dân chúng quanh vùng Kỳ-sơn (miền nam Bình-định), một buổi thức dậy đi làm sớm, thấy trên núi có ánh lửa bùng lên và đồn nhau là « Bà hiện ». Thực ra đó chỉ là lửa tự thiêu của một tu sĩ địa phương vừa mới học đạo « ở đâu trong Sài-gòn » về. Chuyện lạ kỳ, chưa hề thấy đối với Phật-tử nơi này !

Ngọn đuốc trên núi đêm đó được đồn đãi loan truyền thành ánh hào quang của chư Phật xuống rước người

tự thiêu lên cõi Nát-bàn. Lại cũng một sáng, nhưng năm 1962, một vị sư bác tự thiêu ở Ngã - Sáu Saigon mà dân chúng Thủ-đô bận rộn làm ăn đã không mấy lưu-tâm khi đọc vài hàng tin tức vắn tắt trên báo chí : tư tưởng Nam-tông Phật-giáo quả có chứa đựng mầm mống mở đường cho ý nguyện tự-thiêu để giải thoát thân xác.

Các tu sĩ Bắc tông theo ý tưởng « Bồ tát là Phật tự nguyện ở trần thế để cứu vớt chúng sanh » nên ít nhiều cũng chịu những ràng buộc thể tục hơn, với tổ chức tự viện, nghi lễ, và họ thường chỉ « hóa » khi cái chết tự nhiên đến. Quyết tâm hy sinh tế độ chỉ dừng lại ở sự nhẫn nhục, chịu đựng khổ thân xác để nêu gương, để giáo-dục người. Chỉ đến khi một vị Hòa-thượng Bắc-tông đến miền nam nước Việt nơi chịu ảnh hưởng mạnh của tư tưởng Nam tông, rồi lại có cư trú trong vùng độc tôn của Phật giáo cổ truyền (1) thì mới có sự phối hợp hoàn cảnh để thực hiện hành động hy sinh cứu vớt tập thể trong hình thức khốc liệt nhất : tự thiêu để cứu đạo, cứu người đồng đạo. Quyết tâm này

(1) Đuốc tuệ, *Công cuộc Tranh đấu của Phật giáo Việt-nam*, 1964, có các chi tiết : « Thích Quảng Đức sinh ở Khánh-hòa, tu ở đây, vào Nam năm 1943, tu ở Định-tường, Hà-tiên, trú tại Nam-vang 3 năm (trang 101) ; về việc tự thiêu Thượng tọa Thích Tâm Giác trả lời : « .. Trên nguyên tắc pháp lý (luật Phật đã định cũng như luật pháp thế gian), Giáo-hội không thể chấp thuận điều nguyện thiêu đốt thân xác... » (tr. 99) ; lời tâm huyết của Thích Quảng Đức để lại có câu : « .. Tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật... » (trg. 100).

vừa hay lại xảy ra trong một xã hội sôi động đang chờ đón một hành động xúc tác làm nổ bùng lịch sử.

Nhà cầm quyền giữa năm 1963 bực tức vì sự sôi động của thế giới quanh một cái chết, đã phân bì rằng hàng ngày có hàng ngàn người gục ngã mà không được nhắc nhở nhiều đến như thế. Ta có thể nghĩ rằng hoặc họ nguy hiểm, hoặc họ không biết gì về tình hình chính trị, biến chuyển lịch sử trong quốc gia mà họ đang nắm vận mệnh, khiến họ xét đoán giá trị sự kiện xã hội theo lối so sánh đại lượng : hai lớn hơn một, ba lớn hơn hai... Chúng ta hãy tìm hiểu sâu hơn.

Sau Thế chiến thứ hai, phong trào giải phóng thuộc địa ở Việt nam lọt về tay đảng Cộng-sản địa phương. Dù có phải lao đao, lận đận vì sự thành công của người Cộng-sản, người ta cũng không thể chối bỏ sự thực đó. Chiến tranh 1945-54 dù có được hóa-trang nhiều cũng vẫn còn nguyên một bản-chất. Chỉ sau khi vĩ-tuyến 17 dựng lên, sự thất bại của người Pháp và hòa bình giai đoạn của thế-giới có những bước vững chắc làm trung-hòa sự hung hăng của người Cộng sản mới khiến cho Miền nam có một chế độ « quốc gia » (1), lãnh đạo bởi một người, — không, một gia đình « quốc gia » mà lịch sử sẽ chứng tỏ là một gia đình « quốc gia » thất bại (2) Đất Việt « nay (mới thực) có hai phe ». Những người Cộng sản tiếp tục con đường tranh đấu của họ một cách kiên trì theo một chương trình dự - tính lâu dài, liên tục (3). Hiệp-định Genève đối với họ như là một cái mốc ngưng nghỉ, lắng dịu của những chiến dịch đoán kỳ trong cuộc trường kỳ đ-

kháng họ theo đuổi. Nhà Ngô hưởng sự thành công bất ngờ của Hội nghị Genève mang lại cho người « quốc gia » (4), chiếm trọn những vùng từ đầu

(1) Chữ dùng thật là mơ hồ đến gần thành vô nghĩa, nhưng vì thói quen tiện dụng vẫn phải dành đề chỉ những chế độ « không cộng sản, chống cộng sản ». Nhưng cũng chính một phần bởi ý nghĩa tiêu cực của danh từ mà các chính quyền nối tiếp không tìm được một nội dung cấp tiến cho chế độ như khuyh hướng hiện đại, nhất là ở các cựu thuộc địa dân chúng hằng mong ước.

(2) Những nhận định bằng đường lối lý trí có thể khác xa với những quả quyết thông thường do xúc cảm hướng dẫn. Ví dụ chữ « gia đình trị » đầy ý nghĩa chê bai thường gán cho chế độ nhà Ngô sẽ không được dùng tới nếu sự cai trị tỏ ra có hiệu quả. Quyền bính, nhất là ở thời nay, đòi một sự tập hợp các tài năng phức tạp riêng rẽ nhưng đủ bổ túc cho nhau. Trong một xã hội phải bắt chước Diogène đi tìm lãnh tụ và tở chức, thì nhà Ngô lúc ban đầu quả tương đối có đủ yếu tố cầm quyền : Diệm có chút quá khứ đề lôi kéo quần chúng, Nhu có chút lý trí đề biết kết tập quần chúng, Thực có yểm trợ quốc tế. Ngay đến Bà Nhu cũng có chút tiêu biểu cho đám phụ nữ tiến bộ không bằng lòng sống theo đường *l'île l'île* quan tẩu thông thường.

(3) Người ta thường chỉ tố cáo Cộng sản chôn dấu vũ khí, để lại cán bộ mà hay quên âm mưu lôi kéo phụ nữ, thiếu niên trong liên-hệ tập-kết (bên này vẫn coi họ là « đàn bà, con nít »). Bài báo của Ông Võ-Phiến (« Bất trẻ đồng xanh ») sờ dĩ có ít nhiều tiếng vang vì nhân một sự kiện mới đã lôi ra được thâm ý của đối phương có thực hiện một lần rồi.

(4).— Hội nghị Genève kết thúc đem lại một chút lý do tồn tại — muốn nói danh từ của thời đại thì gọi là đem lại « chính nghĩa » cho người quốc gia. Phía dưới vĩ tuyến 17 có khoảng hơn phân nửa diện tích là của Cộng sản. Chúng ta có thể giải thích sự thất bại trên bàn hội nghị này của Cộng-sản năm 1954 bằng cách nghĩ đến sự ép buộc của Nga thời cộng-tồn hòa-bình, của Trung-hoa lúc chưa lại sức ở trận chiến Triều-tiên, còn sợ bom nguyên tử và một phía, sự kiệt lực của Việt-cộng trước mối đe dọa can thiệp của Mỹ.

chiến cuộc vẫn nằm trong tay kẻ địch, lại nhờ tàu Mỹ khai thông con đường di-cư để lôi kéo quần chúng ủng hộ nên thắng một keo chính trị đầu tiên. Nhưng khó khăn cũng đồng thời hiện ra : sự tái lập quyền uy Trung-ương trong một biện pháp thuần túy quân-sự khiến họ Ngô mất quần chúng Nam phần, — phần lớn lại là quần chúng không Cộng-sản — rồi loay hoay, bất lực, không có phương sách lôi kéo quần chúng, họ vợ lấy những kẻ ủng hộ thuộc loại thời nào cũng có : những người lãnh lương và liên hệ sợ Cộng sản trả thù, những người đồng tôn-giáo định dùng thế quyền xây dựng thần quyền, những người cùng địa phương mong mỗi « một người làm quan cả họ được nhờ ».

Đề đối phó với đám quần chúng do tuyên truyền Cộng sản nhồi nắn, chính quyền phải lo phát triển bản chất tôn giáo thân thuộc Tây-phương của mình để tìm điểm tựa 2 chân quốc tế, quốc gia vững vàng. Người ta vẫn thường coi Thiên-chúa-giáo và Cộng-sản như hai trào lưu của cùng một bộ mặt văn minh Tây-phương phát triển theo hình lưỡi kéo, nên hi vọng Thiên-chúa-giáo với tín điều vững vàng sẽ làm hấp lực chiếm lấy quần chúng của Cộng-sản. Ý tưởng không phải là dở. Có điều là Thiên-chúa-giáo mà nhà cầm quyền muốn dựa lên lại mang nhiều dấu vết Trung-cổ, phát triển ở Việt-nam theo tư thế của kẻ mạnh — như một tôn giáo của người chiến thắng,

« đạo của Tây », « đạo của Tổng-Thống » — nên không khỏi có tính chất phong kiến, cường bạo như đã thấy ở Châu Mỹ La tinh (6).

Nơi hoạt động mạnh mẽ nhất của Thiên-chúa-giáo sau 1954 là các vùng bị Cộng-sản chiếm trước kia. Các giáo phái Tin-lành hình như sử dụng tiền bạc, đồ viện trợ nhiều hơn sức mạnh. Công giáo dùng cả hai thứ. Cho nên không trách tạp chí *Missi* (tháng 3-1958, trang tin tức 104) đã vui mừng la lên « C'est trop beau à Quinhon » và kể chuyện thần kỳ về thành tích thu đạt được :

Tháng 7-1957, một Linh-mục già rửa tội cho 1000 người, tháng 8 : 2000 người, tháng 9 : 3000 người. Đầu tháng 10, vị Linh-mục kinh hoàng trước đám dân của 20 làng đến xin theo đạo. Ở một nơi khác, một nhân viên chính phủ trẻ tuổi, giàu có tự nguyện làm việc tông-đồ cho 8 làng. Ông huấn luyện

(6). — Chủ nghĩa nhân vị của Ngô đ nh Nhu, đối với viên Cố vấn Đệ I Cộng-hoà, là mối hi-vọng cải tiến xã hội Miền-nam đầy quá-khứ thuộc địa đi theo con đường khác với chủ nghĩa Cộng-sản. F. Castro có lần cũng muốn dùng tư tưởng của J. Maritain để hướng dẫn Cách-mạng Cuba (Th. Draper, *Castroism, Theory and Practice*, F.A.Praeger, in lần thứ tư, 1968 trang 38, 39.) Nhưng tư tưởng Thiên-chúa-giáo tiến-bộ quả không phù hợp với thực tế của các tổ chức Thiên-chúa-giáo ở thuộc-địa. Castro bỏ cánh Tả-phái Công-giáo Cuba để theo Cộng-sản. Ngô đ nh Nhu bám víu lấy cái xác rỗng tuếch của chủ-thuyết đề Giám-mục Ngô-đình-Thực tổ chức các khóa huấn luyện Nhân-vị ở Vĩnh-long, dạy dỗ các công-chức cúi đầu nhắm mắt đi theo đòi hỏi của danh vọng, cơm áo.

2.500 người trước khi đem đi rửa tội. (1)

Không phải là chuyện ngẫu nhiên mà bản cáo trạng về việc đàn áp Phật giáo, dài trên 500 trang giấy, lại kể chuyện quá khứ của các năm 60-61 trên không đầy 2 trang về những vụ xảy ra chỉ trong bốn tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú (2), tức vùng « giải phóng » của Liên khu 5 cũ. Như chúng ta đoán biết được, không phải lúc nào có đàn áp cũng có phản-ứng bộc lộ. Chuyển-lực phản ứng sẽ đưa từ nơi đề nén thoát ra chỗ áp-lực ít hơn. Vùng đất giáo-phái thành nơi lẩn tránh của những lực lượng chống đối. Vùng làng xóm hẻo lánh, nơi núi rừng, đầm lầy là chốn tụ tập an toàn của những người cựu kháng-chiến quen với lễ lý suy-tưởng Cộng-sản, không chịu hành động của những cán bộ chính quyền quốc gia. Ở đây có những người Cộng-sản trung-kiên chờ đón, vui mừng thấy họ tiên liệu đúng khi đề số cán bộ kháng chiến cùng đám vợ con, thân nhân người tập kết ở lại chịu đựng búa rìu chế độ mới.

Chính sách tổ cộng được sự hưởng ứng nồng nhiệt của những người dân có ít nhiều bất mãn với Cộng sản, cùng được những người « hồi đầu lập công » khiến đề bẹp được sự chống đối của những người Cộng-sản nằm vùng, đôi vùng, và cũng đưa đến sự độc tôn tín ngưỡng mạnh mẽ. Không có sự chống đối tích cực, dễ bị chụp mũ, thì có chống đối tiêu cực : chối bỏ Cộng sản vì tin tưởng, vì hoàn cảnh, người ta đi đến đối cực tôn-giáo, nhưng lựa một thứ tôn giáo, ít ra trước mắt họ, ở vào thế yếu. Như vậy, thế trung-hòa của sự xung đột Cộng-sản, Công-

giáo đem đến cho Phật giáo một số tín đồ, tiêu cực về chọn lựa nhưng sẽ tích cực về hoạt động. Hoạt động chỉ thuộc

(1). — Người viết cũng có một ít kinh nghiệm mắt thấy tai nghe về những *biện pháp* khiến người dân thuộc vùng cộng sản này phải trở-lại-đạo. Đây không phải là chuyện tố cáo. Sự thật vốn là hiển nhiên, có nhiều trong lịch sử. Hãy xem G. Tarde đem lý-thuyết - hóa ý tưởng về sự xâm nhập văn hóa từ trên xuống dưới thì đủ rõ. Ở Việt nam, các lực lượng võ trang được nâng đỡ nhất trong chiến tranh là của các tôn giáo. Hết giặc, dù có phải chuyển tiếp chút ít cho hợp tình thế hòa bình, Công giáo vẫn còn đầy đủ uy quyền cũ, lại tăng tiến uy thế mới với phong trào di cư, trong khi Cao đài, Hòa hảo bị đánh đuổi tan tác phải rút về vị trí tôn giáo, tuy vẫn còn vững chắc, nhưng không có một thế quyền đề làm chất kích thích phát triển nữa. Chính các giáo sĩ và ký giả của tờ Missi đã không chú ý đến yếu tố *sức mạnh* và *tiền bạc* trong các lực phát triển tôn giáo nên mới vui mừng một cách ngây thơ về sự thành công của họ ở các xứ thuộc địa và cựu thuộc địa còn liên hệ với Tây phương. Nếu đừng nghĩ đến sự việc một cách quá lý tưởng thì các vị này tất không ngạc nhiên coi nước Nhật như là một bí ẩn đối với Giáo-hội La-mã (l'énigme de l'Eglise) đề đặt vấn đề tại sao cái nước hùng mạnh, thịnh vượng với 100 triệu dân này hàng năm có rất ít người đi đạo trong khi Đại-hàn nhỏ bé ở sát bên, trong 20 năm qua đã từ 200 ngàn người Công giáo tăng lên đến 1 triệu người và phía Tin-lành thì càng đáng nể hơn : 30.000 tín đồ năm 1948, 1.400.000 năm 1959 và hơn 3.000.000 người năm 1968 ! (Missi số 9/68, trang 330 ; trong Missi số 3/59, trang 76, các ý tưởng có vẻ thực tế hơn nhiều khi những người biên tập nói về việc nên ý thức « thời-cơ thuận-tiện » đang có ở Đại hàn đề phát triển Đạo).

Vì chú trọng vào những yếu tố *tâm thường* đó mà người viết sẽ có những giải thích về các sự kiện xảy ra tại Miền nam Việt nam, nhất là trong giai đoạn đấu tranh Phật giáo, có khác hơn của tạp chí Missi số 9 — 1963 (Bouddhisme et Vietnam), 4 — 1968 (Explication Vietnam)

(2) *Công cuộc tranh đấu*, sđd, 28, 29.

(Xem tiếp trang 77)

Ảnh hưởng khốc liệt của Chiến-tranh

Chúng ta không muốn chiến tranh, nhưng chiến tranh cứ xảy ra để làm cho chúng ta thất vọng. Ngày nay chiến tranh ác liệt điều tàn hơn bất cứ cuộc chiến nào trong quá khứ vì khí giới công kích và tự vệ tinh vi hơn trước. Chiến tranh không còn kể đến quyền tư nhân, không kiêng nể kẻ bị thương và thầy thuốc, không phân biệt phần tử chiến đấu và phần tử không tham dự vào chiến tranh, chiến tranh xúc phạm đến quyền tư-hữu. Chiến tranh đảo lộn tất cả vì điên dại mù quáng, các lãnh tụ làm như là không có tương lai, không có hòa-bình nữa. Họ phá hủy tất cả những liên lạc cộng-đồng giữa các dân tộc giao tranh và có thể để lại sự căm thù hiểm khích khiến cho khó lòng mà lập lại mối liên lạc, trong nhiều năm về sau.

Nhà nước đại diện cho nhân dân, chính phủ đại diện cho Nhà nước. Mọi công-dân phải lấy làm ghê sợ mà nhận thấy trong lúc chiến tranh cái gì họ linh cảm được lơ mờ trong thời bình đã trở thành sự thực: Nhà nước nghiêm cấm cá-nhân dùng đến sự bất công không phải vì Nhà nước muốn loại bỏ sự bất công, mà vì Nhà

nước muốn độc quyền việc sử dụng phương tiện bất công, cũng như Nhà nước độc quyền muối và thuốc lá. Trong thời chiến, Nhà nước tự cho phép mình làm đủ mọi việc bất công, đủ mọi điều hung ác mà nếu là hành động tư nhân thì đã làm mất phẩm giá con người đối với kẻ thù, không những người ta dùng đến xảo quyết mà còn dùng đến vu cáo gian manh, cố ý, người ta lạm dụng đến độ chưa từng thấy có trong các trận chiến tranh thời trước. Nhà nước bắt người dân vâng lời tuyệt đối và hy sinh quá mức, coi người dân như vị-thành-niên, che giấu sự thực, kiểm duyệt thông tin và dư luận khiến cho dân chúng tinh thần xuống thấp, không sao đối phó được với hoàn cảnh bất lợi. Nhà nước từ khước mọi thỏa-ước và hiệp-định ký kết với những quốc-gia khác, thú nhận lòng tham vô bờ và khát vọng quyền thế không chút ngại ngùng; tư nhân vì lòng ái quốc phải tán thành vô điều kiện.

Sự buông cương thả lỏng bản năng (1)

Nhà nước phải dùng đến sự bất công

(1) Tiêu-mục do dịch-giả ghi thêm.

vì nếu không dùng đến sẽ bị dồn vào thế hèn kém. Tôn trọng đạo đức, không dùng đến hành vi độc ác bạo hành thì thật là bất lợi. Nhà nước cũng ít khi đến bù cho công dân đã hy sinh tuy bắt buộc họ phải hy sinh. Ngoài ra, chúng ta không nên lấy làm lạ rằng các quốc gia lâm chiến đã không tôn trọng đạo đức thì đạo đức của tư nhân cũng không tránh được ảnh-hưởng ấy; bởi vì lương tâm của chúng ta không phải là một vị quan tòa liêm chính như các nhà đạo đức vẫn nói; lương tâm, theo nguồn gốc của nó, chỉ là một thứ « lo ngại có tính cách xã-hội », chứ không có gì hơn. Khi mà thiếu sự khiển trách của cộng đồng thì bản-năng được thả lỏng, con người có thể làm đủ mọi hành vi độc ác, gian xảo, phản bội và tàn nhẫn; nếu xét đến trình độ văn-hóa của họ thì không ai ngờ họ có thể như thế được.

Chính vì vậy mà người công-dân của thế giới văn minh bỗng thấy mình lạc lõng giữa cuộc đời, giữa những điều tàn của tổ quốc, giữa sự hủy-hoại những gia-tài chung của nhân-loại, giữa sự nhục mạ con người.

Tuy nhiên, chúng ta phải tỉnh tâm mà suy xét. Con người vẫn theo đuổi ảo tưởng. Ảo tưởng cũng có cái hay là che lấp nỗi khổ tâm và làm cho con người cảm thấy thỏa mãn. Nhưng sẽ có ngày ảo tưởng đụng chạm với thực tại, tổ hơn hết là đợi cho ảo tưởng bị tiêu hủy, không nên kêu ca oán thán.

Xu hướng nguyên thủy và « sự hướng ứng tâm tình »

Trong trận chiến tranh này, có hai

nguyên nhân làm cho chúng ta thất vọng: các quốc gia lâm chiến không tôn trọng đạo đức để đối xử với nhau, trong khi ấy thì trong quốc nội cá nhân tự cho mình là người bảo vệ đạo đức; nguyên nhân thứ hai là: sự tàn nhẫn mà không ai ngờ những người đại diện cho trình độ văn minh cao lại có thể làm được.

Chúng ta hãy xét nguyên-nhân thứ hai và tìm cách diễn tả sự trạng dưới hình thức sáng sủa và văn tắt. Người ta đã căn cứ vào đâu mà nói rằng con người có thể tiến lên một trình độ đạo đức cao? Câu trả lời thứ nhất như sau: nhân chi sơ tính bản thiện. Nhưng đó là một cách trả lời vô giá trị, chúng tôi không muốn bàn đến ở đây. Cách trả lời thứ hai là chấp nhận rằng có một sự tiến hóa, dưới ảnh hưởng của nền giáo dục và bầu không khí văn minh những xu hướng xấu dần dần biến mất và sẽ nhường chỗ cho những xu hướng tốt. Nhưng nếu quả như vậy thì tại sao chúng ta vẫn thấy những xu hướng xấu bùng ra mạnh mẽ mặc dù có ảnh hưởng của sự giáo dục và của không khí văn minh?

Như vậy chúng ta không thể chấp nhận được cách trả lời thứ hai. Thực ra những xu hướng xấu không biến đâu mất, không bao giờ bị đánh bật rễ, Trái lại, những cuộc tìm tòi tâm-lý-học, nhất là phân-tâm-học, đã minh thị phần thâm sâu nhất, mật thiết nhất của con người chỉ gồm những xu hướng tối sơ y như nhau trong bất cứ người nào và hướng về sự thỏa mãn những nhu cầu nguyên thủy. Tự nó, xu hướng ấy không tốt mà cũng không xấu. Chúng tôi xếp loại những xu hướng ấy và những phát hiện của chúng vào loại tốt hay loại xấu, căn cứ vào tiêu chuẩn sau

đây : chúng có xúc phạm đến tập-thể cộng đồng hay không ? Những xu hướng bị xã hội cho là xấu và bài trừ như ích kỷ và độc ác đều thuộc về xu hướng nguyên thủy.

Những xu hướng ấy phải qua một giai đoạn tiến hóa rất lâu, chúng bị kiềm chế, hoặc chúng hướng về những mục tiêu khác, chuyển sang những lãnh vực khác, chúng phối hợp với nhau, chúng đổi đối tượng, chúng quay lại phá phách chính người có xu hướng. Chúng ta có cách phản ứng lại những xu hướng ấy làm cho chúng ta dễ tin rằng chúng đã đổi bản chất, tin rằng ích kỷ đã đổi thành vị tha, độc ác thành yêu thương. Cái làm cho chúng ta dễ lầm lẫn là một vài xu hướng lúc mới đầu xuất hiện như những cặp đôi, đó là những hiện tượng ít người biết, gọi là hiện tượng « lưỡng ứng tâm tình ». Một trong những sự phát lộ của hiện tượng lưỡng ứng dễ quan sát và dễ hiểu là một người thường có thái độ vừa yêu nồng nàn vừa ghét cay độc. Phân-tâm-học nói thêm rằng hai tâm tình đối lập nhau như thế cùng nhắm vào một người.

Xã-hội-tính chỉ là sự biến đổi những xu hướng xấu

Sự mô tả sơ sài trên đây đem lại ánh sáng để chúng ta định nghĩa cái gọi là tính tình. Chúng ta sẽ nhận thấy sự phân định cổ điển căn cứ vào hai chữ « tốt » và « xấu » rất thiếu sót. Con người không bao giờ hoàn toàn tốt hay hoàn toàn xấu : thường thường họ tốt về phương diện này nhưng lại xấu về phương diện khác, với điều kiện này thì họ hiền,

với điều kiện khác thì họ ác. Kinh nghiệm cho chúng tôi biết rằng trong lúc tuổi thơ những xu hướng rất « dữ tợn », trong nhiều trường hợp, lại là điều-kiện đề hướng về điều thiện khi đứa trẻ đã lớn. Những đứa trẻ ích kỷ nhất có thể trở thành những công dân từ thiện tốt bậc và có thể hy sinh lớn lao ; phần nhiều những vị thánh-đồ giàu lòng bác ái, những người không thiết danh lợi ở đời, những người bảo vệ loài vật, lúc nhỏ thường bộc lộ bản năng hành hạ và độc ác đối với loài vật.

Sự biến đổi những xu hướng xấu là hậu quả của hai yếu tố ngoại giới và nội tâm cùng tác động theo một chiều hướng. Yếu tố nội tâm là ảnh hưởng của yếu tố tình và nhu cầu yêu mến đến những xu hướng xấu. Yếu tố tình ghép vào với xu hướng ích kỷ làm cho xu hướng ích kỷ biến thành xu hướng xã-hội-tính. Con người sẽ nhận thấy rằng được người ta yêu mến là một cái lợi mà nên hay cần phải hy sinh nhiều xu hướng « xấu » để được yêu mến và hưởng cái lợi ấy. Yếu tố bên ngoài là áp lực của sự giáo dục tượng trưng cho văn hóa, sau này con người sẽ trực tiếp tiếp xúc với ảnh hưởng văn hóa. Văn minh chỉ có thể xuất hiện và phát triển nhờ con người từ khước sự thỏa mãn một vài nhu cầu ; những thể hệ sau muốn hưởng ích lợi của đời sống văn minh thì đến lượt họ phải từ khước sự thỏa mãn một vài bản năng. Trong đời sống cá nhân luôn luôn có sự biến đổi áp lực bên ngoài thành áp lực bên trong. Nhờ ảnh hưởng liên tiếp của xã hội văn minh, càng ngày càng nhiều xu hướng ích kỷ biến đổi

thành xu hướng xã hội nhờ ghép thêm yếu tố tình. Sau hết, chúng ta có thể chấp thuận rằng : những áp lực bên trong mà tác dụng biểu lộ qua sự tiến hóa của nhân loại, lúc khởi thủy lịch sử nhân loại, chỉ là những áp lực bên ngoài. Ngày nay con người sanh ra đã mang theo một tiềm-năng biến đổi những khuynh hướng ích kỷ thành khuynh hướng xã hội. Tiềm-năng ấy tỏ tiên di truyền cho họ, chỉ một rung động nội tâm nhẹ nhàng cũng đủ cho ta có sự biến đổi ấy. Nhưng những khuynh hướng khác cũng biến đổi, không phải vì tiềm-năng di truyền mà vì áp lực của những yếu tố ngoại giới. Chính vì thế mà mỗi người vừa chịu ảnh hưởng của đời sống văn minh hiện tại, vừa chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh sống tỏ tiên mình ngày trước.

Con người văn-minh sống cách biệt giữa vô ngoài văn-minh và bản-năng thầm kín

Nếu dùng những chữ *năng-khiếu thích ứng với đời sống văn minh* để chỉ khả năng biến đổi xu hướng ích kỷ do ảnh hưởng của những yếu tố tình, thì chúng ta có thể nói rằng năng khiếu ấy gồm có hai phần, một phần thiên bẩm, còn phần kia là sở đắc ; giữa phần thiên bẩm và phần sở đắc, giữa mỗi phần và những khuynh hướng không biến đổi, sự liên lạc rất khác nhau.

Chúng ta có thói quen gán cho phần thiên bẩm của năng khiếu thích ứng với đời sống văn minh một giá trị quá cao. Nói chung thì chúng ta đánh giá quá cao năng khiếu ấy và đánh giá quá thấp những bản năng vẫn giữ

nguyên tình trạng nguyên thủy. Nói khác đi, chúng ta cho rằng con người tốt hơn giá trị thực sự của họ. Tuy nhiên, cũng còn một cơ khác làm chúng ta không phán xét đúng mức được, chúng ta kết luận theo một chiều thuận lợi cho họ quá.

Những rung động bản năng của con người khác dĩ nhiên ở ngoài tầm tri-giác của chúng ta. Chúng ta suy luận tất nhiên phải căn cứ vào hành vi và thái độ của họ rồi tìm sự liên-hệ với những nguyên nhân nguồn gốc của đời sống bản năng. Trong nhiều trường hợp sự kết luận lại sai sự thực. Cùng một hành vi « tốt », xét theo góc cạnh đời sống văn minh, có thể có những nguyên nhân « cao thượng » trong một vài trường hợp, nhưng trong những trường hợp khác nguyên nhân lại rất tầm thường. Lý-thuyết-gia đạo-đức học gọi những hành động biểu lộ xu hướng tốt là hành động « tốt », còn những hành động không thỏa mãn điều kiện ấy thì không được cái bản hạnh ấy. Nhưng xã hội không cần phân biệt như thế, xã hội chỉ xét theo khía cạnh thực tiễn ; xã hội chỉ cần người ta xử sự đúng những bổ buộc của đời sống văn minh là đủ, không cần đến nguyên nhân.

Trên kia chúng tôi đã nói rằng giáo dục và hoàn cảnh tạo áp lực bên ngoài, hậu quả là con người hướng đời sống bản-năng về điều thiện, mở đường thuận lợi cho « ích kỷ » biến thành « vị tha ». Nhưng hậu quả ấy không nhất thiết là phải có, không phải là trường hợp nào cũng có. Giáo dục và hoàn cảnh không phải bao giờ cũng khích lệ tình yêu, giáo dục và hoàn cảnh còn dùng đến những phương tiện

khác như thưởng và phạt.

Bởi vậy cho nên thường khi có người sử sự tốt và đáng khen mà đời sống bản năng của họ không tăng tiến, xu hướng ích kỷ của họ không biến đổi thực sự thành xu hướng xã hội. Đại loại thì kết quả cũng không khác, đời sống của xã hội cũng khả quan, chỉ trong những trường hợp đặc biệt chúng ta mới biết rằng có người ăn ở thiện vì đời sống bản năng của họ thúc đẩy họ làm thiện, có người ăn ở thiện chỉ vì làm như vậy phù hợp với mục tiêu ích kỷ của họ. Tuy nhiên nếu chỉ hiểu biết bề ngoài thì không có cách nào phân biệt hai trường hợp. Chúng ta sẽ lạc quan mà tăng thêm số người có khuynh hướng biến đổi ra tốt.

Xã-hội văn-minh của chúng ta đã đòi hỏi con người phải có hạnh kiểm tốt nhưng không bận tâm đến những khuynh hướng ở dưới nền móng của hạnh kiểm; xã-hội luyện cho một số đông người vâng theo điều kiện của đời sống văn minh, nhưng bản chất của họ không tham dự vào sự phục thiện ấy. Như thế cũng đã là một sự thành công, sự thành công khuyến khích xã hội thêm nghiêm khắc về phương diện đạo đức, hậu quả là đào sâu thêm hố ngăn cách giữa thái độ bắt buộc con người phải có và khuynh hướng bản năng của con người. Bản năng bị đàn áp mỗi ngày mỗi nhiều gây nên tình trạng căng thẳng, do đó mà xảy ra những hiện tượng phản ứng và bù trừ rất kỳ dị. Trong lãnh vực dục tính, sự đàn áp khó hơn; chúng ta thấy có những hiện tượng phản ứng gây ra các bệnh suy nhược thần kinh. Trong những lãnh vực khác, áp lực của đời sống văn minh tuy không làm phát hiện những hiện tượng bệnh

hoạn chính thức, nhưng cũng đưa đến những sự thiên lệch tính tình, những bản năng bị chế ngự vẫn sẵn sàng đợi cơ hội là đoạt lấy sự thỏa mãn. Người nào phải theo thói phép mà phản ứng liên tục, không thỏa hiệp được với bản năng sâu xa của mình, người ấy sống trong tình trạng tiêu xài quá khả năng tài chánh; khách quan mà nói thì có thể cho họ là nguy thiện, là giả dối, tuy họ không ý thức được sự giả dối ấy. Chúng ta không thể chối cãi được rằng nền văn minh của chúng ta thuận lợi cho sự giả dối ấy quá mức bình thường. Chúng ta có thể nói chẳng chút vọng ngôn rằng nền văn minh hiện tại đặt nền tảng trên sự giả dối ấy. Nhưng nếu loài người chịu khó sống theo sự thật tâm lý của họ thì sẽ có sự thay đổi sâu xa. Như vậy, số người chấp nhận cái văn minh vỏ ngoài nhiều hơn số người thật sự văn minh; và chúng ta có thể tự hỏi rằng nếu chỉ có một số ít người là phong độ vầu hiền trở thành đặc tính của tổ chức tâm thần thì cũng cần phải có một mức độ nguy thiện nào đó để duy trì và bảo vệ nền văn minh chẳng? Và chẳng người ta duy trì văn minh với nền tảng bấp bênh như thế là người ta cũng hy vọng rằng qua mỗi thế hệ xu hướng sẽ biến đổi thành tốt thêm, để có điều kiện của một nền văn minh tốt đẹp hơn.

Những quan điểm trên đây mang lại cho chúng ta sự an ủi thứ nhất. Chúng ta không thấy có lý do để đau khổ và thất vọng trước những hành động không xứng đáng với quan niệm văn minh của chúng ta, thực ra người đời không đến nỗi xuống thấp như chúng ta tưởng, vì một lẽ rất thường là họ không đạt được một trình độ cao như

chúng ta ta tưởng. Các dân tộc đối xử với nhau không kể gì đến đạo đức. Họ tưởng rằng có thể nhất thời từ khước những bồn phận của đời sống văn minh và thả lỏng cho những khuynh hướng dồn nén bùng ra. Chúng ta hãy giả thiết rằng thứ đạo đức tương đối vẫn duy trì được trong nội địa của mỗi quốc gia không bị xúc phạm nặng nề.

Thiếu kiểm soát, tâm tính nguyên sơ rất dễ tái diễn

Chúng ta có thể có một ý-niệm sâu xa hơn về ảnh-hưởng tinh-thần của chiến-tranh, chiến tranh đã làm thay đổi sâu xa phong độ và hành vi của người xưa, đó là một lời cảnh-cáo thêm để chúng ta thêm thận trọng, không nên bắt công với người ở quốc-gia khác. Sự tiến-hóa tâm thần có một đặc điểm không thấy có trong những tiến trình tiến hóa hay phát-triển khác. Khi một làng phát triển thành một tỉnh hay một đũa trẻ trở thành người lớn, làng bị tỉnh thôn tính, đũa trẻ biến mất để trở thành người lớn. Phải dùng trí nhớ hồi tưởng lại, chúng ta mới có thể thấy những nét cũ trong những nét mới; thực ra, những vật liệu cũ và những hình thức cũ đã biến mất để nhường chỗ cho những vật-liệu mới và những hình thức mới. Trong sự tiến-hóa tâm thần thì khác. Đây là một tình trạng không giống tình trạng nào, chúng ta có thể nói rằng tất cả giai đoạn phát triển cũ vẫn còn tồn tại ở bên cạnh giai đoạn mới phát-sinh. Trong sự nối tiếp, có sự đồng hiện-hữu, những tài - liệu trước được dùng trong sự biến đổi về sau. Trạng-thái tâm - thần cũ có thể nằm yên trong nhiều năm không hề phát

lộ ra ngoài, nhưng chúng tôi xin nhắc lại rằng nó vẫn tồn tại, có lúc nó có thể trở thành hình thức biểu lộ của những sức lực tâm-thần, có thể là hình-thức biểu lộ duy nhất, hầu như những giai-đoạn tiến triển về sau đã biến mất. Tuy nhiên phần tâm thần được phát triển không có gì là vững chắc, nó dễ bị đàn áp, thường khi một giai-đoạn tiến-triển cao hơn về sau đã bị bỏ rơi thì khó lòng mà lấy lại được. Trái lại, những trạng thái nguyên sơ rất dễ tái-diễn, rất dễ nhớ lại; cái gì là nguyên-thủy trong đời sống tâm-thần của chúng ta sống bất tử.

Những bệnh gọi là bệnh tâm thần đối với người không có kiến thức chuyên môn là hậu quả của sự phá hủy đời sống tâm thần và tâm trí, nhưng thực ra sự phá hủy chỉ là phá hủy những cái sở đắc và những giai-đoạn phát triển sau này. Điểm chính của bệnh tâm thần là sự thoái lui về những trạng-thái cũ của đời sống tâm-thần và của đời sống cơ-năng. Chúng ta có một thí dụ điển-hình về sự linh động của sinh hoạt tâm-thần, đó là giấc ngủ mà mỗi đêm lại xuất hiện. Từ khi chúng ta biết suy-dẫn giấc mơ, cả những giấc mơ bông lông nhất, khó hiểu nhất, chúng ta đã biết rằng khi người ta ngủ, người ta cởi bỏ tất cả cái gì là đạo-đức như cởi bỏ quần áo đến hôm sau tỉnh dậy mới mặc lại. Sự cởi bỏ đạo đức như thế di nhiên không có gì là nguy hiểm, vì giấc ngủ làm tê liệt người chúng ta, bắt buộc chúng ta phải bất động. Chỉ có giấc mơ là cho chúng ta biết sự thoái lui của đời sống tâm-thần về một trong những giai đoạn phát triển ngày trước. Thí dụ, giấc mơ bị chi phối bởi những nguyên nhân hoàn toàn ích

kỹ. Trong một cuộc hội họp những nhà trí-thức ở Mỹ, một người Anh, bạn hữu của tôi, lên tiếng bênh vực nguyên tắc ấy, tức thời một bà đưa ra nhận xét rằng ý-kiến của ông ta có thể đúng ở bên nước Áo, còn bà và các bạn của bà thì bao giờ cũng có lòng vị tha, trong giấc mơ cũng vậy. Bạn tôi, tuy là người Anh, cũng phải đưa ra những kết-quả thu lượm của việc phân tích giấc mơ để trả lời bà kia rằng : trong giấc mơ, các bà sang trọng bên Mỹ chẳng chịu thua kém các bà bên Áo về phương diện ích kỷ.

Như vậy là hai người ăn miếng trả miếng. Như vậy là sự biến đổi xu-hướng nguyên-thủy, nền tảng của nếp sống văn minh, có thể vì một sự tình xảy ra trong đời sống mà thoái lui chốc lát, hay rất lâu. Chúng ta không thể chối cãi được rằng ảnh hưởng của chiến tranh thuộc về những loại sức mạnh có thể gây ra sự thoái lui như thế, bởi vậy chúng ta phải nhân nhượng, chúng ta không nên cho rằng những người cư xử trái với nguyên tắc của cuộc sống văn minh không có năng khiếu thích ứng với đời sống văn minh; chúng ta hãy nán đợi tình-hình sáng sủa hơn, bình lặng hơn, hoàn cảnh sẽ làm dịu lòng người để những tâm tình cao đẹp có thể nổi lên trên mặt.

Trí năng bị ảnh hưởng bởi xung động tình cảm

Nhưng chúng ta cũng nhận thấy một triệu chứng làm cho chúng ta kinh ngạc và lo ngại không kém sự hạ thấp trình độ đạo đức. Chúng tôi muốn nói đến mức độ trí tuệ thấp kém, đến sự ương ngạnh ngu muội, không hiểu được những lý lẽ xác đáng nhất, đến sự dễ tin như con nít nghe theo những lời vô lý hết sức. Cảnh tình thật hết sức buồn nản, chúng tôi xin nói rằng chúng tôi không bị mù quáng và có ý thiên về bên nào, đến nỗi chỉ nhìn thấy khuyết điểm trí-tuệ như thế của một trong hai phe địch thủ. Hiện tượng ấy còn có thể cắt nghĩa dễ dàng hơn hiện tượng nói ở đoạn trên, chúng tôi không đến nỗi phải rối trí. Triết-gia và những người hiểu rõ tâm-lý loài người đã chỉ trích chúng tôi làm lỗi mà cho rằng trí tuệ là một khả năng đứng độc lập và không kể đến sự lệ thuộc trí tuệ vào sinh hoạt tình cảm. Trí năng của chúng ta chỉ có thể làm việc hữu hiệu nếu nó không bị ảnh hưởng bởi những tình cảm mạnh mẽ, trái lại nó chỉ còn là một khí cụ để phục vụ ý muốn của con người; ta muốn có kết luận nào là ta huy động một số lý lẽ thuận tiện để đi đến kết luận đó. Lý lẽ hợp lý không làm

CONAN

NHỨC KHỚP, XƯƠNG, PHONG THẤP.

CHUYÊN TRỊ CẢM CÚM,
NHỨC RĂNG, NHỨC
ĐẦU, NHỨC BẮP THỊT,

gì được để chống lại quyền lợi của tình cảm ; bởi vậy cho nên trong thế-giới quyền lợi đem lý lẽ ra so tài không được việc gì cả, kinh nghiệm phân-tâm-học xác nhận sự thật ấy. Hàng ngày, chúng tôi có dịp nhận thấy những người thông minh nhất, bất thần mất cả khả năng suy xét và xử sự như những người ngu muội, khi những ý-kiến trình bày với họ vấp phải sự kháng cự của tâm tình ; nhưng khi đã đánh tan được sức kháng cự ấy, thì trí tuệ và sự hiểu biết của họ sẽ trở lại bình thường. Cuộc chiến tranh này đã làm cho những phần tử ưu tú nhất trở nên mù quáng lý trí, đó chỉ là một hiện tượng thứ yếu, đó chỉ là hậu quả của sự kích động tình cảm, chúng ta mong rằng nó sẽ biến mất khi những nguyên nhân của nó cũng biến mất.

Hy vọng tăng tiến mối liên lạc giữa các dân tộc

Sau khi đã học lại cách tìm hiểu con người, chúng ta không đến nỗi quá buồn nản vì thất vọng gây ra bởi các dân tộc kinh chống nhau, chúng ta phải học cách đòi hỏi ở họ vừa phải thôi. Các dân tộc tái tạo sự tiến hóa của cá nhân, có thể rằng ngày nay các dân tộc cũng còn ở giai đoạn tổ chức nguyên sơ, giai đoạn còn thấp kém trên bước đường đưa đến sự tổ chức cao hơn. Bởi vậy

Lời người dịch. — « Quan niệm hiện đại về chiến tranh và tử vong » là một vấn đề mà Freud đem ra suy luận sau cuộc Thế chiến thứ nhất theo những khám phá phân tâm học của ông.

Chúng tôi trích dịch đoạn trên đây cố gắng hiển bày đọc cách nhìn của ông bộc lộ nhiều sự mới lạ. Ông là người gốc Do-Thái, sống giữa xã hội bảo thủ và nghi kỵ, ông muốn vượt lên trên những ý tưởng quốc gia và chủng tộc hẹp hòi và chỉ kể đến giá trị văn-hóa của nhân loại. Bởi vậy ông lên án chiến tranh, lên án tham vọng thống trị của bất cứ cá nhân, đoàn thể, chủng tộc hay quốc gia nào.

Nhìn vào thảm họa chiến tranh ông muốn tìm nguyên nhân tiềm thức đã thúc đẩy loài người gây ra những thảm họa ấy. Phân-tâm-học là một công cụ sắc bén để ông xử dụng trong việc tiền tài này.

cho nên chúng ta vẫn chưa thấy hậu quả đạo-đức-hóa của áp lực bên ngoài.

Chúng ta có thể hy vọng rằng khối cộng đồng quyền lực rộng lớn tạo ra bởi sự giao thông tiện lợi, bởi sự thông thương, bởi sự liên lạc ngày càng nhiều, sẽ mở đầu cho những áp-lực có hậu quả đạo-đức-hóa như thế. Nhưng lúc này hầu như các dân-tộc nghe theo tham vọng của họ hơn là quyền lợi chánh đáng. Họ chỉ đem quyền lợi chánh đáng ra làm bình phong để lấy cơ thỏa mãn dục vọng, để biện bác cho sự thỏa mãn dục vọng của họ. Tại sao các chủng tộc thường hay khinh bỉ nhau, ghét bỏ nhau, căm thù nhau như vậy ? Đó là một sự bí mật mà tôi không hiểu được. Chỉ cần tụ hội một số đông một triệu người là những sở đắc về đạo đức của con người tan rã, chỉ còn lại những thái-độ tâm thần nguyên sơ nhất, thô bỉ nhất, hung bạo nhất. Hậu quả ấy rất đáng tiếc, nhưng có lẽ sẽ bớt khốc hại dần nhờ sự tiến hóa, tăng thêm sự thẳng thắn và sự thành thực trong mối liên lạc giữa mọi người, giữa nhà cầm quyền và người bị trị, sẽ đem lại may mắn để khai lối cho sự tiến-hóa ấy.

SIGMUND FREUD

VŨ-ĐÌNH-LƯU trích dịch

(Nghiên-cứu Phân-Tâm-Học)

Các nguy hại

của sự chuộng «mốt» trí-thức

L. T. S. Cơ-cấu-luận bây giờ đang thành phong trào. Sôi nổi nhất là ở Pháp. Tại Việt-Nam, chúng ta cũng đang nghiên cứu, tìm hiểu, giới thiệu nó trên nhiều tạp chí.

Đối với trào lưu tư-tưởng mới mẻ này, có nhiều nhận định khác nhau. Tạp chí *Réalités* (1) đã phỏng vấn Raymond Aron. Chúng tôi xin lược thuật sau đây quan điểm của nhà văn này đối với cái phong trào nọ trong giới trí thức Paris.

— Theo ông, hiện thời đặc điểm chính của không khí tinh thần ở Pháp là đặc điểm nào?

— Trước khi đáp lời ông, tôi xin được nhắc lại rằng một trong những đặc quyền của tuổi tác là có nhiều kỷ niệm. Ký ức tôi ghi nhớ được bốn bầu không khí tư tưởng hoàn toàn khác nhau. Trước hết có bầu không khí của những năm 20, hồi đó tôi và những người cùng thế hệ tôi đã sống qua cuộc nổi loạn chống lại cuộc chiến tranh trước. Cuộc xung đột nổi bật bấy giờ là cuộc xung đột giữa những kẻ bên vực các giá trị truyền thống của quốc gia chống lại những kẻ chủ hòa vẫn phản đối cuộc tàn sát lớn lao. Rồi đến những năm 30 với cả một bầu không khí tinh thần khác biệt. Cộng-sản chủ nghĩa, phát xít chủ nghĩa và dân chủ tự do cùng lao vào một cuộc tranh đấu tay ba, bối cảnh của cuộc tranh đấu ấy là thảm trạng của

nền kinh tế khủng-hoảng toàn thế-giới, là niềm quyết tín của nhiều người cho rằng chế độ tư bản đang chết, là những thành tích giặc gân của các ngũ-niên kế-hoạch xô-viết cùng với những cuộc thanh trừng lớn ở Mạc-tư-khoa. Bầu không khí thứ ba là bầu không khí hậu chiến, với cái ám ảnh của chủ nghĩa cộng sản; riêng ở Pháp thì ám ảnh này lại trùng hợp với cái mốt hiện sinh chủ-nghĩa, vì vậy cho nên tại Pháp cuộc xung đột giữa cộng-sản và chống-cộng-sản lại liên hệ một cách ngộ nghĩnh với cuộc xung đột giữa chủ nghĩa hiện sinh và các hình thức triết học khác. Cuối cùng, kể từ 1956 và nhất là từ 1960 về sau, chúng ta bước vào thời kỳ thứ tư. Sau khi Staline chết, chủ nghĩa xô-viết dần dà mất sức mê hoặc; bài

(1) *Réalités* số 269, tháng 6-1968. Bài phỏng vấn *Les dangers du snobisme intellectuel* do Tanneguy de Quénétain.

diễn từ của Khrouchev đọc tại Đại hội lần thứ XX đã làm tan biến một số ảo tưởng, và trên toàn thế giới bầu không khí tinh thần đã đổi khác. Tại Paris, điều đó đã biểu hiện ra trong tiểu-thuyết-mới, trong cơ-cấu-luận, trong thứ điện ảnh mà Godard là đại diện lừng lẫy nhất, trong cái khuynh hướng lãng mạn về bạo động và về về hành động thuần túy theo kiểu « Che » Guevara.

— Nhưng tất cả những cái ấy chỉ là hiện tượng riêng của Paris, hay là chung cho cả thế giới ?

— Tôi có bắt gặp những khía cạnh quốc tế, đặc biệt là ở sự ham chuộng bạo động và ở cái cách mạng chủ nghĩa có tính chất lãng mạn. Do những phương tiện giao thông nhanh chóng, cho nên một cái mốt đã tràn lan trên khắp hoàn cầu.

Nhưng mà trong hiện tượng ở Paris, có điều làm tôi chú ý, ấy là các mốt tư tưởng thay đổi một cách quá nhanh và thay đổi một cách triệt để. Một tác giả đang được coi là tiêu biểu cho tinh thần của thế-kỷ, mấy năm sau đã hóa ra một tư tưởng gia cồ lỗ. Ngày nay một số thanh niên Pháp cực tuyệt Sartre cũng với một thái độ cương quyết như thái độ mà trước đây mười năm thế hệ trẻ bấy giờ suy tôn ông ta làm thần tượng. Nếu triết-học có nhiệm vụ suy cứu về một số vấn đề có giá-trị trường cửu và phổ biến, thì cái việc các triết-gia có thể chạy từ quan-điểm này đến quan-điểm kia nhanh đến thế thật là một việc lạ lùng.

— Không phải cùng những triết gia ấy. Sartre không hề thay đổi ý kiến và Foucault chưa hề bao giờ theo thuyết hiện sinh.

— Foucault đã từng là mác-xít và, theo tôi tưởng, hồi còn trẻ ông ta cũng ít nhiều có khuynh hướng hiện-sinh, nhưng cái đó không quan trọng mấy. Tôi được biết nhiều giáo sư triết hôm nay đang giảng dạy các chân lý cơ cấu cũng đầy nhiệt tין y như hồi mười lăm năm trước đây họ giảng dạy các chân-lý hiện-sinh. Và ngày nay mà đặt vấn-đề ngờ vực một số tín-điều cơ-cấu giả ngụy cũng khó khăn như cách đây mười lăm năm mà đặt vấn-đề về một số tín-điều hiện-sinh. Tôi được biết có tờ tuần báo tả phái nọ, ở đó trước đây hề ta phê bình sự giải thích chủ nghĩa mác-xít theo quan điểm hiện sinh và bây giờ hề ta phê bình lối giải thích theo quan điểm cơ-cấu là nhất định thế nào cũng bị nhà trí thức phụ trách bảo vệ quan niệm chính thống đúng mốt xông ra phi bác.

Đặc điểm thứ hai của cái mốt ở Paris — dính liền với đặc điểm thứ nhất — ấy là mặc dù nội dung trái ngược nhau nhưng các phương pháp lại giống hệt nhau. Trong thời hiện sinh chủ nghĩa người ta chửi rủa khoa học chủ nghĩa (1); bây giờ trong thời kỳ cơ-cấu-luận, khoa-học-tính (2) lại thành cái mốt. Nhưng trong cả hai trường hợp, người ta làm y hệt một cách như nhau : người ta đem một số tư-tưởng chủ-yếu nào đó biến chế ra thành một thứ hệ-thống mà trong trường hợp này người ta gọi là hệ-thống triết-lý, và trong trường-hợp kia gọi là hệ-thống khoa-học.

(1) Tham vọng muốn giải thích tất cả bằng khoa-học (Chú thích của tác giả)

(2) Althusser và các bạn dùng danh từ này để gán cho các « lý thuyết » của họ tính cách những khoa học (mà thực ra các lý thuyết ấy không hề có). (Chú thích của tác giả).

Đặc điểm thứ ba, ấy là sự pha trộn kỳ cục những phim của Godard với cuộc cách-mạng văn-hóa ở Tàu, với cơ-cấu-luận của Lévi-Strauss, với phân-tâm-học của Lacan. Cách đây ít lâu truyền hình có dành một chương trình cho Lévi-Strauss. Một mặt có phần trình-bày của Lévi-Strauss theo cách thức riêng của ông là rất chặt chẽ; và mặt khác người ta đưa ra một mớ những hình-ảnh loạn xạ ngẫu, vừa kỳ quặc vừa mâu thuẫn tột bậc, lắm khi không thấy liên quan gì với lời nói. Đúng kiểu Paris đặt biệt.

— *Hiện tượng ấy ông giải thích ra sao? Giữa Godard với Lévi Strauss có sự liên hệ thế nào?*

— Tôi không thấy có. Nhưng tôi nhận thấy cái nét Parisien đặc biệt này, ấy là mối liên hệ rất mật thiết giữa văn chương, triết-lý, các khoa-học nhân-văn, chính-trị và một số khía cạnh nghệ-thuật. Cái ấy không hề có ở bất cứ nơi nào khác.

Như thế là do ở cái tổ chức của cuộc sống trí-thức tại Paris. Không có một thành phố nào trên thế-giới mà tập trung nhiều trí-thức đến như thế, không có thành phố nào mà sự liên lạc nhau giữa các triết gia, bác học, nghệ sĩ dễ dàng đến thế, mà chính trị xen lẫn với những cái đó chặt chẽ đến thế. Trong thời kỳ Sartre người ta còn có thể hiểu hiện tượng này được, bởi vì hồi ấy có một nhân vật đặc biệt vừa là một triết-gia, vừa là một nhà văn lớn, lại vừa là một người dẫn thân làm chính trị. Còn ngày nay thì cứ những điều trông thấy có vẻ trái hẳn lại, bởi vì đáng vì nhân là Lévi-Strauss lại chẳng hề động tới chuyện chính trị, Lacan hay Foucault hết sức dè dặt về

chính trị. Nhưng rốt cuộc cũng vẫn thế. Người ta vẫn trộn xà ngẫu Lévi-Strauss và Lacan với "Che" Guevara, trộn lẫn cái chủ tri thuyết tinh tế nhất với những vụ dẫn thân chính trị bề ngoài có vẻ rất thô bạo.

— *Như vậy tức là có một sự phân ly giữa các đòi hỏi của trí năng và các đòi hỏi của hành động và của đời sống tình cảm chăng?*

— Vâng, nhưng cái được cho là phân ly ấy lại giống một cách lạ lùng với sự liên-hiệp trước kia. Bởi vì Sartre, vốn là đại diện xuất sắc nhất của cái tinh thần tinh tế nhất, tức tinh thần của trường Quốc-gia cao đẳng su-phạm, lại đem cái tinh-tế ấy dùng vào việc biện-minh cho hiện-tượng thô bạo nhất của thời đại ông ta, tức chủ nghĩa Staline. Và ngày nay, những kẻ nghiên cứu về ngữ-học hay cầm cuốn *Ecrits* của Lacan đi dạo, những kẻ ấy lại cầm cuốn sách hồng của Mao-Trạch-Đông trong tay kia.

— *Trong cái hiện tượng một trí thức ở Paris, ông thấy chỉ có toàn những yếu tố tiêu-cực, hay ông nhận rằng cũng có những yếu tố tích-cực nào trong ấy chăng?*

— Phần tích-cực, là nó giúp văn chương và nghệ thuật thu nạp tư-tưởng cho được phong phú thêm, và giúp những tư tưởng già giữ được sự tiếp xúc với các hình thức diễn-tả khác. Phần tiêu-cực, là ở chỗ đời một quá nhanh, ở cái tinh cách công thức của nó, là những sự xoay chiều đột ngột ấy bao hàm tính chất thiếu xác-thực, và ở chỗ làm mất đi sự phân biệt tôn-ti đích thực, người ta liệt ngang hàng nhau những người mà giá trị cách nhau rất xa.

Hãy nói về trường hợp bốn vị thần-

tượng của cơ-cấu-luận : Lévi-Strauss, Foucault, Lacan, Althusser. Cái ý kiến đem xếp chung với nhau hai con người khác nhau tận căn bản như Lévi-Strauss và Althusser, theo tôi ý kiến ấy thật không thể nào tưởng tượng nổi ngoài khung cảnh cái thế-giới trí-thức Paris này vốn liên hệ mật thiết với lớp triết học ở nhà trường. Cứ theo những bậc lão luyện, dấu sao đó cũng là tiêu-chuẩn quan-trọng nhất, thì Lévi-Strauss hiển nhiên là một nhà bác-học lớn. Trong các nhà dân-tộc-học các nước không có một ai, ngay cả những kẻ chống lại tư tưởng của ông nhất, mà nghi ngờ tầm quan trọng của sự đóng góp của ông vào nền khoa học.

Còn Althusser thì ông ta là một con người dễ mến và có kiến-thức, nhưng không một ai trong số những người thực sự am hiểu về văn-học mác-xít mà nghĩ rằng ông ta có góp chút gì độc đáo đáng kể vào công cuộc giải thích chủ-nghĩa mác-xít. Cái mà ông ta trình bày như sự đóng góp có tính cách khoa-học chủ-yếu của Marx, tức là thuyết thặng-sự giá-trị, cái ấy 95% các kinh-tế-gia đều cho là yếu tố có tính-cách không-tưởng nhất, ít khoa-học nhất và sơ hỏ nhất trong tác phẩm của Marx.

Hơn nữa, nếu Althusser nói cho ta biết tại sao cái mà tất cả các kinh-tế-gia đều cho là sơ hỏ nhất ông ta lại xem là một sự đóng góp căn bản có tính cách khoa học, nếu được thế người ta có lẽ có thể bảo ông ta có lý và kẻ khác sai lầm. Nhưng trong tác phẩm của ông ta lại không hề có lấy một lập luận nào để chứng minh cái ý kiến cho rằng thuyết thặng dư giá trị là khoa học. Bởi vì

chính ông ta đã nói rằng ý-niệm thặng dư giá-trị không thể hàm lượng (3) mà cũng không thể dùng để phân tích được. Đưa ra một ý niệm vừa không thể hàm lượng vừa không thể dùng phân tích mà coi là nguyên tắc của một khoa học mới, làm như thế tức hoặc là phỉnh gạt người khác hoặc là tự phỉnh gạt mình. Do đó gần như không thể nào bàn cãi một cách nghiêm chỉnh về sự đóng góp khoa học của Althusser... bởi vì cái ấy không hề có.

Và đó chính là chỗ đặc biệt của cái mốt ở Paris. Khoa-học-tính hiện đang hành cái mốt, thế là người ta cứ việc nói chuyện không tưởng mà cứ giải thích rằng đó là khoa-học. Rồi thì các bạn trẻ đang học triết, hoặc các giáo sư triết của họ vốn chưa từng đeo đuổi một khoa-học nào lắng nghe cái luận điệu phỉnh gạt nọ một cách sùng kính và đem đặt nó lên ngang hàng thứ lý luận khoa học của Lévi Strauss.

— Phải chăng ông cho rằng đó là dấu hiệu sự khủng hoảng của tư tưởng mác-xít mà người ta thấy lỗi thời và người ta cố gắng cứu vãn bằng cách đem nó thích nghi với thị hiếu mới?

— Đích thị là như thế. Vấn đề của giới trí thức Paris là tìm xem làm sao hôm nay họ vẫn còn được làm phần tử cách mạng. Muốn thế có thể chọn lựa giữa nhiều giải pháp khác nhau. Hoặc giả người ta đem một lối giải thích phương thức sản xuất tư bản

(1) Không ai có thể tính được giá cách của thặng dư giá trị, mà cũng không thể đem quan niệm thặng dư giá trị để phân-tích thực tại một cách chặt chẽ được. (Chú thích của tác giả).

theo cơ-cấu-luận mà trộn lẫn lộn với một lối thực hành kiểu «Che» Guevara. Đó là một trong những mốt hiện thời. Một mặt người ta mần cơ - cấu - luận trong việc giải thích thực tại một cách khoa học ; mặt khác người ta mần thứ hành động thuần túy theo kiểu du kích. Hoặc giả người ta thử cố gắng hòa hợp, về phương diện lý-trí, hai cái đó, bằng cách đặt ra một sự phân-biệt giữa cái « thực hành lý thuyết » và cái « thực hành thực hành », theo như Althusser đã làm. Đó là những danh từ đúng mốt hiện nay ! Danh từ trước chỉ về cơ-cấu, và danh từ sau là chuyện Cuba đấy.

Nhưng cái mốt trí thức này phải chăng đã được đánh dấu bằng một thứ hư-vô chủ-nghĩa về mặt chính-trị phát sinh vào lúc tàn cuộc của niềm tin-tưởng vào lịch sử theo quan-niệm Mác-xít ?

— Ngay trong cuốn *L'Opium des intellectuels* tôi đã dẫn một đoạn văn của Merleau Ponty để phê bình, đoạn văn ấy cho rằng : chủ nghĩa Mác-xít không phải là một triết lý về lịch sử ; nó là cái triết lý của lịch sử. Do đó hoặc Marx có lý hoặc Shakespeare có lý, và như thế lịch sử chỉ là một câu chuyện của một thằng ngốc kể lại, đầy những âm thanh cuồng nộ và không có chút nghĩa lý gì ráo. Thật vậy, mọi việc đã xảy ra như thể thế-hệ này công nhận rằng Marx sai lầm, và kết-luận rằng không còn gì nữa cả và lịch sử không có ý nghĩa.

Thái độ bất quan tâm đối với lịch sử và trở về với Nietzsche mà Michel Foucault đã làm sống lại như một cái mốt, thái độ ấy ngay chính ở Foucault một phần là do nơi sự thất vọng đối với chủ-nghĩa Mác-xít. Nhưng cũng còn khó

biết được là Foucault đã chú ý đến khía cạnh nào của học thuyết Nietzsche Siêu nhân chăng? Cuộc hồi đầu thường xuyên chăng? Tư-tưởng lệ thuộc cuộc sống chăng? Chỉ có thể nói được chắc chắn là học-thuyết Nietzsche là một học thuyết phi-mác-xít.

Nói cho đúng tôi nghĩ rằng trong giới trí-thức thái-độ bất quan-tâm đối với lịch sử là do ở hai lý-do chính-yếu : trước tiên hiện thời họ không thể nào định được một nội dung rõ rệt về mặt lịch sử cho sự ước mơ, cho cái ý-chí tiến một xã-hội lý tưởng, khác biệt một cách căn bản với cái xã-hội mà chúng ta đang biết đây. Người ta cho rằng xã hội Tây-phương của chúng ta không thể chấp nhận được chăng, nhưng biết đưa nó về cái không-tưởng nào đây ? Trước đây ít lâu, người ta từng có thể vừa là không tưởng vừa thân xô-viết. Nhưng bây giờ người ta biết quá nhiều về những cái hay cùng cái dở của xã-hội xô-viết, nên không thể nào lấy nó làm một mối mơ không tưởng được. Còn như chọn Cuba hay chọn Trung Cộng thì quả thực là một cuộc chọn lựa không-tưởng đến căn bản, nhưng đó là một cuộc chọn lựa sự hành động thuần túy mà thôi, bởi vì cái kiểu mẫu Cuba hay Trung-cộng hoàn toàn không thích-hợp với sự tiến-hóa của xã hội chúng ta.

Sau cùng có cái này là cái quan trọng nhất : một xã hội, như xã hội của chúng ta đây, tự nó biến đổi luôn luôn, cho nên nó làm nản cái ý-chí cách-mạng. Nhân xét về Hoa-kỳ Tocqueville đã thấy rõ như thế hồi thế-kỷ XIX : một xã hội xao động hiếm khi có tính chất cách mạng. Sự quay cuồng ngăn cản không cho xã hội qui động lại, và chính sự qui động ấy

phát sinh ra ý-chí cách-mạng. Một nước như nước Pháp hiện nay, tại đây dù có chuyện gì xảy ra đi nữa thì mức phát-triển của sản xuất quốc gia vẫn từ 3 đến 5% mỗi năm, các nhà máy vẫn mọc, nông dân vẫn giảm mất, ấy là một xã hội đang biến đổi. Những hạng tiểu-nông muốn níu giữ sản nghiệp của họ thêm năm năm nữa chỉ là những kẻ có xu hướng Poujade, chứ không phải có tư tưởng Mao-trạch-Đông. Còn những người trẻ không có việc làm, họ có thể làm thành một khối bất bình và náo loạn, nhưng không thể thành một đạo quân cách-mạng thực sự. Tả phái ở Pháp phải nhằm vào những cuộc cải-cách chứ không thể vào cuộc cách-mạng được nữa. Và rõ ràng là kiểu cách-mạng theo lối Sartre tỏ ra lỗi thời, mặc dù theo ý tôi nó đã lỗi thời từ khoảng các năm 50 kia.

— Ở Sartre còn có một cái khác cũng tỏ ra lỗi-thời nữa. Hệ-thống triết-học của ông ta chỉ căn cứ trên sự vận-dụng tư-tưởng hữu-thức, trên cái « cogito » của Descartes. Nhưng chính các sự khám phá của các khoa ngôn-ngữ-học, dân-tộc-học, và phân-tâm-học lại cho ta thấy rằng các hoạt động tinh - thần phức-tạp nhất và hợp-lý nhất ở nơi con người có thể điều hành biệt lập với cái bản ngã có ý thức và có tổ chức. Ông nghĩ sao về câu nói độc đáo của Lacan cho rằng không nên nói : « tôi tư tưởng » nữa, mà phải nói « cái ấy tư tưởng ».

— Thay vì suy diễn tất cả từ cái « cogito » theo kiểu Sartre hay ngay cả Husserl nữa, ngày nay người ta cho rằng nên bỏ sự căn cứ vào « cogito » ấy đi, và nên căn cứ ở những hệ thống khái-niệm thuần túy. Đồng ý. Nhưng

tôi nhận thấy người ta có xu hướng đi từ chỗ cực đoan này tới chỗ cực đoan kia. Khi mà Sartre muốn gạt bỏ tất cả phần vô thức và xây dựng toàn bộ xã hội từ sự hoạt động hữu thức, ông ta đã đẩy cái triết lý « cogito » đi xa quá giới-hạn của nó. Nhưng mặt khác cái ý-tưởng muốn gạt bỏ hoàn toàn phần hữu thức, muốn xây dựng một thứ triết-lý của những khái-niệm và những cơ-cấu trong đó không có bóng con người hữu-thức, có khả năng phán đoán và có ý chí, cái ý tưởng ấy dưới hình thức cực đoan ấy, theo tôi thì lại rơi vào chỗ quá đáng ngược lại.

— Nhưng quả thực người ta đã đến cái quá đáng ấy chưa?

— Ở mức độ của một Lévi-Strauss hay ngay cả một Foucault thì chưa, nhưng mà ở hạng các môn đồ, các kẻ muốn theo một thì than ôi đã đến rồi. Ở Foucault có một tư tưởng căn bản không phải hoàn toàn mới mẻ mà tôi nhận thấy có vẻ rất khích thích sự suy tưởng và có thể đem đến một phương pháp nghiên cứu hiệu quả. Foucault nghĩ rằng mỗi thời đại có một hệ thống khái-niệm căn bản — mà ông gọi là épistèmè — căn cứ từ hệ-thống ấy người ta chỉ có thể nghiên cứu được một số khía cạnh của thực tại còn những khía cạnh khác thì không thể nghiên cứu được bởi vì người ta chỉ thấy được cái gì mà người ta có nghĩ đến thôi, hoặc giả bởi vì người ta chỉ đề-mục-hóa cái gì mà người ta có một ý-niệm.

Tuy vậy, nguyên tắc ấy cần phải được chứng minh và dù sao không có lý do gì để xây dựng một triết-học tổng quát trên phương-pháp ấy. Và sở dĩ người ta đã đem nó làm một triết-học tổng-quát, chính là vì các dự-âm của

học thuyết Nietzsche mà người ta đã gặp trong một vài danh-từ như là « cái chết của con người » hay « chung cuộc của triết lý », theo tôi đó lại là những yếu tố sơ hờ nhất của cuốn *Les mots et les choses* vốn là một tác-phẩm tuyệt mỹ

— Nhưng chính ra tại sao Foucault và tất cả các nhà tư tưởng hiện-đại có thể bị hiểu lầm như thế ? Phải chăng bởi vì bí-hiếm là cái mất ?

— Đúng thế, như tờ *Times Literary supplement* đã nhận xét, người ta không có thể bảo rằng đặc điểm của tư-tưởng ở Pháp ngày nay là sự trong sáng nữa. Và nguy hiểm cho kẻ nào muốn có uy tín trong bầu không khí Paris hiện nay mà lại viết trong sáng.

Nhưng phải phân biệt. Lévi-Strauss khó đọc, nhưng tôi cho rằng cách phổ diễn khoa-học của ông ta sáng sủa hơn cách phổ-diễn tư tưởng triết-học của Sartre nhiều. Ông ta không hề có chút gì muốn làm ra bí-hiếm. Foucault có thể khó đọc vì ông ta có cái khuynh hướng muốn lạm dụng ẩn-ngữ. Ông ta thường hay đổi giọng và thường hay ám chỉ đến một số lớn những tác-giả và những tư-tưởng mà độc giả không phải bao giờ cũng chắc là đã biết qua. Cuối cùng có những tác-giả triết đề tối tăm, một cách cố ý, như Lacan. Như thế là ông ta chơi cút bắt với độc giả.

Vì có những trường hợp khác nhau như thế cho nên tôi không thể có một lời phán đoán chung về các lý do của tình-trạng tối tăm trong tư-tưởng Pháp. Khi đem so sánh với xu hướng duy nghiệm của người Anglo-Saxons và ngay cả với người Đức hiện nay vốn đang chịu rất nhiều ảnh hưởng Mỹ, thì

cái tối tăm của Pháp lại càng nổi bật mạnh mẽ. Nước Pháp trở nên thừa kế cái tối tăm của Đức ngày xưa. Tübingen hiện ở Paris. Không biết rồi mai sau các nhà nghiên cứu của chúng ta sẽ được xem như là đám hậu-bối của tư-tưởng Đức hay như là những đấng tiên tri của một một hệ thống đang thành hình, vì quá cao xa nên hóa tối tăm.

— Theo ông, vì sao mà tư tưởng Pháp lại tiêm nhiễm của Đức đến thế. Mới đây người ta tôn thờ Marx, bây giờ có kẻ chôn Marx... để rồi làm sông dậy Nietzsche. Người ta luôn luôn đi từ thái cực Đức này tới thái cực Đức kia.

— Tôi thiết tưởng đó là vì trên bình diện hệ thống triết học, chúng ta đang ở vào một thời đại kinh học (1). Không phải là trong những lãnh vực riêng biệt: ngôn ngữ học, triết học phân tích, thuyết duy nghiệm hợp lý. Mà tất cả các hệ thống triết học lớn hiện tại đều là những triết học kinh phái. Ngay cả Sartre cũng thế.

— Phải chăng sự tối tăm cũng thích hợp với một thị hiếu của Paris là thích những lối lý luận chỉ đứng ở bề ngoài, gần như là những nguy biện hoàn toàn ?

— Không đúng hẳn là những nguy biện, nhưng đó là cái thói quen biện luận về mọi chuyện mà không cần điều tra trước và không cần nghiên cứu các vấn đề, thói quen do hệ thống giáo-dục của Pháp gây ra. Đây là một thí dụ đáng chú ý: hiện nay có một số triết-gia chỉ trích — sự chỉ trích chính đáng —

(1) Période d'épigones. Tạm mượn chữ của Phùng Hữu Lan để chỉ thời kỳ phát huy các học thuyết, phân biệt với thời đại tử học là thời sáng lập ra các học thuyết. (Chú thích của người dịch.)

thuyết duy-nghiệm, và thích cái tư-tưởng của Bachelard — tư tưởng và chẳng đã thành cở điển — cho rằng khoa học không phải chỉ là quan sát hay là phản ảnh của cái gì được biết từ đầu, mà nó có tính chất sáng tạo do ý niệm và kinh nghiệm thực tại. Nhưng người ta mượn của quan niệm chỉ trích duy nghiệm cái điều vốn là mối nguy hiểm của quan niệm ấy, tức là nhân danh thuyết phi duy nghiệm người ta tự cho mình cái quyền mơ tưởng ra một khoa-học về lịch sử chẳng hạn mà không biết gì về thực tại lịch sử, hoặc giả người ta tự cho mình cái quyền tưởng tượng ra một « hỗn hợp các phương thức sản xuất » mà không từng bắt đầu tìm hiểu về các phương thức sản xuất căn cứ theo sự điều tra cụ thể.

Không phải là những hạng người ấy đã trở nên nguy hiểm, nhưng là vì cái lối biện-luận của Pháp theo kiểu vẫn áp dụng ở năm dự bị sư-phạm hay trong trường Cao-đẳng sư-phạm, khốn thay lại cứ tiếp tục trong một phần các công việc gọi là đứng đắn. Nhân danh thuyết phi-duy-nghiệm người ta xây

dựng nên một lý-thuyết mà không có một sự điều tra đầy đủ.

— *Điều này đặc biệt ở Pháp chẳng ? người ta có gặp thấy ở các đại học ngoại quốc chẳng ?*

— Không có ở đâu trầm trọng như ở đây. Ở Pháp người ta bắt trẻ con mười ba mười bốn tuổi bình giải về vấn đề ái tình trong tác phẩm của Racine và trẻ mười bảy tuổi phi bác Kant. Đã trót lao vào những con đường như thế, không có lý gì khiến chúng dừng lại được nữa. Tôi công nhận rằng tinh hoa do hệ thống giáo dục ấy đào tạo ra cũng đôi khi rực rỡ. Nhưng họ phải thoát ly ra, họ phải sát với thực tế, hay là họ phải thực sự nghiên cứu khoa học thay vì nói chuyện khoa học tính. Và hậu quả nghiêm trọng của cái mất tinh thần ở Pháp, cái nguy hại của thị hiếu Paris, là ở chỗ nó xui cho những kẻ thông minh mất đi sự đứng đắn.

TANNEGUY DE QUÉNÉTAİN ghi
(TRANG THIÊN dịch).

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Đã phát hành toàn quốc :

THI-CA MIỀN TRUNG VIỆT-NAM

do LƯƠNG TRỌNG MINH biên soạn với sự hiện diện của
39 nhà thơ lưu-lạc bốn phương trời.

Sách dày 320 trang.

Giá 165đ00

Những ngày cuối cùng của thi sĩ Đông - Hồ



Hình thi-sĩ Đông Hồ
do một sinh viên chụp tại sân trường
Đại-học Văn-khoa trưa ngày 11-2-69.

môn-sinh của Thầy — xin hân hạnh ghi lại đây vài đường nét liên-quan đến nếp sống tâm-tĩnh và văn nghệ của nhà thơ. Những giờ sống với thầy Đông-Hồ chan hòa thơ và mộng. Mấy dòng này, về những ngày cuối cùng của Thầy, xin được viết ra như đốt nén tâm hương thương tiếc người vừa mới ra đi.

Chất thơ nơi người thơ

Sống với thầy Đông-Hồ là sống trong một không khí thơ. Chất thơ nơi thi sĩ thể hiện qua nếp sống nghệ-sĩ hào hoa, những lần tặng thơ, tặng sách.

Cảm-mến cái hồn-hậu trong thơ văn, ngắm nhìn những đường nét thanh-nhã nơi bức chân dung, người ta chỉ hiểu một phần về thi-sĩ Đông-Hồ. Phải sống, phải gần-gũi, phải tiếp xúc, chúng ta mới có thể thông cảm trọn vẹn nhà thơ ấy.

Thi-sĩ đã sống và viết với nhiều thế-hệ văn-học — thế hệ 1913, 1932, 1945 và hôm nay. Mỗi khi gia nhập thế-hệ nào, thi-sĩ cũng được đón nhận dễ-dàng và nồng-hậu. Sự cảm-thông của các văn nghệ sĩ đối với nhà thơ này, phần lớn nhờ tinh thần thích nghi trong văn-nghệ và ôn-hòa trong cách tiếp xử của người. Tinh-thần đó càng thể-hiện rõ-rệt hơn trong lối giao-tế với bằng-hữu, trong cái nhìn triu mến và hòa đồng với kẻ hậu-sinh.

Từng ngập mình trong không-khí cổ-kính của lớp học cổ-văn Việt-nam-kẻ viết bài này — một trong những

Tôi kính thầy Đông Hồ vì, ngoài cái « nguồn xuân bất tận, suối thơ dài » (1), Ngoài cái vẻ tiên-phong đạo cốt, tôi còn tìm thấy nơi thầy một người

(1) Thơ Đông Hồ

từ-phụ luôn luôn bảo bọc tuổi trẻ bằng tình-thương. Thầy là một nhà thơ mà hình như những câu chuyện của thầy chỉ liên-quan đến thơ ! Câu chuyện nhỏ này là một thí-dụ điển-hình.

« Một bữa kia — thầy Đông Hồ kể — ông Lâm-Ngọc-Huỳnh, Khoa trưởng Văn-khoa Huế, tỏ ý mời thầy ra dạy vài giờ văn chương quốc-âm. Thầy hẹn với ông đề thầy về coi lại có thể đi được không. Sau, thấy tuổi mình đã già, sức đã yếu, đường đi lại xa xôi, thầy quyết định là không thể đi được. Thầy định đánh điện tín trả lời như sau « Cảm ơn hảo ý của ông nhưng tôi không thể đi được »

Nhưng thầy lại nghĩ rằng mình là người dạy văn chương, hơn nữa là một người làm thơ, chẳng lẽ lại trả lời cộc-lốc như vậy. Nên thầy mới làm một bài thơ và gửi đi bằng điện-tín. »

Cả lớp phì cười. Thầy cũng cười và tiếp :

« Hôm đi gửi, cô nhân-viên bưu-điện ngạc nhiên hỏi :

— Ủa, ông gửi gì lạ vậy ? Hình như một bài thơ ?

— Ừ, bài thơ.

— Nếu người ta bỏ hết các dấu, làm sao người nhận đọc được ?

— Kệ nó. Cô cứ đánh nguyên văn. Còn được gì hay nấy ».

Thầy, tủm-tủm cười và đọc bài thơ đó như sau :

« Đại-học xa đưa hương ngự-uyên
Tràng-an không tiện bước vân trình
Huệ lan ơn tạ lòng tri kỷ
Lỡ hẹn sông Hương, núi Ngự-bình ! »

Buổi học cuối cùng : người thơ nằm xuống trong tiếng Thơ

Những buổi học với thầy Đông Hồ cứ êm đềm và thân mật trôi qua, với một mái đầu tuyết trắng và những mái đầu xanh, với những cái nhìn gửi trao dung-dị của một thế hệ — hay nhiều thế hệ — cho một thế hệ mới đến ..

Nhưng, sáng hôm đó, thứ ba 25-3-1969 cái giờ khắc-nghiệt làm ranh giới giữa ở lại và ra đi đã xảy đến ! Như thường lệ, chúng tôi có hai giờ học văn chương quốc âm với thầy, từ 10 giờ đến 12 giờ. Tuần trước, thầy đang giảng dở dang ở cảnh I lớp 3 trong tuồng Kim-Thạch Kỳ-đuyên của cụ Bùi-hữu-Nghĩa.

Sáng nay tôi đến trường hơi sớm khoảng hơn 9 giờ. Vừa đến sân trường, tôi đã thấy thầy Đông-Hồ ôm cặp chậm rãi bước lên những bậc thềm. Thầy vẫn có thói quen đến trường sớm, và chuyện trò thân mật với sinh viên.

Thấy thời gian chờ đợi vào lớp hơi lâu, tôi quay xe ra đường Lê-Lợi với ý định mua vài quyển sách. Sẵn dịp, tôi thả rộng lung tung, không sợ vào trễ. Mà có vào muộn, tôi cũng chẳng lo chép thiếu bài, vì tôi đã có « kinh nghiệm » rằng trong giờ đầu, rất hiếm khi thầy giảng vào bài. Cả giờ đó, thầy thường kể những giai thoại về văn chương, hoặc tặng sách, hoặc ngâm rỗi cho sinh-viên chép những bài thơ của thầy... Vì vậy, tuy chúng tôi học với thầy hơn nửa năm mà số trang ghi chép lời giảng dạy chưa vượt quá con số 15. Trong khi đó cũng với số giờ như vậy, các vị giáo sư khác cho chúng tôi ghi chép hàng năm bảy chục

trang. Đề giải-thích sự kiện này, thầy vẫn nói với chúng tôi : « Các con đã thấu-thái được cái học cao xa của thầy Khoa-trưởng, các con lại được học cái kiến thức rộng rãi của thầy Thanh Lãng, các con cũng đã thường-thức cái thâm-trầm của thầy Nghiêm-Toản, còn những giờ của thầy chỉ là một thứ hoa nào đó trang điểm thêm cho trường Văn-Khoa. Có thầy cũng được, không có thầy cũng chẳng sao. Còn những điều thầy nói với chúng con tuy không có trong bài nhưng cũng thuộc phạm vi văn chương cả »...

Chính cái tính thích nói chuyện "xa xôi" đó của thầy đã làm cho một số sinh viên chán nản, không đi học giờ thầy. Một số khác chỉ đến ghi tên vào cuốn sổ của thầy rồi sẽ lén bỏ về. Chỉ có thầy Đông-Hồ dùng cuốn sổ này. Buổi học nào thầy cũng bắt sinh viên chuyền nhau ghi tên và ký vào đó. Đây là một mối lo ngại cho những ai không thích học giờ thầy ; sợ rằng thầy sẽ căn cứ vào sự hiện diện trong niên học để cho điểm khi chấm bài thi hay hỏi vấn đáp trong kỳ thi cuối năm. Thật ra không phải thế. Có lẽ người ta nên hiểu cá tính nghệ-sĩ của thầy. Thầy rất thích sống với những kỷ niệm. Những tên họ và những chữ ký kia phải chăng, trong một buổi chiều nào đó, sẽ gọi lại trong thầy những khuôn mặt yêu mến mà thầy đã gặp gỡ trên những chuyến đò đưa khách sang sông.

Hôm nay là ngày mừng 8 tháng 2 âm lịch. Lễ kỷ-niệm Hai Bà Trưng vừa được cử hành hai hôm trước. Vì thế, sự nhớ lại chuyện cũ, thầy kể cho chúng tôi nghe một giai-thoại văn chương có liên quan đến Hai Bà :

« Hồi tiền chiến, nhân lúc sửa lại đền kỷ niệm của Hai Bà ở làng Đồng Nhân, người ta có tổ chức một cuộc thi thơ đề chọn một bài hay nhất khắc vào tấm bia trước đền. Cái khó nhất của người làm thơ là làm thế nào tránh không lặp lại những điều mà các thi sĩ đi trước đã nói rồi. Ngoài ra, đây là một bài thơ đề miếu, chứ không phải là một bài thơ vịnh. Vì vậy, nhiều người đã lạc đề, bởi không đề ý cái điều thứ hai đó. Và bài thơ chiếm giải nhất đó như sau :

ĐỀ MIẾU HAI BÀ TRUNG

*Ngựa Đông đã lên không
Rừng Thanh voi sồ lờng
Một chồi hoa nụ Lạc
Muôn dặm nước non Hồng
Trăng tơ gương hồ Bạc
Mây tan dấu cột đồng
Nén hương lòng cố quốc
Xin khẩn một lời chung ».*

Thầy cắt nghĩa toàn bài, đại ý như sau :

Câu đầu nhắc lại một sự kiện lịch sử xảy ra trước lúc Hai Bà Trưng ra đời — chuyện Phù-Đổng Thiên Vương. Câu dưới nhắc lại một sự kiện xảy ra sau cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà — chuyện bà Triệu. Như vậy tác-giả đã giới hạn thời điểm mà Hai Bà xuất hiện. Hai câu ba, bốn diễn ý rằng chỉ một đóa hoa (Bà Trưng) của quê hương ta rụng xuống cũng đủ tỏ thắm cho giang-sơn gấm vóc này. Cái hay của tác-giả là đã ghép hai chữ "Lạc-Hồng" liền nhau. Hai bà đã giao chiến với Mã-Viện nơi Hồ Lãng-Bạc ; công nghiệp của Hai Bà vẫn sáng chói như

mặt hồ nghìn thu lấp lánh ánh trăng soi. Trái lại, cái cột đồng là biểu tượng sức mạnh kiên cố của Mã-Viện đã theo thời gian gãy đổ đi như áng mây kia chẳng mấy chốc tiêu tan trước gió. Tất cả 6 câu trên chỉ mới ca tụng công đức Hai Bà, chưa nói gì đến việc « đề thơ trước miếu ». Các chữ « nén hương » và « xin khẩn » ở hai câu thơ 7 và 8 đã nói đến điều đó...

Sau khi giảng xong, sực nhớ đến tên tác giả bài thơ, thầy bảo rằng bài này của ông Hoàng-thúc-Hội, thân sinh ông Hoa-Bằng Hoàng-thúc-Trâm. Nghĩ hơi một lát thầy kể tiếp :

« Sau này có một lần, thầy và ông Hoàng-thúc-Trâm đi lên thăm miếu Hai Bà, thầy thấy câu thơ thứ nhất đã được sửa lại là « Núi Sóc ngựa lên không ». Thầy ngạc nhiên hỏi. Ông Hoàng-thúc-Trâm bảo rằng chính cha ông không vừa ý nên sửa lại. Về sau, thầy thấy ông Trần-trọng-Kim cũng có cho in bài thơ này trong cuốn « Việt thi » của ông và có chú-thích rằng ban giám-khảo đã sửa lại câu thơ đó. (1).

« Các con thấy, mỗi người nói một cách. Theo thầy đoán có lẽ ban giám khảo thấy bài thơ chưa được toàn bích nên đề nghị và chính tác giả sửa lại...

« Nếu sửa lại câu thơ đầu như thế, theo ý thầy, bài thơ hay quá ! Đố các con hay ở chỗ nào ? »

Thầy vừa hỏi vừa đi xuống lối đi giữa lớp học, tay chỉ vào các sinh viên ngồi hai bên và hỏi :

-- Biết không ?... Biết không ?...

Sinh viên nhao nhao :

-- Thưa, vì hai câu đầu đối nhau.

— ... vì nhắc được một địa-danh lịch sử...

Thầy mỉm cười ôn tồn :

— Đúng rồi. Hay vì hai câu đầu đối nhau, nhưng đối nhau mà vẫn tự nhiên. Và câu thơ sửa lại đã loại được chữ « đã » dư.

Nghĩ một lát, thầy nói sang chuyện khác :

« Hồi năm 1941 hay 43 gì đó, có một bài thơ đã làm cho giới văn-nghệ-sĩ hết sức ngạc nhiên. Đó là bài thơ vịnh Hai Bà của nữ sĩ Ngân-Giang. Bài thơ đó dài, nhưng chỉ có bốn câu thơ cuối đáng nói mà thôi :

*Ái Bắc quân thù kinh vô ngựa
Giáp vàng khăn trở lạnh đầu voi
Chàng ơi, điện ngọc bơ vơ quá,
Chênh chếch trăng tà bóng lẻ soi !*

Từ trước đến giờ, thầy tiếp, chỉ có đàn ông ngâm vịnh công đức Hai Bà. Đây là lần đầu tiên một nữ sĩ ca tụng Hai Bà. Do đó, vì cùng mang nữ-tính, Ngân-Giang đã đề cập tới một khía cạnh chẳng ai ngờ tới. Đó là lúc Bà thảng trận rồi, tuy Bà mặc giáp vàng theo nghi lễ, nhưng lòng bà vẫn nguội lạnh vì chiếc khăn tang (khăn trở) vẫn nhắc nhở cho Bà nỗi sầu cô-phụ. Hơn nữa, lúc về khuya, một mình cô đơn trên điện ngọc, đối diện với vàng trăng lẻ bóng, tâm tư Bà làm sao không đau xót bi thương.

Thầy vừa ngâm vừa đọc. Chúng tôi chép xong. Thầy ngâm lại cả đoạn thơ. Đúng vào lúc thầy ngâm câu thơ

(1) Thật ra chữ « sỏ lồng » (câu 2) và chữ « nự lạc » (câu 3) trong sách « Việt-thi » in là « chửa lồng » và « nhự lạc », trang 65.

thứ tư, một anh bạn ngồi phía sau dùng cán bút thọc vào hông tôi, hỏi nhỏ :

— Ông có cảm nôi cái giọng ngâm thơ của thầy không ?

Tôi bặc-trực trả lời :

— Người Nam các anh ngâm thơ không hay. Nhưng tôi thích nghe vì giọng thầy hồn hậu quá !

Nói xong, tôi quay lên bàn thầy. Tôi nghe giọng thầy tự nhiên lạc hẳn. Mặt thầy đỏ lên, đôi môi mấp má, đôi mắt lơ lơ nhìn xéo lên trần nhà và chân thầy run run đứng không vững.

Hai anh sinh viên ngồi ở trên vội chạy lên. Một anh đỡ thầy; một anh vội kéo cái bàn sang một bên. Các bạn khác đỡ thầy từ từ ngồi xuống ghế. Cả lớp nhón nháo ùa lên bàn thầy. Tường thầy trúng gió, các bạn vội lật cổ áo thầy, bắt gió, xoa dầu, giựt đồ cả hai bả vai. Một mặt, chúng tôi vội chạy xuống phòng giáo sư để báo tin. Nhưng lúc đó, khoảng 11 giờ rưỡi, không còn ai cả.

Thấy bệnh trạng thầy có vẻ nguy ngập, các bạn vội đỡ thầy xuống tầng trệt, vì phòng thầy đang dạy ở lầu hai, lộng gió.

Chúng tôi theo sát bên thầy. Mặt thầy nhìn ngược hẳn lên, trắng bệch. Lúc ấy tôi ngỡ thầy nhìn lại chúng tôi, cảm động mà không nói được. Đưa thầy vừa xuống tới bậc thềm, một người đàn ông đứng tuổi chạy đến bảo đã có xe đưa thầy đi. Khi

chúng tôi đưa thầy vào băng sau chiếc xe, thầy vẫn thêm-thiếp. Chiếc xe lao vun-vút ra khỏi cổng trường Văn-Khoa hướng về bệnh viện Grall, giữa bao nhiêu ánh mắt ngậm ngùi nhìn theo, thương xót...

Vườn Thơ đã mở Hội.

Thầy mất rồi! mầy nghe tin chưa Hoa ?

Một người bạn hỏi tôi.

Một cảm-giác nghèn nghẹn dâng lên cổ. Tôi không ngờ lần cuối cùng chúng tôi còn thấy thầy là lần thầy nằm xuống giữa lớp học !

Tôi vội vã cỡi xe xuống trường Văn Khoa.

Một tấm bảng đen lớn viết chữ trắng giăng ngang sân trường: "ĐẠI GIA - ĐÌNH VĂN - KHOA CHỊU TANG THẦY..". Nước mắt tôi ứa ra. Khi tôi đặt chân lên bậc thềm, nơi tôi từng thấy Thầy [lưng-thưng] bước lên, tôi không [cảm] được nước mắt nữa. Cơ xúc động mạnh quá khiến tôi phải tìm một nơi vắng vẻ cho nước mắt tuôn trào. Một vản thơ dẫm lặc hột nở ra trong hồn tôi

«Thầy nằm xuống giữa lòng lớp học,
Cho chúng con tiếng khóc nghẹn ngào!»

Khi cơn xúc động lắng xuống, tôi đi tìm gặp vài người bạn học cùng lớp bên Đại - học sư - phạm, tỏ ý muốn tổ chức đi phúng thầy. Tất cả đều tán thành, không do dự. Chúng tôi bàn ngay đến việc mua lễ vật. Chúng tôi phân vân giữa các thứ lễ vật, không [biết] thứ nào cho hợp với tình thầy trò, [lại] vừa

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

Neurotonic

HN. 783/BTV/QCDP/16.6.46

BOI BO ÓC, TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ

với số tiền sẽ thu được trong lớp. Sau cùng chúng tôi đến thỉnh ý-kiến của một vị lão thành : Thầy Lê-ngọc-Trụ. Nghe chúng tôi trình bày, Thầy đáp ngay :

— Các anh không nên mua vòng hoa. Vừa đắt tiền vừa làm giàu cho mấy tiệm bán cườm, vô ích. Các anh nên mua liễn thì hay hơn.

Việc mua vải may liễn thì dễ rồi. Song còn câu đối, chúng tôi chưa có. Mà thời hạn đi phúng chậm nhất là chiều nay vì ngày may lễ an-táng đã cử hành. Tôi đọc thử hai câu thơ song thất vừa nghĩ ở trên cho các bạn nghe. Các bạn tạm chấp nhận. Có kể lại đề nghị :

— Minh viết bằng chữ nôm đi. Nó vừa có tính chất cổ điển, vừa có tính chất dân tộc, lại vừa đẹp, vừa lạ.

Ý kiến đó được đồng ý và được khen là hay.

— Nhưng mượn ai viết kiểu chữ cho đây ? Minh đâu có biết hết các chữ này.

— Mượn thầy Bửu-Cầm. Bữa nay thầy có dạy ở đây.

Chúng tôi từ giã nhau và hẹn buổi chiều sẽ gặp lại tại trường ĐHSP. Tôi không về nhà ngay, đi thẳng lên chợ Bến Thành. Đứng 12 giờ trưa. Các sạp hàng đã dẹp nghỉ. Tôi chạy dọc theo đường Lê Thánh Tôn. Một tiệm vải còn hé cửa. Tôi mua một thước rươi sa-anh trắng. Tôi hỏi thăm chỗ bán mực tàu và bút lông. Họ cho biết các vật đó có bán ở đường Ký-Con. Tôi đến tìm nhưng không thấy. Tôi rẽ sang tay trái, qua đường Nguyễn-công-Trứ.

Nơi đây tôi đã mua được bút lông và mực tàu.

Buổi chiều, chúng tôi tập trung tại trường Sư-phạm rồi dẫn nhau đi mua hương đèn. Tìm trên một khúc đường Thành-Thái không có, rẽ sang đường Trần-bình-Trọng, cũng không có, sau cùng, chúng tôi mua được trong một tiệm nằm trên đường Nguyễn-Trãi.

Khi ở nghĩa-trang Mạc-đình-Chi bước ra, tôi chợt nhận thấy một sự gặp gỡ là lạ. Vải may liễn, mua trên con đường mang tên một ông Vua thi sĩ : Lê-Thánh-Tôn. Bút mực viết liễn, mua trên con đường mang tên một ông quan thi-sĩ : Nguyễn công-Trứ. Hương đèn, mua trên con đường mang tên một vị anh hùng thi-sĩ : Nguyễn Trãi. Và thầy đã an-nghỉ ở một nghĩa-trang mang tên một ông trạng thi sĩ : Mạc-đình-Chi. Nghĩa trang ấy lại mở cửa nhìn ra một con đường kỷ-niệm nhà ái-quốc thi sĩ : Phan-Thanh-Giản.

À, phải rồi ! Có lẽ vườn thơ đã mở hội. Chiều thơ đã trải ra. Nhưng dường như còn thiếu một người. Có phải các thi-gia tiền-bối đang chờ thầy đề xương họa ca ngâm ?

Thầy là một thi-sĩ. Nếp sống của thi-sĩ Đông-Hồ à cả một bài thơ. Và cái chết cũng thật nên thơ !

Thầy đã nằm xuống giữa lòng trường Đại Học Văn-Khoa, nơi tiêu-biểu cho nền văn hóa dân-tộc, khi tiếng ngâm thơ của thầy đang ngân ra, giữa những cánh tay của đám môn-sinh yêu kính thầy !

LÊ-TRUNG-HOÀ

(28-3-69)

CONAN

NHỨC KHỚP XƯƠNG, PHONG THẤP.

CHUYÊN TRỊ CẢM CÚM,
NHỨC RĂNG, NHỨC
ĐẦU, NHỨC BẮP THỊT,

TRAM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

5 / PHẠM-VIỆT-CHÂU

(Xin xem B K. T Đ. từ số 290-291)

THÁI-LAN

tự thích ứng để sinh-tồn

Thái-Lan là quốc-gia tiếp nối Vương-quốc Ayuthia trước kia (1). Năm 1767, Ayuthia bị Miến-Điện đánh chiếm, nhưng chỉ ít năm sau (1782) một vị Tướng Thái lại khôi phục được quốc gia, đặt tân đô ở Bangkok và lập nên Vương triều Chakri, vương-triều còn tồn tại đến ngày nay.

Dựa vào cường lực này để chế ngự cường lực kia, đó là sở trường của các nhà lãnh đạo xứ Thái trong thời cận-đại mà người ta vẫn cho là phương lược tự thích ứng để sinh tồn.

Tuy nhiên hiện nay, người ta không thấy có sự tránh né mềm dẻo cổ truyền này. Thật thế, trước xáo trộn chung của Đông-Nam-Á và cả sự xáo trộn trong nội bộ (2). Thái đã hốt hoảng bước hẳn sang hàng ngũ Quốc-tế Tư-bản để tìm sự che chở. Có lẽ sự việc trước mắt người Thái không chỉ giản dị với Tư-bản và Cộng-sản mà rõ ràng là sự lo lắng trước mối đe dọa có tính cách lịch sử từ phương Bắc.

Canh-tân và Cách-mạng.

Thái-lan là một nước duy nhất ở Đông-Nam-Á đã thoát khỏi thời kỳ bị Tây phương thống-trị. Điều may mắn ấy một phần nhờ ở vị-trí trái độn giữa hai lực-lượng thực dân Anh (phía Tây và thực-dân Pháp (phía Đông), một phần ở sự khôn-khéo về ngoại-giao và óc canh tân của các triều vua từ Rama IV (1851) về sau.

Vào cuối thời Rama III, nền bang-giao giữa Thái và Tây-phương, nhất là Anh Quốc, đang ở tình-trạng rất căng-thẳng vì vua Rama III từ chối

không chịu xét lại Hiệp-ước 1825 mà chính ông đã ký với Công-ty Đông-Ấn của Anh (British East India Company), theo Hiệp-ước này, Tây phương không hoàn-toàn được tự do buôn bán ở đất Thái. Giữa lúc chiến-tranh có mòi sắp bùng nổ thì Rama III băng hà.

Rama IV (1851-1868) tức Mongkut lên kế vị. Tiên-khởi, nhà vua cải-thiện

(1) Như đã trình bày trên Bách-Kho số 293 ra ngày 15-3-69 trang 31

(2) Một tổ chức du-kích tay sai của Cộng-đảng Trung-hoa, mệnh danh là Quân-đội Nhân-dân Giải phóng Thái-lan hiện đang khuấy phá ở một vài vùng miền Bắc Thái.

bang-giao với Tây phương bằng cách mở rộng các cửa biển cho tất cả các nước vào buôn bán, tiếp theo ông khởi đầu canh tân xứ-sở, trong đó có cả việc mời người Tây phương tới huấn-luyện và cố-vấn cho người bản-xứ. Rama IV lên ngôi lúc đã 46 tuổi. Trong suốt thời thanh niên, ông đã trải quá nhiều năm trong nếp áo tu sĩ Phật-Giáo. Ông thông-hiểu nền văn-hóa cổ-truyền của Thái-Lan và cũng am-tường khá nhiều ngôn-ngữ và khoa-học Tây-phương (1). Ngay từ khi chưa lên ngôi ông đã quy tụ được một nhóm người có khuynh hướng canh tân trong triều-đình: nhóm người này sau đó đã trở thành rường cột quốc gia dưới triều đại ông. Nhận-định của Rama IV và nhóm cận-thần của ông là Thái không đủ sức chống lại sức bành-trướng của các lực-lượng thực-dân Tây phương, vì vậy chính sách đứng-đắn nhất của Thái là phải *tự thích-ứng để sinh tồn* giữa những lực-lượng ấy.

Rama IV (1869-1910) tức Chulalongkorn, kế vị Rama IV đã tiếp tục con đường canh tân xứ sở. Trong suốt 42 năm trị vì, ông đã tạo cho Thái một nền hành-chánh và một tổ chức quân-đội hữu-hiệu. Tuy-nhiên, cũng dưới triều ông, một số lớn đất đai mà trước đây Thái đã chiếm được của Miên, Lào và Mã-lai đã phải nhượng lại cho Pháp và Anh (2).

Việc nhượng đất này đã xảy ra sau một thời gian điều-đình đôi lúc khá gay go giữa Thái và Anh — Pháp. Dù sao chính quốc Thái cũng còn được để ở yên nhờ sự tranh chấp về quyền lợi giữa Anh và Pháp trong mưu-đồ bành-trướng (3).

Sang thời Rama VI (1910-1925) tức

Wachirawut, chính sách của Rama V vẫn được tiếp tục và phát triển đến độ Thái đã *nghiễm nhiên* trở nên một quốc gia có lời ăn tiếng nói trên trường Quốc-tế. Rama VI đã được du học ở Anh-Quốc, vì vậy ông đã không ngần ngại đứng vào phe Đồng-minh trong Thế chiến 1, dù gặp sự chống đối của Hội-đồng Cố-vấn trong triều-đình (các vị này vẫn bất mãn về việc chèn ép lấn đất của Anh Pháp dưới thời Rama V). Thái đã gửi một đạo quân sang Pháp để tham chiến trong phe Đồng-minh và do đó đã có đại-diện trong hòa-hội quốc-tế Versailles. Rama VI mất năm 1925, không có con nối dõi, nên được người em là Prachathipok (Rama VII) thay thế. Hai triều đại Rama VI và Rama VII có nhiều sự khác biệt nhau mà nguyên do chính là ở cá tính của hai ông. Rama VI là người tự tin luôn luôn hành động theo ý-chí của chính-minh. Ông đích thân trông nom việc nước, tự bày tỏ quan điểm của mình một cách rành rẽ với những người công sự và bắt những

(1) — Vua Mongkut đã là tu-sĩ Phật-giáo trong 27 năm. Ông đã học *tiếng* toán và thiên-văn nơi các giáo-sư ngoại quốc và học tiếng Anh với 3 nhà truyền giáo Hoa-Kỳ. Ông cũng mời nhiều người ngoại-quốc làm cố vấn và dạy học, mà một thời đã có tới 81 ngoại nhân ở Bangkok. Một người Anh trong số những giáo viên của con vua Mongkut ngày nay còn được nhiều người biết tiếng nhờ viết một cuốn sách kể lại thời gian mình ở hoàng-cung Siem, đó là Bà Anna Leonowens

(2) — Trong đó có các tỉnh Sipsong Chuthai, Luang Prabang và Vientiane của Lào, vùng Tây-bộ Cao-Miên và 4 tỉnh Kedah, Perlis, Kelantan, Trengganu thuộc Mã-lai.

(3) — Hiệp ước 1896 giữa Anh và Pháp bảo đảm nền Trung-lập của đồng bằng Chao Phraya và do đó Thái-lan vẫn được công nhận là một quốc gia độc lập.

người này phải thi hành đúng ý mình một khi đã hiểu rõ và chấp nhận. Thậm chí có những tư tưởng thấy cần phổ biến trong quốc dân, ông đã không nề hà viết những bài báo ký dưới nhiều bút hiệu khác nhau với những đề tài về chính-trị nhiều khi rất nảy lửa. Rama VII thì trái lại, ông quá e dè nhút nhát, thiếu tự tin nên không kiểm soát nổi triều chính. Việc nước việc dân lần lần nằm gọn trong sự thao túng của một số hoàng-thân quốc-thích. Những người này ngày càng trở nên độc đoán chuyên quyền, không những lấn át cả quyền hành mà còn ngăn cản cả ý-chí canh-tân-hóa chính-thể (trong đó có ý-định lập hiến-pháp) của Quốc vương nữa. Những sự kiện ấy đã dẫn đến cuộc Cách-mạng chấm dứt chế độ quân-chủ chuyên chế ở Thái.

Năm 1932 một nhóm sĩ-quan và viên chức hành chánh hạng trung đã tổ chức một cuộc đảo-chánh nhằm chấm dứt sự chuyên-chế của hoàng-gia và thiết lập một chính thể quân-chủ lập-hiến.

Ba yếu tố đã dẫn đến sự việc này: Thứ nhất là sự sút giảm quyền hành của hoàng-gia về tâm-ý nguyên do vì những tư-tưởng dân-chủ ở Âu-Châu mà phần lớn thị-dân đã hấp thụ được cộng thêm với sự e dè nhút nhát của Rama VII trong việc trị quốc. Thứ hai là sự phát triển của những thành phần Tây học trong cơ cấu chính quyền, những người này nắm giữ các chức-vụ chuyên môn và luôn luôn bắt mắ về sự độc quyền lãnh đạo ở những vai trò then chốt hơn của hoàng thân quốc thích ngay cả trong địa hạt chuyên môn của mình; Và sau cùng là sự suy sụp của nền tài - chánh quốc - gia, một sự suy sụp do ảnh hưởng về chính

sách kinh-tế thiếu khả quan từ nhiều năm trước mà Rama VII chịu thừa hưởng.

Những phần tử tổ chức cuộc đảo chánh gồm một nhóm sĩ-quan cao-cấp mà đại-diện là Phibun-Songkham và một nhóm thanh niên trí thức do Pridi Phanomyong, giáo sư Luật trường Đại-học Chulalongkorn, cựu sinh viên ở Paris, cầm đầu.

Bình minh ngày 24 tháng 6 năm 1932 quân đội thuộc phe nổi dậy tiến vào thành phố Bangkok và chiếm giữ tất cả các cơ sở trọng yếu. Tuyên ngôn chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế được phóng ra và sau đó nhà vua được mời ngồi lại ngai vàng trong một chính-thể có hiến-pháp. Chỉ trong ít ngày sau, cuộc đảo-chánh không đổ máu đã hoàn toàn thành công, nhà vua chấp nhận một bản hiến-ước tạm; Nhóm đảo chánh mệnh danh là Đảng Nhân-dân tự biến thành Quốc-hội lâm thời tự thành lập một chính phủ, gồm những thành phần trong phe nổi dậy. Từ 30-12-1932 nghĩa là chưa đầy 6 tháng kể từ ngày chính biến, một hiến-pháp chính thức đã được công bố và áp dụng, trong đó có đề cập tới một Quốc-hội gồm 156 nghị sĩ, một nửa do dân bầu, một nửa do nhà vua chỉ định.

Ít lâu sau cuộc chính biến, một nhóm quân đội và dân sự do hoàng thân Boworadet, cựu Tổng-trưởng Quốc-phòng, cầm đầu đã nổi lên chống chính-phủ. Khi nhóm quân này tiến tới gần kinh-đô thì bị quân chính-phủ đánh tan. Cuộc nổi loạn này đã làm cho các nhà lãnh đạo đảng Nhân-dân có cơ hội đàn áp Hoàng-gia bằng cách bắt một số hoàng-thân quốc thích vào tù hoặc

cũng bị buộc lưu vong ra khỏi xứ ; Và 2 năm sau chính cả vua Rama VII cũng bị truất phế và bị trục xuất sang Anh quốc. Các nhà lãnh đạo đảng Nhân dân đã đón Ananda Mahidol cháu vua Chulalongkorn (Rama V), lúc ấy mới 16 tuổi và đang học ở Thụy-sĩ, về làm vua.

Thế chiến 2 và hậu chiến

Giữa lúc ấy tình hình Quốc-tế đang chuyển biến sang một khúc queo lớn : thế giới lâm vào vòng chiến tranh và Thái thật sự bối rối trước những báo hiệu của một trận chiến ngay tại Đông-Nam-Á một bên là Nhật, một bên là Anh, Mỹ.

Trong giai đoạn quyết liệt ấy Phibun Songkham lên làm Thủ-tướng thay Phraya Phahon (1938). Phibun không những đã giữ vai trò then chốt trong Cách-mạng 1932, mà còn là nhân vật cương quyết dẹp tan cuộc nổi dậy của phe Bảo hoàng. Ông là người có cá tính sắc bén, hành động quyết liệt. Năm giữ Bộ Quốc phòng từ 1934 đến 1938, ông đã hoàn-toàn trở nên cột trụ của Quân đội Thái. Khi lên nắm chính quyền, ông biến bối cảnh Nhân-dân đang từ chủ - chương ôn - hòa sang chủ - chương quá khích và do đó dẫn đến chủ nghĩa quốc - gia cực đoan giống như Đức, Ý và Nhật lúc ấy. Những năm trước chiến cuộc Thái-Bình-Dương, Phibun và Pridi Phanomyong đã sát cánh nhau tạo một ý-thức mới nhằm chấn-hưng tinh thần dân tộc Thái, triệt hạ tổ chức và sự lũng đoạn của nhóm Hoa-kiểu trong xứ và sau đó là thanh toán chế độ thực dân Pháp ở Đông-Dương để phục hồi và thống nhất tập thể Thái-Việt ở Đông-Nam-Á lục địa. Cùng với ý-chí đó, vào

năm 1939 Phibun đã đổi quốc hiệu từ Siêm sang Thái-lan. Khi lấy tên Thái-Lan (Đất của người Thái, hay Đất Tự Do) những người lãnh đạo Thái đã mơ tưởng đến một vùng đất vượt ra ngoài biên giới Siêm cũ. Những ý-tưởng ấy đã được thực hiện qua những tuyên ngôn, diễn từ, sách báo, tuyên-truyền.

Năm 1941, quân Nhật tiến nhanh như vũ bão về phía Nam Thái-Bình-Dương và đẩy lui Anh Mỹ ở khắp các mặt trận. Bình minh ngày 8-12, Nhật tiến vào Vịnh Thái-Lan mà không thông báo cho Chính phủ Thái trước. Đại-sứ Nhật ở Bangkok cho biết hoặc là cho quân đội Nhật mượn đường đánh Anh ở Miến-Điện và Mã-Lai hoặc là chấp nhận chiến tranh với Nhật. Dĩ-nhiên chính phủ Thái đã chọn con đường nhượng bộ, một phần vì không thể đương đầu nổi với Nhật, một phần vì một số lớn các nhà lãnh đạo Thái khi ấy vốn có khuynh hướng « thà để Á Châu cho Nhật lãnh đạo trong chủ-trương Đại-Đông-Á còn hơn để cho Đế quốc Tây phương thống trị mãi người da vàng ». Do đó quân đội Nhật đã đồn trú ở đất Thái dưới danh nghĩa lực lượng liên minh chứ không phải quân chiếm đóng. Thái ký Hiệp-ước thân hữu và liên kết với Nhật, và sau đó tuyên chiến với đối phương của Nhật là Anh và Mỹ. Sự kiện này dù sao cũng giúp Thái-lan bảo toàn được chủ quyền đối nội. Còn vấn đề đối ngoại thì theo chủ trương của Thủ-Tướng Phibun sẽ « tùy cơ ứng biến ». Chủ trương ấy được diễn tả đầy đủ trong câu nói của Phibun

với vị Tham - mưu - trưởng của ông năm 1942 « Phe nào mà ông nghĩ sẽ thua trong trận chiến tranh này, phe đó sẽ là kẻ địch của chúng ta ».

Đó là chính sách tự thích ứng để sinh tồn cổ truyền của Thái mỗi khi phải đương đầu với các lực lượng ngoại bang quá mạnh. Sự « né tránh » đó của các nhà lãnh đạo Thái còn tỏ ra khôn khéo hơn khi Pridi Phomyong, lập tức rời nội các sang làm phụ chính cho Quốc vương ngay khi quân Nhật đổ bộ lên đất Thái. Đồng thời nhân vật số 2 này đã trở thành lãnh tụ các lực lượng chống Nhật bí mật ở Thái và luôn luôn bắt liên lạc với Trung-Hoa, Anh và Mỹ. Chính tình trạng nước đôi ấy đã cứu Thái sau Đệ-nhi thế chiến ; Lực-lượng chống Nhật của Thái chẳng qua chỉ là con tằm sừ trong canh bài Quốc tế. Chính nhờ con tằm ấy mà Thái không bị liệt vào hàng ngũ các nước bại trận. Vấn đề được giải quyết thật là giản dị : Quốc vương Thái chỉ việc chọn một nhân vật thân phe Đồng Minh để thiết lập chính phủ cho « Nước Thái Tự-do » thay thế chính phủ thân Nhật cũ (1) ; Nhân vật đó không ai khác hơn là nguyên Đại-sứ Thái ở Hoa-kỳ Seni Pramoj. Ông này đã ly khai với chính phủ Phibun ngay từ khi Phibun bắt tay với Nhật.

Nếu chính sách đối ngoại của Thái đã tỏ ra khôn khéo trong sự bảo tồn được toàn vẹn chủ quyền quốc gia thì ngược lại tình trạng nội bộ của Thái lại lâm vào cảnh bi đát rối ren đáng tiếc. Nền kinh tế Thái bị suy sụp trong thời hậu chiến. Chính trường Thái diễn ra cảnh tranh chấp tang thương. Đảng Nhân-dân, cơ chế nòng cốt của chính thể Thái, hoàn toàn tan rã. Điều nguy hiểm

nhất là tình trạng mất tinh thần, vô kỷ luật của các cơ quan quân chính trong thời giao động đã gây nên sự thối nát, tham nhũng trầm trọng trong chính quyền. Giữa lúc ấy Pridi đã đứng ra thành lập chính phủ mới với ý định cố gắng cứu vãn lại tình thế bằng cách công bố Hiến-pháp mới và tổ chức bầu cử quốc hội. Nhưng không may chưa được bao lâu thì vua Ananda Mahidol (Rama VIII) bị bắn chết một cách bí mật) 9-6-1946. Chính quyền hoàn toàn bất lực trong việc tìm ra hung thủ và nguyên do của vụ ám sát này. Trong nước đã rối ren lại càng rối ren thêm, đến nỗi Pridi phải từ chức nhường lại ghế Thủ-Tướng cho Thamrong Nawa-sawat, một nhân vật độc lập và bảo thủ. Hành động ấy của Pridi chỉ là một hình thức nhường quyền bề ngoài, nhưng bên trong Pridi vẫn là người nắm thực quyền. Tuy-nhiên, tình hình suy sụp trong nước cũng không vì sự thay đổi ngoại diện này mà cứu vãn được. Chính phủ không kiểm soát nổi guồng máy hành chánh và nhất là các ngành quân lực. Do đó, một cuộc đảo chánh do quân đội tổ chức đã xảy ra vào đêm 8-11-1947 làm cho Pridi phải chạy ra khỏi xứ, còn Thamrong và các nhân vật khác thuộc phe Pridi phải lần trốn để khỏi bị bắt.

Những người tổ chức đảo chánh không muốn gặp những khó khăn mới trong vấn đề ngoại giao cũng như sự chống đối trong nội bộ nên đã mời Khuang Aphaiwong lãnh tụ đảng Dân-Chủ ra thành lập chính phủ chuyển tiếp

(5) — Phibun đã được Khuang Aphaiwong thay thế chức vụ Thủ-tướng từ 1944. Khuang cầm quyền cho tới khi quân Nhật bại-trận

cho tới khi tổ chức bầu cử vào tháng Giêng năm 1948.

Cuộc bầu cử được tổ chức khá tốt đẹp và một chính phủ chính thức ra đời với sự hợp-thức-hóa của Quốc hội và sự công nhận của ngoại quốc. Khuang bắt tay vào việc giải quyết một số vấn đề cấp thời trong xứ, nhưng vắn vện chưa đầy hai tháng thì Khuang lại bị Lục Quân lật đổ để dành lại ghế Thủ-tướng cho Phibun.

Từ đó chính quyền Thái luôn luôn ở trong tay Quân đội. Những người quân nhân nắm chính quyền không còn phải lo đương đầu với phe dân sự, nhưng lại phải thường trực đối phó với các âm mưu, các tranh chấp ngay trong hàng ngũ quân đội.

Ngày 1-10-1948 nhiều sĩ-quan ở Bộ Tham-Mưu Lục Quân bị bắt giữ và bị buộc tội phản loạn. Tháng 2-1949 một vụ biến động đã xảy ra ở ngay giữa Bangkok do Thủy-Quân Lục Chiến phát khởi để yểm trợ sự trở về của Pridi. Vụ biến động bị dẹp tan và một cuộc thanh trừng đẫm máu chưa từng thấy trong lịch sử Thái đã được phe cầm quyền thực hiện bằng cách sát hại một số khá đông sĩ-quan, viên chức và chính trị gia. Năm 1950 một trong hai lãnh tụ nòng cốt của vụ đảo chánh 1947 bị trục xuất ra ngoại quốc vì bị gán cho có ý tưởng phản loạn. Tháng 6-1951 Hải-Quân và Thủy-Quân Lục-Chiến lại gây chính biến và bắt cóc Phibun. Vụ này bị Lục-Quân và Không Quân dẹp tan trong 3 ngày hỗn chiến. Hai bộ mặt quan trọng mới xuất hiện trong vai trò lãnh đạo chống đảo chánh và trở nên người hùng của thời cuộc là tướng Phao Sriyanon, Tổng Giám - đốc Cảnh

sát và Tướng Sarit Thanarat, Tư lệnh Quân-khu Bangkok. Chiếc ghế Thủ-tướng của Phibun nhờ hai nhân vật này nên vẫn vững, tuy nhiên cái thế kiềng ba chân tạm vững lúc ấy càng ngày càng thành khập khiễng. Phao và Sarit cùng sắp xỉ 50 và đều được coi là người có thể thay thế Phibun. Dĩ nhiên mỗi người đều muốn vượt trội lên, nên có sự ganh đua ngầm ngấm nhưng quyết liệt, đặc biệt là trong việc kéo bè kết nhóm. Năm 1957, Phao nắm chức Bộ trưởng Nội vụ trong chính phủ Phibun. Còn Sarit làm Tổng Tư-lệnh Quân đội. Phe cánh của Sarit trong chính phủ cũng khá mạnh. Tới khi có nhiều sự kiện xảy ra làm cho uy tín của Phibun và Pnao tổn thương, nhất là vụ bầu cử (tháng 2-1957) bị báo chí và sinh viên tố cáo là gian lận, thì Sarit bắt đầu lập kế hoạch hành động. Và việc dự trù đã xảy ra: ngày 16 tháng 9-1957 một cnộc đảo chính êm nhẹn đã thành công. Phibun trốn ra khỏi xứ còn Phao vài ngày sau cũng bị bắt buộc lưu vong. Cuộc bầu cử được một chính phủ chuyên tiếp (gồm nhóm quân nhân đảo chính) tổ chức lại; khi bầu cử xong, Tướng Phụ Tá cho Sarit hay là Thanom Kittikachon, đứng ra lập nội các còn Sarit thì sang Mỹ trị bệnh.

Tháng 10-1958, Sarit đột ngột trở về nước. Ông giải tán tất cả cơ cấu chính quyền lúc ấy và tự đứng ra thành lập một chính phủ theo chế độ độc tài quân phiệt. Sarit cũng giải tán Quốc hội và đặt tổ chức đảng phái cùng nghiệp đoàn ra ngoài vòng pháp luật. Ông lập lại chế độ kiểm duyệt báo chí, triệt hạ đối lập, nhất là những thành phần thân Cộng và thảo Hiến-pháp

mới. Ông cũng có những hành động mạnh trong việc bài trừ tham nhũng, thanh lọc hàng ngũ chính quyền và tạo lại sự ổn cố chính trị trong thể chế độc tài mà ông gọi là « tạm-thời trong tình trạng đặc biệt. »

Khi ông mất, Thanom lên kế nhiệm. Chính sách không có gì thay đổi quan trọng nhưng dù sao người ta cũng cảm thấy một bầu không khí chính trị dễ thở hơn. Nền chính trị độc tài quân phiệt đã tạm giữ được sự ổn định chính quyền suốt 10 năm nay, tuy nhiên, nhìn lại những chặng đường đã qua, kể từ sau Thế chiến 2, ta thấy Thái luôn luôn nằm trong tình trạng biến động bấp bênh mà nguyên do cũng chỉ vì sự thiếu trưởng thành về ý-thức dân chủ, hay nói một cách sát thực tế hơn, sự tham gia hoạt động chính trị của quảng đại quần chúng Thái. Những biến động ấy ở Thái, kể cả Cách mạng 1932 đều do một nhóm nhỏ Tướng lãnh

ở Bangkok tạo ra. Cứ có một số quân trong tay chiếm được một số cơ sở quan yếu ở Thủ-đô, thế là một màn tuồng lại được trình diễn với những đảo kếp mới. Khán giả, tức khối quần chúng, ngồi xem một cách đứng đưng không phản ứng hay nếu có phản ứng thì cũng là những phản ứng bị giật dây y hệt khán giả bình dân Việt-Nam vỗ tay mỗi khi có đèn đỏ bật lên trên sân khấu cải-lương. Sự kiện này cũng cho ta thấy ở Thái chưa có một tổ chức chính trị nào bắt rễ được trong quần chúng hết. Kể từ Cách mạng 1932 chuyển chính thể Thái sang Quân-chủ lập - hiến đến nay tính ra đã 36 năm. Hơn một thế-hệ đã qua đi, cơ-chế quốc-gia vẫn còn nằm trong vùng tăm tối. Cách-mạng có khởi đầu nhưng không liên tục !

(còn tiếp)

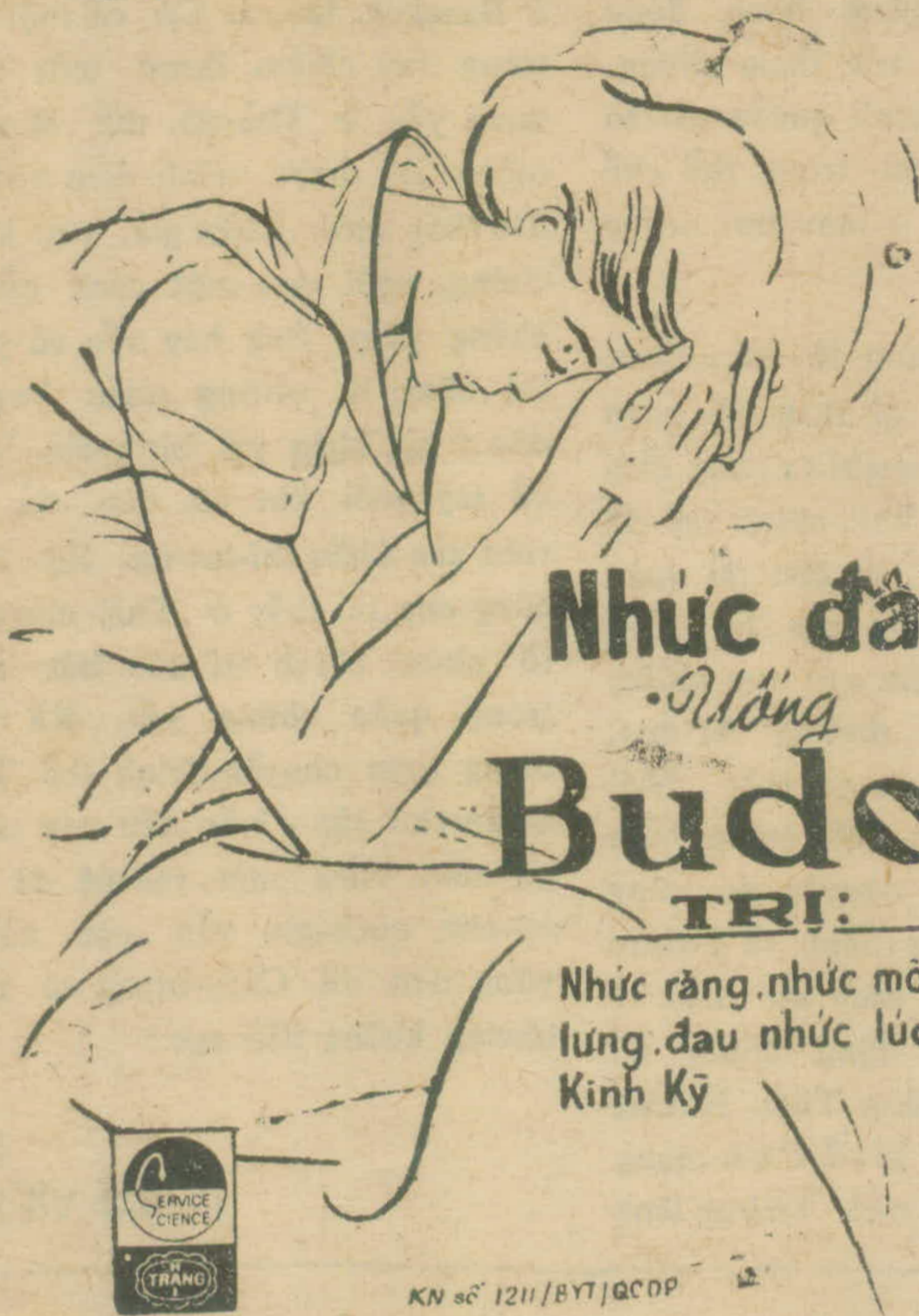
PHẠM VIỆT CHÂU

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433BYT - D.P.Đ.



Nhức đầu

Không

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
ĐT. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Mấy lời nhắn nhủ các luật-gia

của Tổng Giám Mục HELDER CAMARA
DINH-ĐẠO dịch

Helder Camara nổi tiếng thế giới vì thái-độ cương-quyết và đôi khi cách mạng của ông đối với những vấn đề công bằng xã-hội và kinh tế trong miền Đông-bắc nghèo nàn của Ba-tây, nơi ông làm Tổng giám-mục, cũng như đối với những vấn đề cải-hóa thiết yếu trong các cơ cấu quốc-tế, chỉ có thay đổi cơ cấu quốc tế mới đem lại được công bằng trong các nước kém mở mang. Sau đây là bài tham luận của ông nói trước hội nghị lần thứ 6 của các luật gia quốc tế (thuộc phong trào trí thức Pax Romana) tại Dakar. Bài này đã đăng trong tờ Convergence, nội san của phong trào Trí-thức Công giáo mới xuất bản gần đây.

Trật tự là gì ?

Vai trò của luật-gia là bảo vệ trật tự. Tôi xin hỏi các bạn, những luật-gia công giáo, trật tự là cái gì ? Một lần nữa, tôi tố cáo cái trật tự thiết-định này như một thứ vô trật tự đã thành nếp. Ví dụ. khi một nước, như trường hợp Ba-tây tôi, trong 100 gia đình có tới 70 gia đình không có lương căn bản cũng không có lương tối thiểu. Tôi xin nói với các bạn rằng, tại nước chúng tôi, số lương tối thiểu không cho phép một gia đình thực sự sống. Đó là điều lưu ý đầu tiên : xin các bạn coi chừng cái ý niệm trật-tự ấy. Trật tự đã thiết lập ở nước chúng tôi có cùng một nghĩa với vô trật tự đã thành nếp.

Quyền tư hữu không tuyệt đối

Xin các bạn hãy can đảm xét lại tự căn bản những *những ý niệm về tư hữu*. Nhân danh tư hữu, tại nước chúng tôi, người ta đã phạm những lầm lỗi vĩ đại : để bảo vệ tư hữu, có cả một phong-trào mệnh danh là « truyền thống, gia đình, tư hữu ». Các bạn

luật-gia hãy giúp chúng tôi, — cũng như thông điệp *Phát triển các dân tộc* đã nói —, chứng minh rằng tư hữu đối với bất cứ ai không phải là một quyền tuyệt đối, bất khả xâm phạm. Các bạn hãy giúp chúng tôi chứng minh rằng khi ai có dư thừa của cải, người ấy không có quyền giữ lấy dư thừa trong khi còn nhiều người thiếu thốn. Các bạn hãy giúp chúng tôi đề nói lớn rằng đất đai là của mọi người, chứ không phải của riêng kẻ giàu có...

Thực dân có thể là chính đồng bào

Chúng ta đang sống trong thời kỳ giải thực (décolonisation). Nhưng tôi xin các bạn lưu ý sự kiện này : tại Mỹ châu la tinh, chúng tôi còn có những thứ thực dân ghê tởm nhất, những thực dân ở ngay trong nước. Đó là những nhóm nhỏ người Mỹ La tinh làm giàu trên sự cùng túng, không phải làm giàu trên sự nghèo nàn, nhưng trên sự cùng cực của hàng triệu người. Hơn nữa những đại cường hào

đó hãy còn ít nhiều phong kiến như thời trung-cổ vẫn nắm giữ mọi quyền hành trong tay, cả quyền chính trị lẫn quyền sinh sát. Tôi cam đoan với các bạn rằng họ có cả cái quyền loại bỏ người này hay người kia ra khỏi các cơ cấu công cộng và tư pháp. Đặc biệt là những viên bồi thẩm không được chọn vào một pkáp đình nếu không đồng ý với các ông lớn đó ; trong việc lựa chọn người, luôn luôn vẫn có cách chi phối. Chúng ta còn sống trong thời trung-cổ.

Đừng lợi dụng sáng kiến cá nhân

Khi các bạn nói tới *sáng kiến cá nhân* sáng kiến cá nhân ở nước chúng tôi thường chỉ là mảnh lời đề các đại công-ty tờ rớt quốc tế qua mặt với danh nghĩa sáng kiến cá nhân. Những hiện tượng sau đây hay xảy ra trong nước chúng tôi nhất : khi nào các đại tờ rớt đến thì sáng kiến cá nhân bị đè bẹp. Vâng cũng có những trường hợp người trong nước đồng lõa cho mượn tên. Người ta thấy đó là những ngành kỹ nghệ quốc nội, nhưng thực ra đó là những tờ rớt quốc tế trá hình.

Tại diễn đàn này, một bạn đồng-vụ với tôi ở Á Căn Đình đã nói tới sự tập trung châu Mỹ la tinh theo mẫu thị-trường chung Âu-châu. Tôi xin phép nói rằng : Vâng thị trường châu Mỹ la tinh thì được, nhưng chớ có đế quốc, đế quốc từ ngoài tới cũng như từ trong ra.

Chúng tôi đã có một kinh nghiệm về thị-trường chung tại Trung-mỹ do Hoa-kỳ điều khiển ; tôi nghĩ rằng Trung-mỹ hiện sống một hoàn cảnh

trầm kha hơn kể từ khi có thị trường chung. Thị trường chung mà phục vụ đế quốc tư bản hay đế quốc xã-hội thì chúng tôi thiết tha làm gì, vì nó tai hại hơn là không có...

Sáng kiến cá nhân thật đáng cho các bạn lưu ý. Nhưng có phải thực là sáng kiến cá nhân hay chỉ là nhân danh sáng kiến cá nhân để che lấp quyền lợi tờ rớt ?

Xuyên tạc và chụp mũ

Tôi cũng xin các bạn lưu ý tới những vụ bóp méo đáng sợ dễ thấy qua báo chí và truyền thanh truyền hình mà đa số thường do các lực lượng kinh tế thao túng. Ví dụ, người ta đã bóp méo như khi nói tới những cuộc nổi loạn thì cho là cộng sản hết. Mỗi khi có ai thực sự quyết tâm đi tới những thay đổi sâu xa, người ta sẽ không theo ; người ta cho đó là kẻ nổi loạn, quân cộng sản.

Nhân khi xin các bạn lưu ý tới những sự bóp méo sự thật, tôi xin nói với các bạn rằng : người ta đã nhân danh chống cộng để phạm biết bao lầm lỗi kinh khủng

An-ninh quốc - gia làm bình- phong độc tài gian ác

Tôi xin các bạn lưu ý tới nền *an ninh quốc gia*. Nhân danh nền an ninh quốc gia, hiện nay có tất cả một triết thuyết chánh-trị từ Hoa kỳ đem tới bao phủ hầu khắp Mỹ châu la tinh.

Nhân danh an ninh quốc gia, không thể thực sự có được các sự thay đổi cơ cấu ; và nhân danh an ninh quốc gia, người ta đã đi tới những chế độ độc tài tại Châu Mỹ la tinh. Trong

các xứ chúng tôi, việc rất thường xảy ra, người ta đã phạm những lỗi quái dị, ví dụ như khi nhân danh những phương pháp khoa học để tìm sự thật. Người ta đã hành hạ cả về tinh thần lẫn thể xác. Như khi bị hỏi khâu cung liên tiếp suốt 40 tiếng đồng hồ và khi người tra hỏi cứ thay phiên nhau còn người bị tra vấn vẫn là một: Người ta gọi đó là những phương pháp khoa học để tìm ra sự thật.

Đó là những vấn đề tôi nêu lên của Châu Mỹ La tinh, nhưng là những vấn đề liên hệ trực tiếp đến giới luật pháp của các bạn, vì tất cả đều có những liên quan về tư-pháp. Đó là những vụ án xét xử những người nổi loạn hay những người bị coi là nổi-loạn.

Liên minh độc quyền giữa chính trị với kinh tế

Tôi xin các bạn lưu ý tới cái liên minh giữa các thế lực kinh tế, thế lực quân nhân, duy kỹ-thuật và những thế lực chính trị. Vẫn có những cơn khủng long tân thời. Liên minh giữa quyền lực kinh tế và quyền lực quân đội, đã là điều trầm kha. Nhưng khi liên minh đó dùng các kỹ thuật gia, lúc đó lại là một chế độ do kỹ-thuật chi phối, lúc đó mới là quyền lực chính trị và cơn vật khủng long vào cả các trường đại học vì nó có tiền để viện trợ công cuộc sưu tầm. Và các công cuộc sưu tầm thường móc nối chặt chẽ với các quyền lợi kinh tế. Tôi đã nghe nói tới nạn nhân mãn, vâng có thật. Nhưng trên thế giới chưa có nạn sản xuất quá nhiều, mà chỉ có nạn tiêu thụ dưới mức. Có nạn tiêu thụ dưới mức vì trong các chế độ tư bản

có những cái thật trớ-trêu như việc tôi đem tố cáo với các bạn sau đây: tại Ba-tây, vào những năm 1966, 1967, nước tôi đã chính thức tiêu mất 168 triệu mỹ-kim để phá hủy, để nhổ bật rễ 5 triệu cây cà-phê. Tôi hiểu đây là một vấn đề kinh-tế, vấn đề sản-xuất thặng dư, Nhưng tôi xin nói với các bạn là tại châu Mỹ La tinh, tại nước Ba - Tây chúng tôi, có nhiều gia đình không thể ăn bữa tối, chỉ ăn mỗi ngày một bữa, và bữa tối thịnh soạn nhất chỉ là một chén cà-phê với bánh mì khô. Chính đó là những cảnh trớ-trêu dị-kỳ người ta đã gây nên nhân danh cái liên minh đã nói giữa quyền lực kinh tế, quyền lực quân nhân, kỹ thuật và chánh-trị...

Có hai thứ bạo lực

Hiện vẫn có bạo-lực công-nhiên trên Châu Mỹ La tinh. Tôi xin các bạn lưu ý điểm này. Khi các bạn nghe nói bạo lực, các bạn phải luôn tự hỏi: đây là cái bạo lực một ngày kia có thể xảy ra vì cảnh đói rét của đám dân bị áp bức nổi lên, hay là thứ bạo lực công nhiên do những người áp bức đã đặt định trên đám dân nghèo kia? Hiện vẫn có một thứ bạo lực thiết lập lâu nay rồi. Và tôi xin nói với các bạn là một trong cố gắng nhất đời tôi là hướng dẫn lòng nôn nao tức tối của giới trẻ nước tôi, vì giới trẻ quảng đại nhất và giới trẻ nghi ngờ lòng chân thành của người giàu có và kẻ cầm quyền, và giới trẻ sẽ đi tới nguồn gốc vấn đề và bạo lực.

Tôi xin các bạn lưu ý điểm này. Chúng tôi sẽ tiến tới, tại Ba-Tây và cả Châu Mỹ la-tinh, nếu Thượng-đế muốn, tiến tới một áp lực tinh thần

thực sự giải phóng. Xin các bạn đừng phần nộ, chúng tôi sẽ tiến tới một áp lực tinh thần giải-phóng; đó là cách duy nhất tránh được cái bạo lực súng đạn, bạo lực này chỉ là một trạng thái vô vọng. Nếu người ta lập một phong trào bất bạo động thật là yên tĩnh, thật là thanh bình, thật là nhu mì, thì sẽ không đi tới đâu hết. Có lẽ cách thức tránh né được cuộc bạo động võ trang là phải tổ chức được một áp lực tinh thần giải phóng. Không phải là những cải-cách tí hon, nó không đáng cho ta chú ý, nó chẳng giải quyết được gì. Chúng ta phải thực sự có những đổi thay từ cơ cấu. Tất nhiên muốn tiến tới việc thay đổi cơ cấu, người ta phải bắt đầu bằng thay đổi cơ cấu não trạng nếp nghĩ. Đó chính là sự cải hóa mà Thánh kinh hằng nói với chúng ta.

Đoàn kết tôn giáo cùng sống đạo đích thực để giải phóng con người

Bây giờ chúng ta nói tới việc huy động các Giáo-hội. Tôi không chỉ nói tới Giáo-hội công giáo. May thay, trong nước chúng tôi đã có sự hợp tác thân hữu của các anh em tin-lành, và tôi tin chắc rằng — đây chỉ là một trực giác — tại một lục địa như Phi-châu, tôi tin rằng Hồi-giáo sẽ vì những lý do tôn giáo ủng hộ công cuộc giải phóng con người đang bị đè nén bởi những kẻ áp bức, bởi quyền lực kinh tế. Tôi xin nói với các bạn rằng, may thay tại Châu Mỹ La-tinh, Giáo-hội Thiên-chúa đang sống một giai-đoạn quan trọng. Trong quá khứ chúng tôi đã từng phạm những lầm lỗi lớn là làm ngơ trước tội ác. Tôi đã nói và xin nhắc lại rằng suốt 3 thế kỷ chúng tôi đã chấp nhận chế độ nô-lệ đối với

người Phi châu. Tôi xin hỏi các bạn rằng, tôi — một linh-mục có thể lui tới những đại cường hào xây dựng sự-nghiệp trên đám nô-lệ không? Tôi có thể nói được gì, khi thuyết pháp trong thánh lễ? Tôi có nên khuyên người nô lệ hãy cứ cam tâm, chịu đựng đau khổ, hợp một ý với sự đau khổ của Đức Kitô? Nhấn nại luôn luôn là một tính tốt, một nhân đức và một đức tốt theo tinh thần công giáo. Tuy nhiên chấp nhận sự đau khổ của những người bị áp bức sẽ là đồng lõa với những bọn đi áp bức. Tôi xin nói với các bạn rằng tại Châu Mỹ La-tinh, chúng tôi đã làm cho lý thuyết của Mác có lý phần nào, Tôn giáo đã thường hành động như « thuốc phiện ru ngủ quần chúng » đối với đám yếu hèn. Ngày nay, nếu người ta tới các trường đại học hay đối diện thẳng với những người anh em mác-xít, họ bắt đầu hiểu rằng một cái gì đang thay đổi sâu xa. Họ sẽ hiểu rằng chúng tôi đang cố gắng sống và làm sống một Ki-tô-giáo hoàn toàn không phải là « thuốc phiện ru ngủ quần chúng ». Song là một tôn giáo đã nhập thể như chính Đức Ki-tô đã giáng thế. Chúng tôi nhất quyết sống và làm sống một tôn giáo — tôn giáo đó không phải là một lực lượng tha-hóa suy-đọa con người, nhưng là một lực lượng giải phóng. Sự cứu thoát đối với chúng tôi không phải chỉ là sự cứu thoát vĩnh cửu đời sau, nhưng là tự cứu-thoát bắt đầu ngay trong thế giới loài người này.

Phải cách mạng cơ cấu

Tôi xin chào mừng toàn thể phong trào Pax Romana, không riêng một nhóm luật gia. Tôi đã biết sự cố gắng của P.R. đã thực hành trên thế giới; và với giới trí thức, sinh viên, đây là

một cố gắng rất đáng khen. Tôi cũng xin nói với các bạn rằng: Cách thức đáng giá nhất để hỗ trợ phần thể giới kém mở mang là phải tiến tới sự thay đổi cơ cấu ngay trong phần thể-giới đã mở mang của các bạn... Tất cả phần thể giới đã mở mang phải làm gương cho chúng tôi về sự cải cách cơ-cấu. Bởi vì thiếu sự cải cách đó trong phần thể-giới đã mở mang, chúng tôi, những kẻ ở phần đệ tam thể giới sẽ chiến đấu vô vọng. oOo

Tôi đã nói cùng các bạn với tư cách một người thường, nhưng tôi cũng muốn nói cùng các bạn như một ky-tô-hữu, một linh mục, một giám mục. Các bạn chớ xao xuyến vì những lời của một giám-mục nói xem như của một chính

khách. Thưa không, không, tôi không hề là một chính khách, tôi chỉ là một người, một linh mục, một giám mục. nhưng tôi có khả năng nói giùm cho những ai ở xứ sở tôi không có quyền nói. Tôi xin nói với các bạn rằng, tại nước tôi, sinh viên không có quyền gì hết. Thợ thuyền, thợ thuyền nghèo đói không có quyền gì hết, một giáo sư cũng vậy; nếu một giáo sư ở nước tôi chỉ nói một nửa sự thật như tôi tố cáo, ông sẽ vào tù ngay. Vì thế, tôi cố lợi dụng cái óc quá trọng nhà tu còn vương rớt lại: trong khi hàng giáo sĩ, các giám mục còn có một khả năng nào đó, tôi xin mạn phép mang tới các bạn chứng tích trên đây.

ĐÌNH ĐẠO dịch

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'

CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể







PUB. TÂN TRI

BÀN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

RN 2071.6YT

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 295)

Sự cấu kết

giữa Trung-cộng với Hoa-kiều ở

Cao-miên và Việt-nam

... Đại sứ Hiu-Nai của Trung Hoa quốc-gia được chánh phủ Sihanouk mời về Đai-Loan nhường chỗ cho Tòa Đại sứ Trung cộng đến với số nhân viên kỷ lục, đông hơn tất cả các Tòa Đại-sứ khác là 199 người. Việc này xảy ra vào cuối năm 1957.

Ra mặt công khai.

Bấy giờ bọn chúng không còn e dè gì nữa. Bao nhiêu cán bộ nằm vùng đều ra mặt đảng hoàng, hoạt động công khai. Việc đầu tiên của chúng nhằm vào Cao-Miên là khai thác các tài nguyên trong xứ. Sản phẩm chánh của đất này là lúa, bắp, đậu xanh, cá tươi cá khô ở Biên-hồ. Đó là mấy món ăn lý tưởng của Việt-cộng ở miền Nam Việt-Nam, nơi mà bọn chúng không thể bắt dân chúng cung-ứng, ngoại trừ cướp, giết bằng các sắc thuế. Nhiều nhà buôn Hoa-kiều mọc ra chuyên mua ngũ cốc và cá khô cho Việt-cộng. Nhiều nhà khác chuyên mua thuốc men, quần áo, vật dụng, cùng nhau chở bằng xe

hơi ra biên giới mỗi ngày. Việc làm của chúng không có chút gì che đậy, dấu diếm, người nào có ở Nam Vang đều thấy và biết rõ ràng. Chánh-phủ Cao-Miên luôn luôn tuyên bố rằng không chứa chấp, không giúp đỡ Việt-cộng, nhưng làm lơ trước sự tiếp tế này vì họ thâu vào một món lợi kếch sù, đại gì phá đám? Vả lại, dù có muốn trung thành với chủ nghĩa trung-lập, muốn ra mặt ngăn chặn hành vi này, chưa chắc ông Hoàng xứ Chùa Tháp dám động đến ông bạn vi-đại của mình! Vị lãnh tụ đã vậy, đám công chức ở dưới tha hồ mở rộng hồ bao nhét tiền hối lộ vào. Bọn Tàu đồ chuyên môn dùng phương pháp xưa như trái đất ấy để chui qua tất cả các cửa và đạt kết quả mong muốn.

Song song với cuộc tiếp tế này, chúng còn chuyên về Trung-Cộng một phần thực phẩm để cung cấp cho đồng bào chúng. Thủ đoạn của chúng ghê gớm đến thế nào thiết nghĩ không cần trình bày ai cũng đều biết rõ.

Người Miên thời xưa có khuyên con cháu : “ *Đừng gây gổ với đàn bà, đừng kiện tụng với công chức, đừng buôn bán với người Tàu* ”, quả đúng là khôn vàng thước ngọc. Sau 10 năm bắt tay với chúng, sau đó vào giữa năm 1967, Thái tử Norodom Sihanouk tuyên bố rằng bọn Tàu đỏ làm lũng đoạn nền kinh-tế của Cao Miên ! Tuy đó là sự thật đã có từ trăm năm trước, nhưng xưa kia còn có người Pháp cầm quyền và kiểm chế để giữ phần lợi cho họ nên giới con buôn Hoa-kiều không thể gỡ hết thủ đoạn, bây giờ Cao-Miên quốc-hữu-hóa các xí-nghiệp để cho người Miên điều khiển và bắt buộc ngoại kiều không được làm 18 nghề, 36 nghề, người Tàu bèn nhập Miên tịch tóm thâu hầu hết nguồn lợi trong xứ một cách rất hợp pháp ! Ông Hoàng Sihanouk có la đến bề trên, có hét đến rách cổ họng cũng không thể nào thay đổi tình trạng đáng lo ngại này. Bao nhiêu thổ sản được tiêu thụ hết là một điều lợi cho quốc-gia thật sự, nhưng ngược lại, người anh em họ Mao tuồn vào Cao Miên đủ loại hàng hóa, từ cây viết chì đến chén đĩa, bình thủy, thuốc hút, rượu la ve, Ngũ-gia-bì, Mai-quế-lộ, bánh ngọt... Người dân Miên không được giúp đỡ một nghề nông, một xưởng chế tạo sản phẩm nào cả, cứ ẽ cò ra mua, xài đồ ngoại-hoá ! Thành thử trong một thế-kỷ qua, dân Miên đem mồ hôi nước mắt cung phụng cho Mẫu quốc Phá-lang-sa, bây giờ thì cứ cung tận tụy với quan thầy khổng lồ Ba Tàu ! Người ta gọi chánh sách biến dân Miên thành cu-li là thế đấy.

Bịt mồm báo-chí Việt-nam

Một công tác cấp bách rất cần phải

thi hành là việc xúi dục Chánh phủ Cao Miên cấm báo chí, sách vở ở Saigon lưu hành trong lãnh thổ. Từ xưa đến giờ sách vở, báo chí ở Việt-nam được phép bán ở Cao Miên vì người Việt cư ngụ trên đất bạn từ khoảng 150 năm nay, với tổng số hơn 300.000 người, đều nhờ đó mà học tiếng mẹ và theo dõi thời cuộc nước nhà. Nhà cầm quyền Miên bất chấp quy-chế ngoại-giao ngang nhiên ra lệnh cấm tuyệt các loại ấn-loát-phẩm ở miền Nam mặc dầu chánh phủ Việt-nam Cộng-hòa có đặt Tòa Đại-diện ở Nam-vang. Trong lúc ấy, miền Bắc chưa được Cao-Miên chánh thức nhận mà báo chí, sách vở Hà nội tràn ngập các quán, các lều ! Thi hành lệnh cấm này, các viên chức Cao-Miên no nê, vét tiền hối lộ không kịp mỗi khi vớ được một Việt kiều nào cầm một món đồ gì gói bằng giấy báo Việt ngữ ! Tội nghiệp cho hàng ngàn Việt kiều bị điều đứng về tội dùng báo Việt cũ của Chệt ve chai ! Nhiều người bị bắt bỏ tù hàng năm để các quan làm tiền thân nhân ở ngoài, và nhiều người bị trục xuất về Saigon không nghị-định, giấy tờ gì cả ! Lập-luận của chánh-phủ Miên là Việt-nam Cộng-hòa có chánh sách thù nghịch với chủ trương trung-lập của Cao-Miên ! Nhưng kỳ thật Trung Cộng cố tình xúi Cao-Miên bịt miệng báo chí Việt không cho bươi móc việc làm của chúng và nhất là những hành động của Việt Cộng ngấm ngấm trong các giới Việt-kiều.

Mở sòng bạc làm kinh-tài

Buồn cười nhất là một mối hại khác mà chính phủ Cao-Miên không thể nói ra, phải ngậm bồ-hòn làm ngọt

là sông bạc quốc tế ở núi Bokor thuộc tỉnh Kampot. Bokor là ngọn núi nhỏ sát bờ Vịnh Thái-Lan có địa-thế thuận lợi là nơi nghỉ mát lý tưởng, vừa có gió biển, vừa có gió núi. Từ chân núi lên đến đỉnh có đường xe vòng quanh khu ốc, tráng nhựa cẩn thận. Trên đỉnh có khách-sạn, nhà mát của các quan, các nhà triệu phú ở Nam-Vang. Ngay khi mới lập Tòa Đại-sứ, Trung-Cộng cho các cán-bộ giả làm thương-gia xin phép mở sông bạc trong một khách sạn trên núi. Tiền thuế nộp bằng ngày cho Chánh-phủ hẳn là nhiều cũng như tiền hối-lộ cho các công chức lo thủ-tục giấy tờ. Chánh phủ Cao-Miên tỏ ra khôn ngoan bắt buộc một điều kiện duy nhất: Không cho người Miên vào sông bạc, nghĩa là chỉ để cho người ngoại-quốc tự do sát phạt lẫn nhau. Do đấy mới có tên sông bạc quốc-tế. Nhưng trên thực tế thì địa điểm giỡn tiền ở cách thủ đô lối 160 cây số, chỉ có hạng giàu sụ, quan to mới đủ điều kiện đi chơi xa, và những người ở địa phương mới dễ dàng đem gia tài đến nộp cho Chệt cất giùm. Đối với các quan Miên có máu mê đen đỏ, nhân viên kiểm soát làm gì dám cản trở không cho vào sông bạc? Còn đối với hạng trọc phú, tuy có lệnh cấm thường dân Miên, mà vẫn ra vào tự do là nhờ ơn mưa móc của chủ sông đã trảm hòng những nhân viên gác cửa rồi. Những vị quan nhỏ này lãnh lương tháng của vị Đại xi-thầu y như tổ chức Cá Mưa ở Nam-Vang.

Mười năm qua, bao nhiêu người Miên đã sạt nghiệp, bao nhiêu người đã tự vận hoặc sống vất vưởng với hai tay trắng, bao nhiêu viên chức phải

tìm của đút đẽ bù vào số tiền nhà hay tiền công quỹ đã nung vào cuộc đen đỏ?

Hoạt động trong giới Trí thức Cao - Miên

Nắm được ưu thế về Kinh tế, bị mồm báo chí quốc gia xong, các cán bộ Trung Cộng xoay qua giới trí thức Cao Miên. Trước hết là các ký-giả Miên mà đại đa số không mấy gì khá giả. Báo Miên lúc bấy giờ (1958) chưa đủ đến phương-tiện xuất bản hàng ngày vì chữ Miên sắp rất lâu, 1 hàng bằng 3 hàng chữ Việt. Mỗi tờ báo 4 trang khổ nhỏ hơn báo hằng ngày của ta chỉ phát hành được 3 kỳ trong tuần hoặc 2 hay 1 kỳ. Số bán cũng không mấy gì nhiều, báo nào in 5000 tờ là đứng nhất rồi. Vấn đề cầu kết với một số văn-nô đôi rách sẵn sàng bán linh hồn cho quý sứ không khó gì đối với kẻ có một túi tiền không lờ. Nhiều bài báo sặc mùi Cộng-sản chỉ trích Chánh phủ Hoàng-gia độc-tài, phong kiến nhất tề nổi lên một đạo, khiến Thái tử Norodom Sihanouk nhảy dựng lên chửi bới trên Đài Phát-thanh om sòm, rồi năm đầu vãi cạu cho vào khám về tội thân Cộng trong quốc-gia Trung lập, làm lợi cho đế quốc Cộng-Sản, hại chánh-thề. Trong số ký-giả ở tù có ông bồi bút được tiền sắm cửa hàng bán sách sau loạt bài đả-kích chế-độ Bang-trưởng của Hoa-kiều. Ông ta nằm chuồng rệp sáu tháng và hình như giải nghệ luôn, có lẽ vì bị « vượt ve » khá nhiều.

Trong giới trí-thức Miên có một số người theo đảng Cộng-sản hẳn hoi, có một tờ báo làm cơ quan tuyên truyền tên là Procheachon nghĩa là

Nhân-dân. Các cán-bộ Trung Cộng bắt bớ với nhóm này, núp phía sau lưng, bỏ tiền ra xúi mấy tay hăng tiết viết múa bút công kích đường lối của đảng Cộng đồng xã-hội Bình-dân (Sang Kum Reastr Niyum) do thái tử Norodom Sihanouk lãnh đạo. Lúc bấy giờ ở Cao-Miên có hai đảng kề trên mà đảng Cộng-sản thì chỉ có lối vai chực tay có ăn học, có bằng cấp gia nhập còn lại bao nhiêu công-chức trong toàn quốc và đại đa số sinh viên, quân nhân, thường dân đều vào đảng Sangkum thế mà tờ báo Procheaou sau khi đớp bầy tí tiền của Tàu phù lại dám vuốt râu hùm ! Tờ lá cải này in lối 300 số bán lối 100 số mà hơn phân nửa là các tòa Đại Sứ và nhà báo mua để làm tài liệu, không gây được tiếng vang nào trong quần chúng. Thế mà vị lãnh tụ dễ nhạy cảm vội viết bài trả lời tràn giang đại hải trên các tờ báo của chánh-phủ nào là chữ Pháp, nào là chữ Miên. Sau đó lại cho đọc trên Đài phát thanh đề bình vực lập trường của đảng mình ! Đi xa hơn tý nữa, ngài cho « mời » Bộ biên-tập vào Văn phòng ông giám-đốc Công-an sửa một trận nên thân, và đóng cửa tờ báo, ra lệnh giải tán đảng Cộng-sản Cao-Miên.

Lập-Hội Thân-Hữu Miên-Hoa

Trong lúc ấy, Hội Thân hữu Miên-Hoa ra đời do Tòa Đại-Sứ Trung-Cộng giật giây một số Thương-gia Hoa-Kiều đề xướng. Bên phía Ba Tàu có vài Hoa Kiêu kỳ cựu ở Nam Vang và một số Hoa Kiêu mới ở Bắc Kinh sang làm đủ nghề hợp pháp. Đó là những Cán bộ Cộng sản trá hình. Bên Miên có ông Tổng Trưởng Chau-Seng, lúc ấy giữ Bộ Giáo dục kiêm chủ bút tuần báo Neak Cheat Niyum (Người bình dân) cơ quan tuyên truyền của đảng SangKum ông Chau

Seng đã bầu làm Chủ tịch. Ngoài ra có một số công chức và thương gia Miên muốn dựa hơi Chệt để thừa cơ hội phát cò ! Quy điều của hội là kết tình thân thiện giữa hai dân tộc, giúp đỡ hội viên trong cơn nguy khốn đại khái cũng giống như tất cả hội thân hữu khác. Ngay sau khi Hội ra mắt chào đời, ông Chủ tịch Chau Seng được chánh phủ Mao trạch Đông mời sang Bắc Kinh du lịch. Nói là du lịch cho có vẻ sang trọng và che mắt thiên hạ chứ thật ra là để nhận chỉ-thị của vị Chủ-tịch vĩ-đại về hoạt động ở Cao Miên. Lẽ cố nhiên Ngài Tổng trưởng « quặp » một số bạc gửi vào ngân hàng làm của hậu thân, gọi là tiền trà nước cho công tác sắp thi hành. Trở về quốc nội, ông mở tiệc khoản đãi hội viên, mở cuộc họp báo tuyên bố lung tung beng thế nào mà lời cái đuôi Cộng-sản với ý định thôn tính cả nước Cao Miên ! Một lần nữa, Thái tử Norodom Sihanouk lại nổi khùng lên, bắt giam ông Tổng-Trưởng, cách chức luôn, tóm hết cả hội viên người Miên cho đi nghỉ mát và đảng đàn diễn thuyết chưởi bới om sòm cái Hội trá hình để làm chánh trị có hại cho nước Cao Miên ! Tuy làm dữ như thế chứ Thái tử vẫn không dám dẹp hẳn cái Hội ôn dịch đó cũng như không dám động đến các hội viên Tàu Phù !

Máu đỏ trên đất Miên

Nhờ báo chí không trôi, nhờ Hội hè không lọt, bọn Trung Cộng đánh lá bài chót : phá hoại, giết chóc, và đổ tội cho kẻ khác. Đó là phương pháp đốn mạt, cồ-diền nhất của Cộng sản. Một chuyến xe lửa Nam Vang đi Poipet (biên giới Thái lao), bị đặt mìn đồ chông kên, báo chí thân Cộng la ầm

lên là phe Quốc-gia (?)nhúng tay vào ! Nhưng sau cuộc điều tra, Thông-tấn-xã Miên cho biết là do các Cán bộ Trung-Cộng muốn cảnh cáo Cao Miên định bắt tay trở lại với Thái-lan ! Chính Thái tử Sihanouk cũng đồng ý cho tin đó là xác thật vì ở Cao-Miên có phe nào thân Quốc-gia đâu ?

Tiếp theo đó là các cuộc nổi loạn, giết chóc trong tỉnh Battambang mà Thái tử Sihanouk gọi đích danh là Trung Cộng, Bắc Việt, Việt Cộng hợp với "Khmer đỏ" chủ trương. Nhóm Khmer đỏ là người Miên theo phe Issarak hồi thời kháng Pháp do Việt-Minh giựt dây. Thái tử Sihanouk còn gọi bọn chúng là Khmer Việt Minh. Dần dà đến các tỉnh Kampot, Kirirom, Kompong-speu, Koh Kong cả 5 tỉnh đều có mặt Cộng Sản, có tiếng nổ, có máu chảy, có lửa cháy. Sách vở của bọn quỷ đỏ chỉ có bấy nhiêu, chỗ nào chúng cũng làm như rứa để chia đôi lãnh thổ và lần lần tìm cách nuốt hết. Thường thường mỗi khi xúi dục dân chúng nổi loạn, bọn Cộng Sản nêu lên một lý do chống Chánh phủ hiện hữu là độc tài, khát máu, đế quốc, tư bản, còn ở Cao Miên chúng không có gì để chỉ trích Thái tử Sihanouk và đảng Sang Kum chỉ hành động như một đám phát cuồng, tự xưng đòi chia cắt mấy tỉnh ra khỏi lãnh thổ ! Những tên làm loạn... bá láp ấy toàn là dân đầu trộm, đuôi cướp, buôn lậu ở biên giới Thái-Miên quen giết người, đốt nhà, giạt của thiên hạ, suốt đời sống

chui rúc trong rừng, nay đột nhiên có người đem tiền, đưa tận tay kèm theo súng ống, dao, búa bảo làm những việc quen thuộc thì còn gì sợ hãi ! Thế rồi cảnh « Giáo Tầu đâm Chệt » diễn ra, dân Miên giết dân Miên để ăn tiền.

Bấy giờ vị Lãnh tụ đất chùa Tháp mới tỉnh mộng thì tai họa đã đến bên lưng. Lệnh ban hành tình trạng chiến tranh đã có ở 5 tỉnh kể trên, các vị Tỉnh Trưởng được thay bằng sĩ quan cấp Tá Tỉnh Trưởng phải mặc quân phục và đeo súng lục luôn luôn ! Tên phiến loạn nào bị bắt thì giết ngay, không cần đưa ra Tòa án mất thì giờ.

Trước tình cảnh này, Cao-Miên sẽ đi đến đâu ? Sẽ thành một nước Việt nam chia đôi và sẽ có cảnh huynh đệ tương tàn do sự điều khiển của ngoại bang chăng ? Nhưng cũng may cho Thái tử Sihanouk, bọn Cộng sản bận lo nhiều chuyện cấp bách và trọng đại hơn nên ra lệnh cho bọn tay sai rút lui năm chớ dịp khác. Đẳng này ông Hoàng Miên vỗ tay reo mừng chiến thắng, loan tin đã tiêu diệt được toàn thê bọn hoạt đầu. Trước sự nhận định quá trẻ con này, các đồng chí Ba Tàu vĩ đại của ông Hoàng mỉm cười, gật gù, nheo mắt nhìn nhau như ngầm hứa hẹn sẽ cho ông nhiều vỗ khác vĩ đại hơn, trong tương lai.

(còn tiếp)

LÊ HƯƠNG

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

PHỔ TÌNH NHÂN

Nhận thư Ngọc hai ba hôm rồi mà tôi vẫn chưa trả lời được. Không phải tôi bận nhưng hình như thấy không có gì để viết cho Ngọc, thấy những gì mình định viết đều có vẻ gượng ép, nhạt nhẽo, vô vị. Từ ngày đổi lên đây dậy dậy vấn đề thư từ giữa tôi và nàng thật thường. Ngọc cũng vẫn chỉ viết xoay quanh vài vấn đề công việc, vợ vẫn vài ý nghĩ về cuộc sống hôm nay, ngày mai. Vì thế tôi cũng không nói được gì hơn ngoài những mẩu chuyện mưa nắng Cao nguyên. Chúng tôi hình như cứ chờ nhau một điều gì đó, một phản ứng quyết định chẳng hạn. Rồi bây giờ xa nhau vài trăm cây số mà tình cảm vẫn ở nguyên một chỗ tầm thường và cũ kỹ của nó. Cũ kỹ như góc hè trường sư phạm và đã có lần tôi và Ngọc đứng nói chuyện với nhau gần trọn buổi về một vấn đề đâu đâu. Kề cũng là lạ tôi có thể nói với Nàng câu Anh yêu em bất cứ lúc nào và tôi tin tưởng Ngọc sẽ chấp nhận lời tỏ tình như một chuyện đương nhiên. Nhưng sao tôi vẫn không nói gì cho đến hôm xách valise đi? Thường tự hỏi tại sao và câu trả lời như một khoảng trống, không bao giờ lấp đầy. Buổi đó Ngọc cũng ra đưa tiễn. Khi xe chạy tôi còn quay nhìn. Khuôn áo trắng mỏng manh như một vết sương phai ở cuối đường. Tôi đã cố hình dung cảnh vợ đưa tiễn chờ đi xa xem tôi cảm xúc đến mức nào, nhưng tôi vẫn chỉ có thể ở bên giới của sự tưởng tượng ấy, vẫn chưa thấy mình nhìn Ngọc bằng đôi mắt của người chồng (nếu có thể). Khi xe nổ máy, tôi nhìn đắm đắm vào mắt Nàng — Lần đầu tiên tôi nhìn Ngọc lâu như thế — mà chả tìm thấy một thoáng buồn phiền, hờn tủi nào hay ít nhất cũng hiện lên chút bàng hoàng của ý thức mất mát — hay sắp mất. Có thể nàng nghĩ chuyện hai đứa yêu nhau là một chuyện đương nhiên. Không cần phải thổ lộ. Không cần phải hò hẹn. Như cuộc đời đều trôi đi, gặp nhau ở hàng hiên, cạnh nhau trong viện. Cái không khí thư viện âm默默, kín bưng không cho một chút ánh sáng đam mê, một ngõ thoát. Ở đó tôi và Ngọc cũng ngồi hàng giờ. Từng giờ, từng giờ băng qua. Tôi thường lắng nghe tiếng bước chân rạo rục trên lối sỏi, nhánh khô rơi hờ trên mái ngói. Tôi cảm thấy thèm nhớ, thấy thiếu vắng. Sự thiếu vắng nào đó lau rộng như một khoảng không, vô tình, vô vọng; ở trước mặt, ở sau lưng, ở bên cạnh đây tôi về một lối hoài nghi. Hoài nghi cả tôi. Hoài nghi cả Ngọc. Thế mà chúng tôi quen nhau được (có thể yêu nhau được không?) Ở giữa một biên giới cao mù, bàn tay không với qua. Ở một vị trí ích kỷ hay ngờ nghệch nào đó của vòng tay

chưa bao giờ mở rộng. Tôi cũng không muốn xác nhận với chính mình một điều gì từ hôm tôi xa Ngọc. Tôi vẫn cố quý mến tình cảm này như bắt đầu một kỷ niệm. Dù kỷ niệm không lấp đầy những thiếu vắng, những khao khát, những thềm nhớ trong tôi. Sự thiếu vắng tôi không hiểu, tôi không thấy nhưng cảm nhận thật rõ ràng, thật bản khoăn. Ngọc rõ ràng, thực thê như một tinh vật khi tôi muốn là một vùng mặt trời, cô đơn, nóng cháy. Sao nàng không có thể là một giòng sông nước đầy. Giòng sông dâng cao, vỡ bờ, tức nghẹn.

Bây giờ đã xa, cứ tưởng đã cách nhau bằng một đêm không bao giờ sáng. Tôi vẫn viết cho Ngọc, tôi vẫn nghĩ tới Ngọc mà khoảng cách như lại xa thêm ra. Riết rồi có thể... Biết đâu lại chẳng là sự mơ hồ huyền hoặc nào đấy, ngỡ chỉ là một lần tưởng tượng. Có nhiều khi chính mình cũng không đem được mình trở về trí nhớ khi trí nhớ không có kỷ niệm. — Những kỷ niệm viết hoa.

Giấc ngủ dậy trễ của buổi sáng chứa nhật đem dư vị lười biếng và mỗi mệt. Nắng lên từ lâu mà sương vẫn chưa tan hẳn. Bóng mù còn vin nhẹ ở đầu cành, ở ngọn lá theo cơn gió mát rượi, se lạnh. Chắc Thủy nó đi rồi vì cánh cửa vườn đã hé mở. Chẳng hiểu hẳn đi chơi hay hẳn đi làm. Mỗi ngày của người bạn nhà binh này đều khác nhau. Thời gian như không có một vị trí, thường trực, cố định ở hẳn. Không giống như tôi phải theo một thời khắc biểu đều đặn đến nhàm chán. Thêm vào đó những nỗi buồn vương vẫn khi thấy mình như một người lạ trong thị trấn bé nhỏ này. Từ chỗ tôi ở đến trường không bao xa, leo lên một con dốc, qua phố chính là tới. Nhưng tôi đã không chọn con đường này. Tôi không muốn đi vào sự ồn ào của thành phố mỗi buổi sáng, mỗi buổi chiều. Những thanh âm chát chúa, rạn vỡ, bon chen làm thần kinh chỉ muốn tê dại, rũ xuống. Tôi đã thật xa Sài Gòn rồi, đã thoát ra khỏi cái mệnh mang, hỗn tạp của nó. Tôi đang cần được nghỉ ngơi hay ít ra có một sự hưởng thụ thanh thoát nhỏ bé nhất khi những ngày nhàn hạ sắp qua mau. Tôi đang chờ lệnh gọi nhập ngũ. Sự chờ đợi thần nhiên. Không cảm xúc. Nó là cái mốc đã định sẵn cho cuộc đời, giống như Thủy, giống như những người bạn khác. Tôi lúc ấy sẽ không có quyền chọn lựa gì hơn, như bây giờ, tìm một con đường đi đến trường.

Con đường thật un ả, lác đác hoa vàng rụng và nắng thừa in bóng cây. Dù tôi phải đi vòng xa hơn, phải đi vòng xuống chân đồi. Những buổi sáng sương mù ngái ngủ tôi như đi có một mình hơi thở mát rượi, bước chân chênh vênh thân mến. Tôi muốn luôn hít đầy hai lá phổi cái không khí lạnh mạnh, tê tê, nồng nàn mùi hương cỏ sớm. Tôi tìm được những cảm giác chưa có hay đã đánh mất từ lâu khi cuộc sống ràng buộc với Sài Gòn bụi bặm bay mù cả trong giấc ngủ. Tôi dần quen thuộc với từng gốc cây, những bờ tường rêu xanh,

những khuôn viên âm thầm nhiều lá rụng, những cánh cửa sắt khép hờ hững. Những thứ đó đón đưa tôi bốn buổi một ngày. Âm thầm đó làm nên con đường tôi đã chọn. Sự chọn lựa tình cờ hôm mới đến, từ bến xe hỏi đường đến nhà Thủy. Tôi đi lạc vòng xuống chân đồi. Tôi đã mua thêm một khúc đường như vô tình tôi đã chọn. Nói ý nghĩ này với Thủy. [Hắn mỉm cười: Tui tôi ở đây gọi nó là con đường TÌNH NHÂN đấy chắc cậu hiểu tại sao? Thế ra tôi đã chọn con đường tình nhân khi tôi chỉ có một mình ở thị trấn trên cao. Miền Cao lần đầu tiên tôi biết mặt. Sự mâu thuẫn nhỏ bé này tạo nên một ý vị bằng khuâng lần đầu tôi đến thị trấn B. Mà quả nhiên tôi yêu mến con đường ngay khi vừa đi qua một lần. Nếu không có sự chờ-đợi-ra-đi-lần-nữa, tôi có thể có cảm tưởng mơ hồ rằng cuộc đời mỗi ngày bắt đầu từ trên con dốc họ, qua một hàng rào hoa leo vàng, mấy bậc thêm đá rêu xanh và xuống con đường. Nhiều khi đi suốt trong lòng nó tôi lại có nhiều cảm nghĩ quen thuộc, quán quít như tôi đã sống ở đó từ bao giờ. Đã đi xa, bây giờ trở về. Tôi lại cố tìm trong những hình ảnh lu mờ của ký ức xem có nơi nào gần giống như thế tôi đã đến, đã đi qua hay đã ở lại một khoảng thời gian không còn nhớ. Nhưng tôi không tìm được gì, không nhớ được gì ngoài khoảng trời xanh bát ngát trên cao. Chỉ có khoảng trời đó là quen thuộc, là thân mến, luân lưu trong đó những ký ức Thiên đường. Buổi chiều miên man khi tôi trở về. Những cọng lá thông khô bay nhiều trên triền gió, bay thật nhẹ, bay thật xa. Tôi về theo cánh lá bay nghe buồn phiền, bực bội loãng đi. Sự thanh thản thật quý giá, tôi vừa có, tôi có Giống như một cánh chim được bay vút lên cao, thật cao, vượt qua những vòm mây giới hạn, chung quanh chỉ còn chan hòa ánh nắng ngọp màu bích hun hút của không gian, ngoài hẳn cả tưởng tượng, ngoài hẳn cả cảm xúc của ý thức, mà tất cả chỉ còn là sự nhập thể giữa vùng bao la và linh hồn nhỏ bé, chiêm ngưỡng. Mà tất cả chỉ còn là niềm hòa hợp giữa tinh vật và sinh vật trong một môi trường vô hình, vô sắc nhưng say đắm dị thường. Sự thanh thoát dẫn dắt tôi vào một tình cảm dịu dàng, diệu vợi, cho tôi mơ ước thoát ra khỏi cái bản thể vật chất mà bay lên cao, mà đứng ở một đầu dốc nhìn được ảo ảnh của chính mình, lang thang từ đầu đường nọ, cạnh gốc cây kia, khi sương lên, khi nắng xuống. Tôi chưa hề dừng lại một lần. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao. Hai bên là những hàng rào hoa leo rồi những gốc cây thông, cây dẻ. Tôi chợt tưởng như còn thiếu một trạm đề ngừng lại, bước chân vẫn đều và tâm hồn miên man như đã theo nắng về xa. Thật nhiều suy tưởng rồi chả có gì. Tiếng xao xác của những viên sỏi lối vào đưa tôi trở về với căn nhà của Thủy. Hương bông trà bay thềm chung quanh.

Căn nhà và khu vườn ấy như khác hẳn những căn nhà khác trong con phố tình nhân. Tôi cố tìm những lý do để phân tích điều khác biệt này hơn là sự hiện diện của Nàng. Khu vườn thật rộng. Cây trồng không theo một trật tự qui định càng tạo nên nhiều chiều sâu, nhiều góc tối mát hút, nhòa đi trong những phiến lá xanh đậm. Những lối đi quanh cỏ cao, không

trái sỏi dẫn cảnh trí về gần Thiên nhiên. Căn nhà ở sâu trong vườn ần khuất. Một kiểu nhà xưa. Như thế cũng chưa hẳn là những điểm quá đặc biệt níu kéo sự chú ý của tôi. Bao lâu rồi tôi vẫn qua đó, thân nhiên, không bỏ ngỡ, không ngập ngừng, không có gì lôi cuốn. Dù muốn dù không tôi cũng phải quay về sự chấp nhận ban đầu. Nàng, nàng hiện diện nơi đó hơn nửa tháng qua, khởi nguồn cho tôi những thắc mắc vô cơ. Những thắc mắc vốn dĩ tôi sợ gặp, không muốn tìm, không muốn chờ đợi. Nhưng nó đến thân nhiên, âm thầm như nó đã ở đó từ lâu. Sự hiện diện của Nàng như một ánh sáng lạ trong khu vườn nhiều bóng khuất, trên một nền xanh đậm thẫm thì lá khô, cỏ úa ; của một ngày biển động từ buổi sớm tinh mơ. Trong vệt sáng nhòa đầu tiên lọt vào đôi mắt sơ sinh. Khởi thủy của tôi là những thắc mắc rồi đưa dần đến sự chú tâm. Nàng đã đến. Nàng đã chia phần với linh hồn con phố cô đơn này. Lẽ ra tôi cứ đi, đi như mơ theo những chiều nào đã qua và sẽ tới nhưng sự hiện diện của nàng đã tạo nên một xao động khôn cùng. Tâm ý buổi chiều không còn được chấp cánh bay cao về vô cùng tận. Buổi chiều như chỉ còn quanh quẩn nơi nàng hiện diện. Sự tò mò đã dẫn dắt tôi đi xa hơn bằng nguồn lực vô hình nào đó thu hút. Khi đi qua bước chân tôi chậm lại. Khi đi qua đôi mắt tôi phải dõi tìm ; như vô cơ tạo nên một phản ứng không tránh được, không quên được.

Năm giờ bốn mươi lăm tôi về qua đó. Thường là nàng đã có mặt, như một vùng ánh sáng mù mờ duy nhất động nhẹ nắng cuối ngày. Và những màu áo dung dị, không nhằm lẫn, không hòa tan. Nếu áo vàng, nó cũng không lẫn với lá khô. Áo nàng xanh, vẫn nhẹ nhàng hơn màu cỏ rối. Nhưng thương nhất, đẹp nhất (có thể với riêng tôi) là chiếc áo trắng cỡ rộng, viền tà, viền tay bằng vải tím, màu tím xa xăm, quên lãng. Sự hòa hợp màu sắc nửa buồn phiền, nửa thanh thoát, nhẹ nhàng, mát rượi ; Làm nổi bật vàng tóc đen nhánh lòa xòa, buông nhẹ trên khuôn vai gầy gầy, muốt màu ngà mới rũa — Niềm vui cảm tình bạch. Nàng hiện diện như một niềm vui nào đó tôi muốn hiểu mà chẳng bao giờ hiểu nổi. Khi mà suy tư như treo nặng trên đầu mỗi sợi tóc. Những sợi tóc thật dài, đen huyền, đặc quánh mà chẳng lẫn với bóng tối lên mau sau cụm cỏ gai. Khi tôi nằm xuống ngủ tôi muốn mơ thấy một giòng suối trôi hết đêm. Giòng suối và những chấm nước lân tinh, một bờ cát trắng mịn... Và chắc cũng chẳng bao giờ tôi hiểu được niềm buồn lạ, thồn thức ngỡ ngác trong đôi mắt nàng. Sự tìm kiếm của nàng ở đâu đó, không có quanh nàng. Nó đã biệt mù, nó đã mất tăm.

Buổi dạy chiều của tôi nhiều nao nức và lo âu. Tôi mong ngóng tiếng keng tan lớp mà thời gian thường như đọng lại một vũng buồn chán. Tôi vội vã trở về, chỉ sợ nàng không còn đấy, nàng đã tan đi, đã biến mất. Sự say mê đơn độc của tôi đã làm nên giấc mộng du triền miên đó. Nàng như một con mộng du, một ảo giác hay một thực thể ? Tôi không cần hiểu ngoài những xúc cảm của tôi. Những xúc cảm nồng nàn, mê muội, tràn lan mãi, đầy ắp mãi như

một xúc động giãy chuyễn lớn rộng rồi mênh mông. Tôi đặt nàng ở vị trí ngẫu nhiên, trong tâm hồn. Ngẫu nhiên nào chả là đầu mối của đời sống. Từ đó khởi điểm cho một cuộc hành trình về vô tận, tìm một cái đích không có thời gian và không gian hạn định, bóng dáng mơ hồ. Tình cảnh cảm giác của tôi như một con gió rối bời nổi lên từ mặt biển lặng, muốn nhập vào những con gió khác nhưng chúng đã bay xa chỉ còn lại một mình rối bời, bắn khoản mù mịt. Có những buổi tối một mình, tôi thềm nghe từ bước chân rạo rục trên lối sỏi nhà bên, đến nhánh khô rơi trên mái ngói để được loãng tan niềm ần ức vây quanh.

Nàng ngồi lơ đảng hàng giờ. Tôi chắc thế vì bao giờ nàng cũng đã có mặt trước khi tôi đến và hẳn vẫn còn đó khi tôi qua. Nàng hiện diện ở thực tại nhưng nhìn về mông mênh. Tâm mắt dõi tìm của nàng là một vùng hoang vu chông chát năm tháng nào đấy mà tôi không bao giờ tới được. Nó là của riêng nàng, âm thầm, thật âm thầm. Niềm âm thầm của một phố vắng gió lạnh, một ga xép đềm vàng. Niềm âm thầm của một con tàu trôi qua rất chậm nhưng không dừng lại vì không đưa đón, không đợi chờ. Tôi về qua như thế đó, trên những bước chênh vênh, muốn ngừng mà không ngừng được, cũng không hiểu tại sao. Tôi lại tự hẹn chiều mai. Chiều mốt. Cuối cùng tôi vẫn không có chiều nào. Vài lần về ngang, tôi không thấy nàng; mệt mỏi và buồn phiền lạ. Khuôn viên như thiếu ánh sáng. Lá bay và gió lạnh. Những lúc đó tôi biết tâm hồn mình đã đi quá xa và không trở về được. Tôi hiểu niềm khát vọng đã cháy lên rồi, từ lâu rồi, dù chưa cảm thấy rất bỏng xót đau. Niềm nhớ nhung cũng chợt xanh biếc như miên man hơi thở hương trà nhẹ nhàng. Nhẹ nhàng thoát cao như nhan sắc của nàng. Cái đẹp lảng lảng, kỳ ảo. Ánh sáng cũng mơ hồ. Khu vườn cũng Liêu trai. Đến nỗi tôi cũng không ý định ước đoán tuổi nàng. Tôi không có cả ý định hỏi Thủy về nàng dù Thủy có thể biết. Ở một thị trấn nhỏ bé như thế này, người ta biết rất nhiều về chung quanh, từ những chuyện lớn đến những chuyện nhỏ nhất, lắm cảm buồn cười. Tôi không muốn ai biết về nàng, không muốn sự bí mật mơ hồ chung quanh nàng phải loãng tan để niềm kỳ diệu trong tôi có thể biến mất, có thể chìm sâu. Tôi muốn thế (Niềm ích kỷ ngạo mạn) muốn nàng không ở vị trí giới hạn, của thực tại, của không gian và thời gian dù nó là quá khứ của nàng, tương lai của nàng. Tôi muốn quanh nàng chỉ còn ánh sáng. Loại ánh sáng nào đó — Không hình dung và không đặt tên — người ta chỉ có thể thấy khi người ta nhắm mắt lại. Loại ánh sáng mơ hồ từ tâm thức bay lên man man, tràn trề, huyền hoặc chung quanh, đến cả giấc ngủ, cả lúc vừa thức dậy theo tiếng chim, trong mười phút ra chơi ngồi tại trong lớp học nắng lành lạnh, ngay cả ở giọt cà phê nâu mềm rơi xuống đáy ly pha lê những tối xuống phố với Thủy. Nhắm mắt lại vẫn như thấy mọi vật thể chung quanh chan hòa. Thấy được tất cả, vật chất và

linh hồn trong suốt, trong suốt... Từ đó tôi đi quanh, những bước chân lạc lõng luẩn quẩn với những điều không bao giờ hiểu của chính mình. Tôi nhìn tôi ngơ ngác mắt gỗ — Loại gỗ nguyên thủy say mê dung nhan của Đá, kiếp kiếp không hao mòn, không biến thể. Từ đó tôi đi trên những dấu cỏ nõng nân con đường vừa tìm lại được, nổi thực tại với hư không tuyệt mù, lằng lằng vời vọi. Con đường khi đi qua là thành quá-khứ-mất-biệt mà không ngừng lại được. Không ngừng lại được. Con đường mộng du và ăn ức là Nàng.

Buổi Liên hoan Tết niên mấy tiếng đồng hồ vẫn chưa xong. Đám học trò quấy khá ồn ào mà chả khua động được gì trong tôi. Tôi ngồi đó và vẫn như âm thầm rời bỏ đám đông. Sáu giờ chiều rồi, kim đồng hồ nhảy mau theo sự nôn nóng bồn chồn. Sáu giờ chiều..! Tôi muốn thoát dậy, ra khỏi trường, vội vã lên đầu dốc gió hắt mát lạnh đầy phổi, vội vã về qua đó Sáu giờ rưỡi ông hiệu trưởng về. Tôi thở ra nhẹ nhõm, theo châu ông. Buổi tiệc còn vui. Tôi hơi ân hận thấy mình thiếu sót một bồn phận gì đó. Đi ngang, Thăng hỏi sao tôi về sớm thế? À hẹn với Thủy, hai đứa đi mua sắm cái gì ăn Tết chứ! Anh ở trên này một mình thì lại tại này ăn Tết cho vui. Thế nào Tết tôi cũng lại thăm anh chị mà lo gì. Tôi nói dối Thăng để về cho mau. Thủy đã ôm đờ đặc vào trại từ hai ba hôm nay rồi. Hẳn bảo thế là chả tết nhất gì hết, năm nay bọn này cấm trại kỷ

Tôi đi chậm lại, cố tạo cho mình vẻ thản nhiên như những chiều qua Nàng vẫn còn đó, như điều tôi chờ đợi, mong ước bồn chồn. Nàng còn đang đọc một cuốn sách và tôi hình dung được sự say mê của nàng khi một nhánh lá khô vừa bay phớt qua trên tóc mà nàng như không buồn lưu ý. Tôi bước chậm, thật chậm rồi mơ hồ dừng lại khuất sau một gốc thông. Tôi cố chặm một miếng thuốc run rẩy. Bốn năm que diêm gió vẫn làm tắt. Huyền ơi! Sắp tối rồi đó con! vào không lạnh đấy! Nàng như giật mình ngơ ngác, nhìn về phía căn nhà đứng dậy. Nàng đứng đây, khó nhọc, mệt mỏi như thiếu một cái gì đó, một điểm tựa vững chãi chẳng hạn và nặng nề lê bước về phía căn nhà. Những bước chân của nàng xô lệch, nghiêng ngả, lá khô rên đau dưới gót TẬT NGUYỄN.

Huyền ơi! Huyền ơi! Tiếng gọi nào đó bằng bệnh loãng tan, mất hút ở cuối ngày.

ĐỊNH NGUYỄN

(mười chuyện tình buồn)

CONAN

CHUYÊN TRỊ CẢM CÚM,
NHỨC RĂNG, NHỨC
ĐẦU, NHỨC BẮP THỊT,
NHỨC KHỚP XƯƠNG, PHONG THẤP.

VẾT CHÂN CHIM SẾ?

Tặng Triệu và Lâm

Tại sao Ích trở lại nơi đây? Cứ đồ cho cho sự trôi buộc của định mạng thì lời giải thích kém hứng thú. Mùa mưa đã chấm dứt. Đây là xứ cao su, đất đỏ, và bụi bặm Quận y đìu hiu, như một trái tim thiếu máu. Nó sống thoi thóp, tiềm tàng, nhẫn nại trong thời buổi chiến tranh. Nhưng với Ích, chàng có cảm tưởng là mình bắt đầu rút sâu vào quên lãng của bạn bè và tình nhân. Đây là nơi gần biên giới, sự giao thông với tỉnh lỵ có thể bằng đường thủy, đường bộ, và đường hàng không. Nhưng đường liên tỉnh lại bất an ninh. Đường thủy lại qua mấy cái mật khu của đối phương. Binh sĩ muốn về tiểu khu hoặc Saigon chỉ có thể đi bằng phi cơ.

Ích đặt chiếc ba lô và chiếc xác da xuống nền gạch. Tập, viên Trung sĩ của Quân-Y Diên-Địa nghe hàm răng vàng ối, cười:

— Dầu sao cậu cũng về đây. Ở bên Phú Hòa, có lẽ cậu cũng chưa quen biết nhiều.

Ích cảm thấy đầu óc trống rỗng. Chàng mở cửa vào căn phòng cũ. Một lớp bụi mù bốc lên khi chàng liệng chiếc mũ lưới trai xuống chiếc phản. Ích cần phải tắm, mới lấy lại tỉnh táo và sáng khoái. Cái buồn lẫn cơn mệt thường đè nặng chàng và làm cho chàng cảm tưởng bị hất hủi một cảnh vật ghê lạnh.

Trời đã xế chiều. Nước từ vòi vẫn chảy thong thả vào chiếc bể xi măng. Chỗ tắm này lộ thiên. Trong lúc tắm binh sĩ thường bận quần xà lỏn và những người đàn bà trong trại gia binh kéo cái quần dài đáy rộng bằng sa ten đen lên khỏi vú. Khung cảnh thật thảm đạm đến tức cười bấy giờ Ích đã quen mắt đi rồi. Cuộc đời một người hạ-sĩ y-tá trong phạm vi quân y Diên-Địa nghèo cảm hứng cho đến nỗi ghi sự việc từng ngày vào nhật ký một cách gượng ép, làm nhàm, đọc lại chẳng chút phần khởi nào. Trước kia Ích làm y-tá cho bệnh viện của đồn điền cao su và bây giờ cuộc sống nhập ngũ không làm sai lệch khả năng chuyên môn của chàng. Ích đã quen cái khung cảnh quận lỵ này. Nó là một quê hương thứ hai của chàng. Thuở trước nó ồn-ào, tấp nập trong một cuộc sinh hoạt trù phú trôi chảy cuồn cuộn theo năm tháng. Ích có đi qua nhiều quận lỵ miền Tây. Những nơi đó không đông đảo và tàn phá như ở đây vì chúng không có một ngành

kỹ nghệ để nuôi sống dân-cư. Đây là mạch sống dồi dào tích trữ trong những thôn cao su trồng thành rừng. Nhưng bây giờ chung quanh quận lỵ đã bị khai quang quá nhiều. Cuộc sinh hoạt trong hãng cao su đã ừng tắc. Dân chúng đổ xô đi làm sỏ Mỹ, Quân đội Đồng-minh đã trấn nhậm nơi đây gồm cả một lữ-đoàn. Khung cảnh đã mất nhiều vẻ thân mến, quen thuộc. Trở về đây, chàng thấy nản quá ; ghẻ lạnh thay một khung cảnh tiêu điều đến sống sượng ! Thời mới lớn của chàng đóng khung nơi đây, êm đềm và thơ mộng , vết chân vào đời của chàng in lên miền đất đỏ này như vết chân của chim sẻ in trên sân lúa, liếng thoảng và hồn nhiên biết bao.

Ích đã đi về chi khu Phú-hòa một thời gian. Đi đâu chàng cũng mang một tâm trạng dửng dưng, nguội lạnh. Nhưng khi trở lại nơi đây, chàng chợt thấy chốn cũ có một ít nhiều ràng buộc với mình. Ích tự biết sau khi tắm xong, chàng sẽ tìm lại con người thường nhật của mình. Chàng sẽ uống một chén Cacao nóng, ăn vài cái bánh lát và sửa soạn chỗ ngủ. Ngày mai, chàng sẽ làm việc trở lại, hòa mình vào nền nếp quen thuộc cũ, không thắc mắc, không khó khăn. Niềm háo hức say mê về một viễn ảnh tương lai đã lụn bại tự bao giờ. Ích sinh ra trong chiến tranh. Chàng đã trưởng thành trước tuổi. Bây giờ, chàng mới hai mươi sáu tuổi thôi. Nhưng những niềm xao xuyến vu-vơ, những cảm nghĩ nồng ấm ít khi đến chàng để chàng lao tới một mục đích rõ rệt, bình ổn.

oOo

Ích muốn đọc một quyển truyện dài. Trời đã tối mịt. Doanh trại của Đại-đội bắt đầu ồn. Viên Đại-đội phó Chiến-tranh Cảnh-trị đã mở cuộc sinh-hoạt nội-bộ trong phòng Văn Khang. Trại gia-bình cũng như thường lệ, như một chiếc lò so bung lên. Đó là những nếp sinh hoạt có vẻ hấp tấp òa võ, rượt đuổi vào khoảng bảy tám giờ tối, nhưng thật ra chẳng có biến cố gì trầm trọng cả. Ích đến phòng thiếu úy Cảnh-trưởng ban 1. Ông ta có một chỗ nghỉ trưa, trang trí khá đẹp gồm những bức tranh cắt từ các tạp chí và một kệ sách xinh.

Cảnh niềm nở mời Ích ngồi trên chiếc phảng đóng bằng ván thông, phủ drap trắng. Ánh đèn lọc qua trong chiếc chụp bằng giấy bồi trắng nên sáng lơ mờ. Cảnh rót sữa đậu nành ngâm nước đá đựng trong các bình sứ trắng nuốt ra hai chiếc cốc pha lê. Cảnh khoe với chàng là đã kiếm được phong lan. Hắn cầm chiếc đèn bấm rọi lên tường. Từng khóm phong-lan được dính vào những tấm bảng vuông mỗi cạnh trên một tắc sơn màu xanh lá cây. Lá phong lan dài đâm tia từ chùm rễ khô màu nâu sậm. Giữa cụm lá, một chùm bông hình sao màu tím nhạt nhô ra. Cảnh hoan hỉ :

— Bông đã nở hết rồi. Mỗi buổi trưa, nằm ở đây ngủ nếu đóng cửa thì thơm đến nghẹt thở.

Ích cũng ưa phong-lan, nhưng mỗi khi nở bông, nó như trút cạn ra từng sồi hương ngây ngất, mùi hương như dlu người ta vào cơn đồng thiếp nặng

chính-chịch. Ích hỏi :

— Ở đây có gì lạ không, thiếu úy ?

Cảnh nhủ máy :

— À, có một viên chuẩn-úy từ tiểu khu đưa về đảm nhiệm chức Trưởng-ban Chiến-tranh Chính-trị.

Ích hỏi một cách lơ đãng :

— Con người của hân thế nào, thiếu úy ?

Cảnh đáp gọn :

— Cà chớn !... Khóa 26 của Trường Bộ binh Thủ-đức đấy. Trước kia hân là sinh viên.

Ích ngáp, chưa chi mà chàng đã buồn ngủ. Chàng hỏi mượn một cuốn tiểu thuyết viết về tình yêu. Chỉ có những trang sách nhẹ nhàng, cạn cợt mới khoả lấp những giờ khô khan sau ngày làm việc của chàng. Cảnh có vẻ suy nghĩ rồi rút ở kệ, một quyển truyện dài ngót ba trăm trang của một tác giả vừa đỏi bút pháp và không khí ở các tác phẩm mới khác hân không khí các tác phẩm đầu tay của ông ta.

Cảnh mặc áo treillis và xin lỗi Ích là hân cần lên văn phòng chỉ khu. Ích đứng dậy men một vòng qua đại-đội. Chàng lại nghĩ về Cảnh. Hân vốn là người địa phương, khoẻ mạnh, bông bột và đối phó thích ứng với hoàn cảnh. Nhưng thật sự, hân thích khoác cho mình một chiếc áo nổi bật và khởi sắc trong hàng sĩ quan thuộc bộ chỉ-huy chỉ-khu. Cảnh đi vào cuộc đời nhà binh thật ồn ào như nước chảy. Thật sự, hân cũng tốt bụng, hào phóng. Con người đó vung vài nhiều tiềm-lực phong phú quá cơ hồ như một anh kếp thủ vai độc địa trên sân khấu nên phải vận dụng tô đậm cái khả-năng diễn-xuất. Cảnh thích đọc loại sách nặng nề. Hồi chưa có các sĩ quan ban 4 và ban Chiến-tranh Chính-trị, hân tự một tay đảm nhiệm hai ban này một cách xuôi chảy. Đôi lúc, Ích khao khát cái hoạt động của Cảnh, nhưng đôi lúc chàng lại nhìn Cảnh như nhìn một bức tranh hí hoạ. Cả hai không hân là thân nhau, nhưng đôi lúc họ cần chuyện văn với nhau. Cảnh quá ham mê những công việc nên xem nhẹ vấn đề tình cảm. Hân không thích nói chuyện đi điếm, chơi bời và hình như không có tình nhân, dù với thân thể khoẻ mạnh, với khuôn mặt có nhiều nam tính, hân có thể là một đối tượng huy hoàng của các cô yêu lính.

Ích rẽ qua nhà trung úy Nhiệm, ông này coi về ban Hành-quân. Căn phòng nghỉ ngơi của ông tương đối đẹp và rộng hơn phòng của Cảnh. Ở đây có pick-up, tủ lạnh và có một bộ xa lông nhồi nệm. Nhiệm đã trên bốn mươi tuổi, thuộc hạng người thích hoạt động, thích ba hoa, nhưng không ưa vây cánh, hoặc phe đảng. Vừa mới bước vào phòng, Ích đã nghe tiếng hát léo xéo, ướt sũng nước mắt của một cô ca sĩ thời trang rồi. Giọng cô cất lên cao, ngân kéo dài rồi loãng trong tiếng vĩ cầm the thé và tiếng đại hồ cầm. Đó là câu cuối của bản nhạc. Tiếp theo là một giọng nói khàn đặc

và nghệt mũi nghệt mũi của một người đàn ông mà Ích khó đoán số tuổi qua giọng nói đó :

— Phải rồi, tôi yêu thích các nhân vật đàn bà của Kim Dung. Họ thông minh, láu lỉnh, dỗi dào nữ tính. Nhưng các cô thuộc phe ma giáo có nhiều cá tính hơn, có đời sống phong phú hơn các nữ hiệp của bên chính phái. Bọn chính phái thường xử sự theo lễ lối, theo qui điều đạo đức một cách cứng ngắt, mù quáng. .

Ích bước vào thì thấy Liêm bạn của chàng, hiện đang là một trung sĩ ban quân số ngồi cạnh một thanh niên mặc đồ xá xầu màu xanh ve chai. Thanh niên hớt tóc cao, khuôn mặt tròn trĩnh, và trắng trẻo. Ích nhận thấy cái trắng trẻo, mịn màng đó ít khi lọt về tay một kẻ thuộc phái mạnh. Đôi mắt của gã một núi, nhỏ và reo vui.

Liêm giới thiệu :

— Đây là chuẩn úy, trưởng ban Chiến tranh Chính trị.

Cả hai bắt tay nhau. Ân, tên viên chuẩn úy quay qua nói với Nhiệm, lúc đó đang soạn chông đĩa nhạc :

— Tôi thì thích nhạc thính phòng hoặc nhạc Jazz. Nếu có tiền tôi mua máy ghi âm để thu loại nhạc đó.

Tiếng nói thì có vẻ già, nhưng khuôn mặt Ân thì trẻ. Gã cao lớn, nhưng cử chỉ lại mềm mại. Mãi khi gã nhếch mép cười, Ích thấy cả một sự thanh thản, ngây thơ. Ích móc gói Lucky Strike ra mời gã để mở đầu một cuộc làm quen. Gã đáp lại sự ân cần niềm nở của chàng bằng một thái độ hờn hờ, vờ vập. Khi gã nói chuyện, cặp môi có vẻ liếng thoáng, ánh mắt long lanh trong lúc gã vờn lượn những chữ độc đáo, nhưng khi gã ngừng nói, vẻ mặt như chìm trong cái khờ khạo, hai khoé miệng gã trở xuống.

Ân nhìn cuốn sách trên tay Ích rồi tỏ vẻ thông thạo về tác của quyển sách. Nhiệm có vẻ không ưa Ân nên tiếp chuyện một cách miễn cưỡng. Một đĩa nhạc khác được đặt vào pick up. Một tràng đại-liên về phía tháp canh ở phía góc chợ nõ dòn-dã. Mặt Ân hơi nhón nhác, rồi thì hần nở một nụ cười để bôi xóa sự sợ hãi đáng lẽ một cấp chỉ huy không nên để hiện một cách lộ liễu trên khuôn mặt như thế.

Chờ cho bản nhạc chấm dứt, Ân mời Lâm và Ích đi giải khát. Khi cốc-Coca-cola màu nâu sẫm đã vơi đi một nửa :

— Buồn quá, buồn muốn chết đi được. Chi khu này như một hoang đảo, còn mình như một kẻ bị lưu đày.

Ân hẳn học :

— Trước kia tôi làm ở khối Chiến-tranh Chính-trị ở tiểu khu, bị thăng trung úy trưởng toán Tâm-lý-chiến rồ « trù » tôi đó.

Ăn nhìn phản ứng trên khuôn mặt của Liêm. Gả đặt bàn tay trắng, to nhưng thật mềm lên mép bàn, cử chỉ hơi lúng túng. Ăn tiếp :

— Ông trưởng phòng đi học khóa Chiến-tranh Chính-trị ở Đà-lạt. Tên trung úy mắc dịch đó xử-lý thường-vụ. Nó mét thót với ông Tiểu-khu phó nào là tôi thế này, thế nọ. Thế là tôi phải văng lên tận miền khi ho cò gáy này. Chán lắm. mới dứt đầu ra đơn vị là tôi gặp thứ trời đánh đó rồi.

Liêm châm thêm điều thuốc. Đời binh nghiệp của Liêm nhạt nhẽo, suông sẻ. Hắn có một cô nhân tình tên Búp làm y-tá ở Phát-triển Bệnh xá đối diện với tiểu khu. Hắn bêu hiệu một tâm hồn mực thước, không thắc mắc vu vơ, không mơ những viễn ảnh, và yêu đương gẫn bó rất chừng mực. Liêm ít góp chuyện, nhưng hắn hưởng ứng mọi việc bằng một nụ cười trống rỗng và dễ dãi.

Thật sự, Ích cũng không biết hưởng ứng lời than vãn của Ăn. Chàng đã ném cái không khí của tiểu khu, khi còn ở Đại-đội Hành-chánh Tài-chánh. Chàng còn lạ gì những phe đảng, vây cánh, bè phái. Tiểu-khu là một cái góc kẹt tối tăm của đất nước mặc cho những bày mưu thao túng.

Ăn có vẻ bùi ngùi, hỏi Ích.

— Đố anh, năm nay tôi được bao nhiêu tuổi ?

Ích ngần ngừ :

— Có lẽ hai mươi... hăm một gì đó.

Ăn lắc đầu :

— Trật lất. Hăm mươi tám tuổi rồi.

Ăn lại hỏi :

— Tôi vào nhà binh có hơi trẻ, phải không anh ?

Khi từ giã Ăn và Liêm, Ích mang mùng gối, súng và bao đạn xuống phòng trực. Đây là căn hầm chìm, trần hai lớp bao cát trên nóc, rất rộng có thể đặt một dãy sạp kê bằng ván thông. Một ngọn đèn điện gần chiếc cửa chính sơn xanh đậm không đủ rọi sáng căn phòng về phía trái, một tấm vách ngăn căn phòng một khoảng nhỏ. Trên vách treo lủng lẳng một tấm biển ghi tiêu lệnh chung. Những người có mặt trong phòng quây quần đánh cờ, hoặc ngồi ở ngạch cửa thông ra miệng hầm để hóng mát. Một trái hỏa châu được phóng lên phía trên căn cứ của bọn biệt kích Mỹ, ánh sáng vàng sẫm của nó lòn qua lỗ châu mai. Mọi sự việc, mọi hình ảnh có vẻ quen thuộc, nếu có thay đổi chẳng nữa, cũng uốn lượn trong một cái khuôn khổ nào đó, đề rờ rờ rã trong trí nhớ. Ích khó dỗ giấc ngủ. Tiếng động xao xác bên tai. Máy điện thoại vô tuyến chốc chốc cứ reo.

Có tiếng đạn pháo kích về phía lữ-đoàn và những pháo đài của Mỹ xây trên các tháp nước nã súng xuống.

oOo

Ích có cảm tưởng những ngày trở lại quận lỵ này sẽ kéo dài êm đềm đến đời chàng không chờ, không đợi, một biến cố nào xảy đến. Chàng lao vào công việc một cách chậm rãi, đều đặn. Đôi lúc, Ích nghĩ mình cũng nên nuôi một dự định gì đó. Chẳng lẽ mình làm việc một cách mù quáng như một hình nộm trong trò múa rối hay sao? Công việc càng nhiều, đầu óc của Ích càng bằng phẳng.

Quân y Diên Địa đã tổ chức một căn phòng bệnh xá đối diện với phòng Văn Khang của Đại Đội. Bốn bức tường quét vôi trắng, có chừa hai cửa chính và hai khung cửa sổ. Nơi đây đặt ba chiếc giường sắt, căn nệm, trải drap trắng. Ông thiếu úy trưởng ban quân-y vốn là người Việt gốc Hoa, nói tiếng Việt không rành rẽ nên bị hai viên hạ sĩ thuộc hạ lần lượt nhểch móc. Ông ta thường khoe là đã tốt nghiệp khóa Dược-rá, nhưng ông kém hiểu biết về những món đặc-chế, Ích thì lanh lợi hơn. Chàng nói được hai tiếng Anh và Pháp nên công việc giao dịch với bọn Cố-Vấn Mỹ lẫn người trong hăng cao-su rất dễ dàng.

Ăn thường xuống tìm Ích, mời Liêm và chàng đi ăn điem tâm hoặc đi nhậu. Tuy gọi là thân nhau nhưng Liêm không muốn ai đề cập tới cuộc tình duyên giữa hắn và Búp. Nụ cười của Liêm tuy dễ dãi thật đấy, nhưng nó là một bức màn siêu lọc ngăn lại những cái hiểu biết của người chung quanh đang hướng về cuộc đời tình cảm của hắn. Riêng về Ăn, Ích càng thấy khó hiểu. Gã cà chớn, bắtchấp những trói buộc, những lễ thói, coi mọi việc đại khái như một truyện tiểu lâm. Gã nói về gia đình, nay thế này mai thế khác. Trong những lúc say sưa, Ăn tự than mình là hạng râté sống không ổn, mà muốn chết cũng không an. Gã cho là cuộc đời làm việc ở văn phòng đã đẽ bẽp mọi sinh thú, ước vọng của gã. Nhưng gã thẳng thắn nói mình nhát lẫm, nghe tới chuyện súng đạn chém giết là mồ hôi ứa đầy lòng bàn tay. Do một linh cảm hay một trực giác thâm sâu gì đó, Ích nhận thấy ở Ăn có một niềm đau đớn không thể giải bày, hoặc là có một tội nguyên gì đó trong tâm linh. Đôi lúc gã có vẻ ngu đần, khờ khạo tốc-kê. Đôi lúc gã như thăng hoa vào một sự khoan hồng, vì tha bất ngát. Gã sống bằng nhiều mặt nên có lúc Ích nghĩ rằng gã là một tên ma đầu vừa buồn cười vừa xót xa tội nghiệp trong các cuốn chương của Kim-Dung. Ăn mà lọt vào quân đội là cả một sự mỉa mai.

Ích thì suốt đời bị mặc cảm nên nhìn cuộc đời một cách khinh bạc. Đôi lúc bình tĩnh lại chàng thấy cái khinh bạc của mình rõ tiền. Chàng thi hoài bằng Trung-học Đệ-nhất cấp mà không đậu. Chàng xem sách để làm dáng trí thức. Nhưng Ăn lại biết cái nhược điểm của chàng. Lúc say, gã đem ra khai thác làm cho Ích giận run lên, muốn đấm vỡ mặt gã.

Căn phòng bệnh xá vừa cất xong thì đối phương nửa đêm tẩm công vào một trung đội nghĩa quân chiếm đóng. Ích được lệnh tải thương về. Chỉ có một. Nghĩa quân bị trúng miếng đạn B40 vỡ trán chết liền sau đó. Cái chết có vẻ không thích đáng. Miếng đạn sà xuống một cạnh của lỗ châu mai trong lúc đó anh nghĩa quân đang chia súng M16 nhả đạn. Với Ích, chàng đã bảy năm làm việc ở Quân-y Diên Địa nên chuyện chết chóc đối với chàng đã nhàm quá rồi. Nhưng hôm đó, Ích cảm thấy tâm hồn beo nèo suốt cả buổi. Xác người nghĩa quân được quấn một lớp vải trắng, một nhát máu đỏ tươi còn thấm ở trán, mặc dầu chàng đã lót một lớp bông trước khi quấn vải. Bốn ngọn đèn cầy cháy leo lét ở bốn góc băng ca. Người vợ, vốn là người đàn bà Bắc nhà quê, răng đen cái mả và đang có thai gần ngày sanh nở, lẩn lộn tru tréo mặc dầu giọng đã khàn đặc như sắp tắt. Trong góc lờ mờ căn phòng một con bé tóc hớt bôm bê, mắt tròn và trong sáng trông thẳng về xác chết, không nói được lời nào. Nó ôm ghì đứa em ba tuổi trong lòng như viú lấy một điềm nương tựa để khỏi bị òa vỡ trong một cảm xúc lẫn sợ hãi. Cặp mắt đó giống như cặp mắt loài chim sẻ, đánh thức cho chàng cả một tuổi thơ huyền hoặc và xao xuyến. Nó ngược nhìn chàng, vẻ sợ hãi lẫn cảm xúc tan loãng đi, nhường lại một vẻ trống rỗng, mêng mông. Rồi đó, xác chết được chở lên xe cứu thương để người vợ lo việc ma chay ở nhà. Con bé thất thểu đi từng bước rời rạc và ngẩn, bước chân con chim sẻ bị thương. Sao em không khóc trong buổi sáng hôm nay? Em phải khóc chứ, để rồi tuần sau em sẽ chạy nhảy ở nhà lồng chợ bằng những bước nhún nhảy, liếng thoảng như tôi ngày xưa. Ích suy nghĩ cử chỉ con bé suốt cả buổi trong khi đó Ân nước mắt ướt mọng, vẻ nặt nặng chình chịch. Ân mới ra trường mà. Gả chưa quen cái không khí gay gắt lảng vảng cái chết ở vùng hỏa tuyến.

Mùa mưa dầm xò lúi dần dần và quên lãng. Ích mang một tâm trạng bình yên, Chàng đoán là vào cuối năm sẽ có một niềm thao thức chồi dậy trong chàng. Đó là sự thương nhớ quê nhà. Chàng làm việc một cách trơn xuôi. Những chuyến phát thuốc cho các tháp canh hoặc những chuyến dân-sự vụ đôi lúc vất vả, nhưng sau buổi đi công tác, tắm rửa xong chàng uống một cốc dừa tươi, và ăn cơm cảm thấy ngon miệng. Mùa mưa chấm dứt. Từng cơn gió lạnh và khô chỉ thoảng nhẹ cũng đủ làm cho bụi đường cuộn cuộn bốc lên. Vào ngày thứ ba, thứ năm hoặc chúa nhật, từng chuyến trực thăng từ tỉnh đổ về. Ích, Liêm và Ân thường mong đợi những lá thư từ Saigon gửi về. Những lá thư mang những cảm xúc êm đềm có thể gọi lên những bóng dáng của thú đồ. Ân vẫn chưa quen cái khuôn khổ làm việc. Cuộc đời quân ngũ đã bày ra một bãi sinh lầy để hấn lún sâu xuống mãi. Hấn phản ứng mọi việc với một nhịp điệu lạc lỏng, ngao ngán và miễn cưỡng đôi lúc làm Liêm và chàng phải sốt ruột. Ích không muốn nhìn thấy cái tình trạng của Ân cứ bày trước mắt mình. Nó gọi lên một phần con người nhu nhược yếu đuối của mình, và chàng đâm ra miệt thị Ân. Nhưng trước vẻ mặt nguội lạnh và bất cần đời của gã, đột nhiên một khám phá mới làm cho chàng hồ thẹn. Cuộc đời dẫu có cứng rắn tới đâu, con người vô trách nhiệm, vô hậu quả như Ân cứ lao và một cách êm ái như một tên Thiết Đầu Đà trong pho kiếm hiệp nào đó lao vào tẩm đệm nhồi bông.

Ăn về Saigon cưới vợ. Gã không cho Ích lẫn Liêm biết một đôi chút gì về người hôn thê của gã. Nhưng hình Ăn không mãn nguyện. Không khí ở Trị Tâm càng thêm gay gắt. Lữ đoàn của Mỹ bị pháo kích liên miên. Công việc phát thuốc và tải thương càng nhiều. Liêm nhìn bảng quân số mà ngao ngán. Tối tối, hẳn thường lên qua bệnh xá để trò chuyện với Búp. Nàng hơi lớn tuổi, hơi gầy nhưng để tóc dài rất hợp với khuôn mặt nhạy cảm. Ích thường gặp Búp vào buổi sáng thứ hai tại sân chi khu trong lúc cử hành lễ chào quốc kỳ. Đôi mắt Búp có một vẻ bí mật nữa như xa xăm, nữa như đắm đuối. Nàng không hề dùng tới một chút mỹ phẩm. Cuộc tình duyên của Liêm, cả bộ chỉ-huy chi-khu đều biết. Nó rất tầm thường đối với bao biến động đang rình rập cái quận lỵ đìu hiu này.

Ích nghe nói chính quyền sẽ mở một cuộc di dân từ các làng xa xăm về làng 2. Trước hết, đại-đội Địa-phương-quân lập đồn tại làng 2. Doanh trại cũ sát với chi Khu sẽ làm nơi hậu cứ. Công việc xây cất chưa xong thì đối phương đã pháo kích vào. Kết quả: hai viên chuẩn-úy giữ chức trung-đội-trưởng bị thương nhẹ. Sau đó, hai binh sĩ đi thợ săn ngoài đồn để bắn chim bị địch bắn sè. Một người chết tốt, còn một người chở đi một lèo về Tổng Y-Viện Cộng-hòa. Xác kẻ bất hạnh được quàng tại phòng Văn Khang đại-đội. Ăn cũng bắt đầu làm quen với sự chết chóc xảy ra chung quanh. Bằng có à gã dám ăn hột vịt lộn ở văn phòng Văn-Khang trong khi đó mắt vẫn chăm chú nhìn cái xác quấn vải trắng.

Hôm nay, là buổi sáng chửa nhụt. Ích rồi rảnh đôi chút. Chàng sẽ giặt ủi một mớ quần áo. Xế xế, nếu mát trời chàng sẽ mặc thường phục lúi vào ấp để mò mẫm một con điếm rành nghề. Trời đẹp, cây na bên cửa sổ dành chỗ nghỉ ngơi của Nhiệm đã phủ một màn lá xanh nõn. Bể nuôi lươn và nuôi cá trong chi khu phủ một lớp bèo sỡn sỡ. Những luống cải và rau đậu như khoác thêm một cái áo mới. Nắng trong và trắng xóa. Cơn gió cuối năm khô lạnh, trườn lên đa thịt chàng một cái vuốt ròn rợn và dễ chịu. Vòi nước chảy ồn ào vào bể nước. Thau quần áo đã giặt xong. Cơn hăm hấp như loang khắp thân thể Ích. Buổi sáng vẫn còn dài. Một ngày nghỉ ngơi đem lại cho chàng một chút bông bột nhẹ nhàng. Chàng bước vào căn phòng dành riêng cho mình. Đây là một phần của kho chứa thuốc men, được ngăn biệt lập bởi những tấm giấy bồi. Chiếc poncho xám được căng làm trần. Mọi vật thật ngăn nắp từ chiếc bàn đêm đóng bằng gỗ thông đến cái tủ quần áo đóng bằng thùng sữa. Trong bóng tối mờ mờ chiếc ảnh loại carte postale của cô nhân tình như bị xóa nhòa. Tự nhiên một nỗi xúc động làm chàng cảm thấy trọn buổi sáng hôm nay, nỗi hoang vắng sẽ làm u ám tâm hồn chàng. Phải có một hình ảnh gì đây để chàng nghĩ đến một ánh đèn ấm cúng trong gia đình? Phải có một biển cố gì đó làm cho chàng tha thiết tới quê nhà? Chàng đã hăm sáu tuổi rồi, hãy còn độc thân. Sự sung sướng tự do có đôi lúc lênh loãng quá làm chàng cô

độc. Bảy năm tuổi lính có vẻ đã gạn lọc hết mọi tha thiết của tuổi trẻ, song chàng biết tự mình chưa nguôi khao khát.

Ích chợt nhớ là nhân dịp rằm chàng có đến chùa Bà xin nhằm một lá xăm loại hạ hạ. Chàng không hẳn phó thác cuộc đời vào lá xăm xấu ấy, nhưng hôm nay, tự dưng Ích nghĩ đến cái chết bỗng dưng cướp chàng đi. Chàng sẽ tan loãng một thế giới nào đó, tai còn văng vẳng nghe những tiếng gọi của mọi quá khứ, một kỷ niệm. Ích tự dưng mỉm cười: chàng định nghĩa cái chết quá sơ sài và tự cảm thấy mình chẳng có một mây rúng động với cõi huyền nhiệm tự hồi nào tới bây giờ. mặc dầu cái chết xảy ra tấp nập chung quanh.

Ích ngã xuống giường. Thật sự chàng không biết làm sao tiêu-thụ buổi sáng này. Thôi, chờ tới giờ, ăn trưa vậy.

Đức, viên hạ-sĩ làm chung với chàng từ ngoài hồi hả chạy vào phòng:

— Ích ơi! mau mặc quần phục rồi đi tải thương.

Không đợi Ích nói, hẳn hấp tấp kể:

— Chiếc xe chở vũ khí đạn dược từ chi khu vào đồn của đại-đội bị mìn rồi.

— Ai chết?

— Ba bốn nhân mạng gì đó.

Ích lồm cồm ngồi dậy. Chàng mặc vội áo quần treillis, nai nịt súng đạn rồi tất tả lên xe cứu thương. Rồi khỏi văn phòng chi-khu xao xác tiếng bàn tán, tiếng chân chạy rần rật, Ích cảm thấy dễ chịu hơn. Con đường đâm vàng ánh nắng. Những lò cao su gần sát lề đường. Xe qua một khu xóm bỏ hoang. Những bức tường bị pháo kích sứt mẻ và lở đổ dấu đạn. Những chiếc sân ngồn ngang những mảnh lu bễ và ngập tràn gạch ngói nát tan. Trong vườn, thân cây cau, cây chuối ngã rạp bên những cái mương cạn nước. Quê hương thứ hai của chàng đã hoàn toàn xa lạ với chàng rồi. Từ bao lâu, Ích đã quen mắt với cái hình ảnh trù phú và thơ mộng của nó. Bóng dáng thân mật gồm những vườn cây xanh mướt ôm lấy màu gạch đỏ của mái nhà đã hoàn toàn chuỗi khỏi tâm tưởng của chàng. Một người nhiều cảm xúc như Ân trách nào chẳng chịu hòa tâm hồn vào cảnh vật nơi đây? Ích chợt nhớ đến một ông cậu bỏ xứ ra đi từ thuở nhỏ. Lâu lâu, ông nhớ quê nhà về thăm và không tài nào thâm-thấu tâm hồn vào khung cảnh thay đổi của chỗ chôn nhau cắt rún. Và rồi ông lại ra đi...

Người nghĩa quân ngồi gần bên vọt nói:

— Đã có rà mình rồi nhưng hình như trên mình chống chiến xa, địch có lót thêm một lớp cao su nên kim của máy không xê dịch...

Gió bên tai Ích ào ào như sóng vỗ. Qua một tháp canh của Nghĩa quân. Chiếc xe rẽ về bên trái. Tự nhiên ý nghĩa lơ mờ về cái chết vỗ vào đầu óc chàng làm chàng tê tái. Ích mừng tượng hình bóng khuôn mặt già trước tuổi của mình trong gương. Mười chín tuổi chàng đã đi vào chiến cuộc. Hai mươi sáu tuổi, chàng chưa có gia đình. Tương lai đối với chàng như một sự việc nằm trong một lời sấm.

Kia, đồn của đại đội hiện lơ mờ trên thuở đất màu nâu đỏ. Chiếc xe lại quẹo một lần nữa rẽ vào con đường cát. Bỗng chàng nghe một tiếng ầm, rúng chuyển ở đầu xe. Tai chàng ù đi khi chiếc xe cứu thương lật nhào. Trước khi chìm vào cơn hôn mê dày đặc, Ích nghe đầu gối trái và quai hàm của mình nhứt buốt, lồng ngực của chàng bị một sức ép thật mạnh và giòng máu tươi mặn chát từ trong cổ trào lên... Chàng như lao vào một cái cánh cửa bện bằng bóng tối rất dày. Ích có cảm tưởng mình cố gắng xô đẩy cánh cửa đó, và nếu bất lực nó sẽ đập tan chàng thành khói, thành hơi bay và xóa nhòa chàng vĩnh viễn. Ích vùng vẫy mãi đến lâu lắm, nhưng chàng không một quan-niệm thời gian rõ rệt.

Nhưng rồi cánh cửa bóng tối bật ra. Ích thấy mình lọt vào một sân lúa mênh mông, thắm vàng ánh nắng xuân ấm áp. Trên sân lúa, từng vết chân chim sế đầm máu khô đặc rải đều rồi biến mất trong biển nắng. Cùng một lúc, hình ảnh thời niên thiếu hiện lên tuần tự và thay đổi rất mau. Chàng không tài nào bắt lại từng chi tiết thật rõ ràng, mạch lạc. Ích cảm thấy mình bơ vơ khủng khiếp. Chàng kêu gọi tên từ người thân, tên từ người quen. Không ai trả lời chàng cả. Chàng thấy mình tan dần vào cơn nắng chan chan và nhập vào một khối trống rỗng, câm nín.

HỒ TRƯỜNG AN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 9.741 - 9.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Tìm đọc sách SÁNG TẠO mới cho phát hành :

TUỔI NGỌC MÂY MÙ

tập truyện ngắn của CHÂU-MỸ-QUẾ

Tuổi ngọc mây mù! Tuổi ngọc mây mù! Trên mình mầy đất đất nước nhàu nát vì thương tích chiến tranh này tuổi nào mà chẳng mây mù! xin hãy đi vào tuổi mà mây mù để thấy hết niềm đau của tuổi trẻ hôm nay.

MỚI TÁI BẢN

Bộ sử Việt-Nam đầy đủ nhất hiện nay

PHẠM-VĂN-SƠN

VIỆT SỬ TÂN BIÊN

THƯỢNG CỔ VÀ TRUNG CỔ THỜI ĐẠI

Bán tại : Nhà sách KHAI-TRÍ 62 Lê-Lợi Saigon

Tìm đọc :

ÁNH LỬA ĐÊM TÙ

* Một tác phẩm đặc sắc, chan chứa tình người, viết về cuộc sống những kẻ bất hạnh trong một xã hội vừa tàn bạo, vừa bao dung.

* Một tác phẩm khốc liệt mà người đọc sẽ phải thương tâm và phẫn nộ ở từng trang, từng dòng.

HỒNG ĐỨC xuất bản

CA DAO đã phát hành

— Những tiếng kêu lớn của chủ-nghĩa Nhân-bản hiện đại của André Niel. Mạnh-Tường dịch, sắp phát hành.

Sắp phát hành :

— Đôi bạn chân tình của Hermann Hesse, Vũ đình Lưu dịch.

— Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu của Alan Paton. Nguyễn Hiến Lê dịch.

BNP

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

Thời-sự thế-giới

● THẾ-NHÂN

Trong hai tuần qua, những biến chuyển của thế giới cho ta thấy Hoa-kỳ, dưới sự lãnh đạo của Tổng-thống Nixon, đã tỏ ra hết sức hòa hoãn trong chính sách đối ngoại. Hoa-kỳ đã tỏ ra nóng lòng muốn chấm dứt chiến tranh trong năm 1969 và đồng thời tránh mọi phản-ứng quá khích mặc dầu một phi-cơ thám thính và phi-hành-đoàn gồm 29 người bị Bắc-Cao bắn hạ ngoài không phận quốc-tế. Tại Âu-châu, trong khi Nga đưa Gustav Husak ra đề áp dụng một chính sách nghiêm khắc hơn đối với nhân dân Tiệp thì Tổng-thống De Gaulle lại tuyên bố từ chức vì dân Pháp đã không tán thành trong cuộc trưng cầu dân ý lần thứ 5 của ông. Sau 4 lần được bỏ phiếu tín nhiệm, đây là lần đầu tiên De Gaulle bị từ chối. Tại Á châu, ông hoàng Sihanouk vừa thâu được một thắng lợi ngoại-giao khi được Mỹ công nhận và tôn trọng « biên giới hiện tại » trong khi đó hai nước láng giềng với Cam-bốt là Thái-Lan và Việt-nam Cộng-hòa thì lại chưa tỏ thái độ rõ rệt.

Pháp : Tổng thống De Gaulle từ chức

Ngày 28-4 vừa qua, sau khi kết quả một trưng cầu dân ý thứ 5 của De Gaulle được công bố, Tổng-thống De Gaulle đã chính thức từ chức. 52% của tổng số 29 triệu cử-tri đã không tán thành những dự thảo sửa đổi Hiến-pháp của ông. Một ngày trước khi trưng-cầu dân-ý, De Gaulle đã kêu gọi

dân chúng tán thành các dự-luật cải-cách. Nếu không, ông sẽ coi đó là một hình thức bỏ phiếu bất-tín-nhiệm và sẽ nhất quyết từ chức. Sau cuộc trưng cầu dân ý, Tổng-thống De Gaulle đã giữ lời hứa. Thế là chấm dứt một thời đại trong lịch sử chính-trị của Pháp. Trong khi chờ đợi một cuộc bầu cử Tổng-thống mới, chủ tịch Thượng-viện Pháp sẽ giữ chấp quyền hành tạm thời.

Suốt trong 11 năm chấp chính, mỗi khi tình hình bất ổn, De Gaulle đã dùng đến hình thức trưng cầu dân-ý để thăm dò sự ủng hộ của dân Pháp đối với chính cá nhân ông. Trong 4 lần trước, De Gaulle cũng đã dọa sẽ từ chức nếu dân Pháp không chấp thuận. Và cả 4 lần đó, dân Pháp vì sợ thay đổi e ngại tình hình rối loạn, đã nhắm mắt tán thành các dự luật của De Gaulle. Nhưng lần này có lẽ De Gaulle đã đi quá xa. Ông bắt dân Pháp phải trả lời độc một chữ « có » hay « không » chấp nhận một bản dự-luật mà thực ra gồm 3 vấn-đề khác hẳn nhau.

Bản dự luật gồm 68 khoản, dài 8000 chữ và dày đúng 14 trang mà thực ra không có mấy người đã đọc hết chứ đừng nói là hiểu. Trong đó có ba điều chính. Điều thứ nhất là dự-luật tẩn quyền hành chánh khiến cho Trung-ương giảm bớt quyền và quyền, chủ-động sẽ giao cho địa-phương bằng cách chia nước Pháp thành 21 miền kinh-tế. Đây là

một cải-tổ rất hợp thời và rất hay. Nếu thành công sẽ chấm dứt nạn hành-chánh tập quyền quá nặng nề hiện nay của Pháp. Điều thứ hai sẽ giảm bớt quyền lập-pháp và giám sát của Thượng-viện Pháp, khiến cho Thượng-viện thành một cơ-quan tư-vấn không có chút quyền-hạn gì cả. Sau hết, điều thứ ba định rằng Chủ-tịch Thượng-viện sẽ không có quyền làm Quốc-trưởng lâm thời khi Tổng-thống bất ngờ chết hoặc trở nên bất lực. Trái lại Thủ-tướng sẽ là người kế-vị. Nếu điều này được chấp thuận thì đương nhiên Tổng-thống De Gaulle có quyền chọn người kế-vị vì trong Hiến-pháp hiện thời, Thủ-tướng là người do Tổng-thống chỉ-định.

Phản-ứng đầu tiên của phe đối-lập và giới tri-thức Pháp là phản đối kịch liệt. Họ cho De Gaulle là hàm hồ, cuộc Trưng-cầu dân-ý là bất hợp-hiến. Có nhiều người cho rằng De Gaulle đã đưa ra điều thứ hai để « chơi » Thượng-viện từ xưa đến nay chỉ « phá » De Gaulle. Nhưng phần lớn dân chúng đều tỏ vẻ thờ ơ với cuộc Trưng-cầu dân-ý. Trong cuộc thăm dò ý-kiến trước ngày bỏ phiếu, 52% dân Pháp tỏ vẻ không quan tâm gì cả, 48% còn lại thì một nửa tán thành một nửa không tán thành. Để chắc ăn, phe De Gaulle đã cò động rầm rộ để hô hào dân Pháp tán thành. Chính phủ hứa hẹn mọi điều từ giảm thuế cho tới rút ngắn thời hạn quân-dịch từ 16 tháng xuống một năm. Trong khi đó, Bộ Nội-vụ phát hành 29 triệu cuốn cẩm-nang giải-thích cặn kẽ những điều đem ra Trưng-cầu ý-kiến. Mặc dầu những cố gắng đó đa số dân Pháp vẫn lắc đầu trong cuộc trưng-cầu dân-ý.

Như một đàn con nhường nhịn những sự làm cầm của cha già khả kính, dân Pháp quyết định đã đến lúc vị đệ nhất công thần của họ cần được về hưởng thú điền-viên tuế nguyệt sau cả một cuộc đời tận tụy cho sự tồn vong của nước Pháp.

Tiếp-khắc : triều-đại Dubcek chấm dứt.

Sau bao nhiêu tuần lễ sống trong lo âu, bất ổn, cái điều mà dân Tiệp-khắc e sợ đã đến. Trong một bài diễn văn truyền thanh và truyền hình, Tổng thống Tiệp Ludvik Svoboda, bằng một giọng xúc động, đã tuyên bố chức Đệ nhất Bí-thư đảng Cộng-sản Tiệp đã được Alexandre Dubcek nhường lại cho Gustav Husak. Đối với dân Tiệp, thế là chấm dứt một thời gian ngắn ngủi được sống thoải mái dễ chịu trong bầu không khí tự do dân chủ. Trong thời gian đó Dubcek đã biến nước Tiệp của 20 năm đàn áp ngọt ngào của triều đại Stalin, thành một nước cộng sản duy nhất trong đó người dân thực-sự có quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận và tự do xuất ngoại. Dưới thời Dubcek các khuynh-hướng nghệ thuật và chính-trị đã đua nhau phát-triển và toàn thể dân chúng Tiệp đã sống tràn trề trong hy vọng. Bầu không khí khoáng đạt và cởi mở đó vô tình đã là mối đe dọa lớn cho khối Cộng-sản Đông-Âu. Các lãnh-tụ Cộng sản Đông-Âu sợ rằng dân Tiệp sẽ là cái « gương xấu » cho dân họ theo để đứng dậy đòi hỏi những cuộc cải-cách tương-tự. Vì vậy, Hồng quân và chiến-xa Nga đã được dùng để loại bỏ tấm gương xấu đó.

Sự hạ bệ Dubcek quả thực là một

điều bí hiểm cho nhân dân Tiệp. Nhưng sau khi tin này được loan ra, phản ứng của dân Tiệp đã yếu ớt một cách không ngờ. Tại thủ đô Prague, cảnh sát và quân đội đã tăng cường bố phòng và tuần tiễu sẵn sàng dẹp các cuộc biểu tình và nổi loạn. Nhưng không có một vụ lộn sộn nào xảy ra cả. Phần vì chán chường tuyệt vọng, phần vì sợ Nga dùng võ lực đàn áp, dân Tiệp đã nhẫn nhục nhận lấy sự thay đổi miễn cưỡng đó.

Ngay cả Chủ-tịch đoàn gồm 21 người phần lớn là tay chân của Dubcek cũng được thay thế bằng những nhân vật gọi là có óc thực-tế, có thể có khuynh hướng tự do nhưng cũng lại nhận thấy rằng việc hợp tác với quan thầy Nga là một điều cần thiết cho sự sống còn của Tiệp-khắc. Người thay thế Dubcek Gustave Husak, cũng là một trong số những người có óc thực tế đó. Trong bài diễn văn đọc trước Ủy-ban Chấp-hành Trung-ương, Gustav Husak nói : «Rất có thể tôi là kẻ tiêu-diệt tự do. Nhưng chúng ta không thể tiến xa được với chính sách mị-dân hiện nay. Chúng ta phải quyết tâm tranh đấu để tìm ra những giải - pháp cho các vấn đề mà ta cần giải quyết. Hiên nhiên, vấn-đề trọng đại nhất mà Husak cũng như dân Tiệp cần phải giải quyết là việc sống chung với Nga-sô đàn anh vĩ đại.

Việc đầu tiên Husak cần phải làm sẽ là làm sao giới-hạn bớt sự can thiệp bằng võ-lực của quân Nga-sô nội-bộ Tiệp-khắc để bớt xáo trộn, đổ máu và để mong rằng một ngày kia Nga có thể yên tâm rút quân ra khỏi Tiệp. Để lấy lòng Nga, Husak đã lớn tiếng đả phá chính sách của Dubcek là «phản cách mạng», «phản động» «phản tiến hóa»

Tuy nhiên, người ta cho rằng Husak sẽ không đưa Tiệp-khắc trở lại con đường tầm tối của thời đại Stalin. Bởi vì chính ông đã là một nạn nhân cuộc thanh trừng của Stalin và đã ngồi tù 9 năm, từ 1951 đến 1960. Sau đó, khi Dubcek lên cầm quyền, ông đã được chính Dubcek cử làm Phó thủ tướng và đã là người đứng hàng đầu trong phong trào cải-tổ của Dubcek.

Cam-bốt : Hoa-kỳ công-nhận biên-giới hiện-tại của Cam-bốt.

Chính sách đối-ngoại nước đôi của ông hoàng Sihanouk đã thâu hoạch cho Cam-bốt một thành công ngoại-giao đáng kể. Từ mấy năm qua, Cam-bốt đã cắt đứt liên lạc ngoại giao với Hoa-kỳ và luôn luôn làm khó dễ Hoa - kỳ cùng Việt-Nam về các vụ mà Cam-bốt cho là vi-phạm biên-giới. Tuy nhiên, cũng có lúc Sihanouk đã lại ve vãn Hoa-kỳ như mời bà Kennedy viếng thăm-thả tù binh Mỹ, hoặc lại lên tiếng tố cáo Bắc-Việt và Việt-Cộng lợi dụng lãnh thổ Cam-bốt làm nơi tập trung và dưỡng quân. Trong suốt thời gian đó, Sihanouk luôn luôn đòi Mỹ phải công nhận biên-giới hiện tại của Cam-bốt. Điều này chính phủ Jhonson đã khước từ nhưng khi Nixon lên cầm quyền, Mỹ đã gửi điệp-văn cam-kết công nhận và tôn trọng «sự toàn vẹn lãnh-thổ của Vương-quốc Cam-bốt trong ranh giới hiện tại». Ngay sau đó Cam - bốt tuyên bố sẽ lập lại liên lạc ngoại giao với Hoa-kỳ.

Tại Saigon, phản ứng của VNCH vẫn chưa rõ rệt. Khi được hỏi VNCH có nghĩ đến việc lập lại quan hệ ngoại-giao với Cam bốt không, thì Ngoại-trưởng Trần-chánh-Thành không trả lời thẳng

vào câu hỏi mà lại chỉ nói một cách bóng gió là có thể có mà cũng có thể không. Tuy nhiên, người ta cũng tự hỏi « biên giới hiện tại » là biên giới nào, vì hiện nay vẫn chưa có một văn-kiến quốc-tế nào định rõ biên giới chính thức của hai quốc gia cả.

Hoa-kỳ : lại một vụ Pueblo nữa.

Vụ Pueblo thứ nhất vừa tạm xong thì lại đến vụ chiếc máy bay thám thính EC-121 của Mỹ bị máy bay Mig của Bắc Hàn bắn tan ra từng mảnh ở ngoài không phận quốc tế, phi hành đoàn và nhân viên không một ai sống sót. Thế là chưa đầy 100 ngày nhậm chức, Tổng thống Nixon đã phải đối diện một cuộc khủng hoảng ngoại giao khá quan trọng. Điều làm cho người ta ngạc nhiên là không hiểu tại sao sau vụ Pueblo, Mỹ có thể tiếp tục thực hiện các phi vụ như của chiếc EC-121 mà lại không có máy bay hộ-vệ. Nhưng điều ngạc nhiên hơn cả là phản ứng của chính-phủ Nixon và nhân-dân Mỹ đối với một biến-cố phương-hại tới danh-dự và uy-tín của Hoa-kỳ. Ba ngày sau khi máy bay bị hạ, Tổng-thống Nixon mới bày tỏ lập-trường của ông trong một cuộc họp báo mà các quan-sát-viên cho rằng ông đã tỏ ra lúng túng, mất tự tin. Phản ứng của Hoa-kỳ là không làm gì cả, không trả đũa bằng quân-sự mà chỉ phản-đối nhẹ tại một cuộc họp của Ủy-ban định chiến tại Bàn-môn-điểm do Bắc-Cao triệu tập.

Thật là điều mỉa mai, khi chính Nixon, lúc đang tranh-cử, đã tuyên-bố về vụ Pueblo « ngay cả một cường

quốc hạng tư » như Bắc-Hàn cũng không còn nể nang gì Hoa-kỳ nữa. Lúc đó ông nói tiếp : « Tôi mà làm Tổng-thống thì sẽ không thể nào xảy ra một Pueblo nữa trong vòng bốn năm tới. Vậy mà, chưa đầy 4 tháng sau khi nhậm chức, « vụ Pueblo » đã xảy ra và Nixon cũng phản-ứng chẳng khác gì Johnson. Thế mới biết lúc tranh-cử đã kích nhau bừa bãi là một chuyện, nhưng khi vào trong cuộc thì lại là chuyện khác. Có người cho rằng phản ứng của Mỹ vô tình đã chứng-minh cho ý-kiến của Mao-trạch Đông cho Mỹ là con hổ giấy. Nhưng thực ra, quả thật là Mỹ ở vào thế kẹt. Nếu phản đối ra trước Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc thì thế nào cũng bị Nga dùng quyền phủ-quyết bác bỏ. Nếu trả đũa có giới hạn như phong-tỏa bờ biển Bắc-Hàn hay oanh tạc căn cứ không quân Bắc-Hàn thì lại sợ gây ra một cuộc chiến tranh nữa. Hoặc ít ra làm như vậy cũng khiến Nga bất b'nh mà không cộng tác trong việc giải-quyết vấn-đề chiến tranh Việt-nam. Đó là điều mà Mỹ cố tránh.

Cả hai vụ Pueblo và EC 121 đều cho ta thấy rằng võ-khí hạch-tâm càng ngày lại càng làm cho các đại cường-quốc trở nên bất lực đối với các tiểu-nhược-quốc. Các đại cường quốc đều có khả năng tàn phá bất cứ một nước nào nhưng lại không dám sử dụng khả năng đó, trừ phi sự sống còn của nước này bị trực tiếp đe dọa. Bởi vậy, đối với những vụ « châu chấu đá voi », các cường quốc chỉ còn cách là cư-xử bất quá như một bà già la mẩy đũa trẻ tinh nghịch mà thôi.

THẾ NHÂN

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Dăm ba tác phẩm

Trong các sách xuất bản mấy tháng gần đây, hãy lượm lặt dăm ba nhan đề không thể bỏ qua :

● *Sur Marcuse* của Jean-Michel Palmier. Đây là một tác giả trẻ, một triết gia mào non, đã từng nghiên cứu về Heidegger trong cuốn *Les écrits politiques de Heidegger*.

● *Lénine et la philosophie* của Louis Althusser, một nhà triết học của phái cơ-cấu-luận, có khuynh hướng Mác-xít.

● *D'une sainte famille à l'autre* của Raymond Aron. Tác giả phê bình cả thứ Mác-xít của Sartre và cả khuynh hướng Mác-xít của Althusser. Bởi vậy đã đọc cuốn *Lénine et la philosophie* tưởng không nên bỏ qua *D'une sainte famille à l'autre*.

Sau cùng, lại có cuốn này càng không thể bỏ qua : ấy là cuốn *Le verbe aimer* của Claude Roy. Những động từ khác muốn chia hay không mặc kệ; động từ *aimer* : bỏ qua rất uổng.

Một số đặc san

Tờ *La Nef* vừa ra một số đặc biệt về vấn đề Cộng-sản. Cộng-sản bây giờ là cả một chuyện phức tạp. Về lý thuyết nó không còn là một lý thuyết mà là nhiều quan niệm mâu thuẫn nhau. Về tổ chức, nó không còn là một khối thống nhất và năm mươi phe cánh xung đột nhau. Về thực hiện, nó có nhiều hình thức khác biệt nhau : cộng sản kiểu Cuba, kiểu Tito, kiểu Trung cộng, kiểu Nga-xô v.v.

Bao quát tất cả sự rối rắm ấy, trình bày một-biểu-nhất làm cho sáng sủa, cho khách quan, cho cập nhật... là chuyện hữu ích và hợp thời. « Tri kỷ, tri bỉ » cả hai đều cần thiết. Muốn 'tri bỉ', chúng ta nên lưu ý tới tờ *Nef* này.

Thân xác một nữ sĩ

Cuốn tiểu thuyết mới nhất của Dominique Rolin mang một nhan đề rất kêu gọi : *Le corps*. Nếu một nhà văn cỡ F. Mauriac tung ra một nhan đề như thế có lẽ không mấy ai tò mò, nhưng một tác giả nữ phái mà trình bày về thân xác thì tha hồ thu hút.

Trong lúc ấy José Cabanis cho ra cuốn cuối cùng của một bộ trường-thiên tiểu thuyết, cuốn *Des jardins en Espagne*.

Uy-tín của một nhà văn lão thành.

F. Mauriac tung thân xác ra không ăn khách, nhưng tác phẩm của ông, kể cả tiểu thuyết, vẫn còn được hoan nghênh. *Un adolescent d'autrefois* đầu tháng 4-1969 lại vọt lên hạng nhất trong các sách bán chạy. Không biết rồi ông cụ sẽ dẫn đầu được bao lâu.

Một phương thức mới trong ngành xuất bản.

Trong các hiệu sách ở Sài Gòn gần đây đã có loại sách « Edition Spéciale ». Bắt đầu từ tháng 7 1968 cho tới nay sách « Edition Spéciale » ra được 14 cuốn.

Đây là một thứ sách quả thật đặc biệt. Các người chủ trương, Jacques

Lanzmann và Jean Claude Laltis, họ đặt ra một vài nguyên tắc và vài phương pháp làm việc mới. Chẳng hạn họ bám sát thời sự : một việc quan trọng nào đó xảy ra (chiến tranh Trung-Đông, biến loạn ở Prague v.v...) họ chớp lấy ngay cơ hội để khai thác, họ không được phép để biến cố trôi qua quá một tháng. Và khi đã khai thác thì từ khi soạn tác phẩm cho đến ngày tác phẩm bày ở hiệu sách cũng không được lâu quá một tháng. Tóm lại, khẩu hiệu của họ là cấp tốc, thật cấp tốc.

Phương pháp biên soạn của họ là phương pháp tập thể : một nhóm ký giả cùng nhau vây lấy biến cố, ghi chép, ghi âm..., đem về đúc kết thành một hồ-sơ.

Từ tháng 7-68 đến nay, sáng kiến này còn ở trong vòng thí nghiệm. Tuy nhiên nó đã ghi được những thành tích phần khởi : *Les murailles d'Israël* của Jean Larréguay được 100.000 cuốn.

Ngàn ngày ở Bắc-kinh.

Phương thức làm việc của «Extion Spéciale» có thể áp dụng ở Trung-Đông, ở Paris, ở Prague... không chắc chắn không thể mang qua Trung-công được. Rắn rần rộ rộ đem cả một đoàn ký-giả qua, bạ gì ghi nấy bạ gì chép nấy, cái đó bất khả.

Ở đây không rần rộ được, không cấp tốc được.

Muốn biết ít nhiều sự thiệt về cuộc Cách mạng văn-hóa của Tàu, Maurice Ciantar đã qua ở Bắc-kinh ba năm, đã âm thầm quan sát lên lút ghi chép, bí mật chuyển đi, rồi cuộc, ông vừa cho ấn-hành tác-phẩm dày 468 trang, cuốn

Mille jours à Pékin.

Công phu kihu nhẫn khắc khổ ấy tiết lộ những sự thực năn lòng.

Môn thể thao của nhà báo.

Từ ngày quân Nga chiếm đóng Tiệp, các báo Tiệp nhiều phen bị đóng cửa đi đóng cửa lại. Vừa rồi, sau vụ dân chúng Tiệp đập phá cơ quan Hàng không Nga, xé cờ Nga v.v... Các báo *Politika, Listy, Reporter* lại bị tịch thu, đóng cửa tạm.

Một trong các ông chủ bút nói : «Họ cấm chúng tôi hôm nay, ngày mai chúng tôi lại ra... Đã tám tháng nay, chúng tôi với họ làm như mèo vờn chuột. Trò ấy thành ra một môn thể thao quốc gia. Nhưng họ không làm gì được chúng tôi, bởi vì chúng tôi là hình ảnh của dân tộc.»

Coi chừng ! Nhà thể thao hơi quá lạc quan đó nhé.

TRANG THIÊN

IV-1969

CÁO LỖI

Vì gặp nhiều trở ngại trong việc ấn loát nên đến phút chót, bài thơ của nhà thơ Vũ-Hoàng-Chương, bài «Dục tính trong Nghệ thuật mới» và một số bài dự định cho đăng vào kỳ này đã phải gác lại dành cho kỳ tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý văn-hữu trên đây và quý vị độc giả.

Tòa soạn BÁCH-KHOA THỜI ĐẠI

CONAN

CHUYÊN TRỊ CẢM CÚM,
NHỨC RẶNG, NHỨC
ĐẦU, NHỨC BẮP THỊT,

NHỨC KHỚP XƯƠNG, PHONG THẤP.

PHÂN ƯU

Được tin THÂN PHỤ thầy TỪ MẮN tu-sĩ chủ trương n^hà xuất bản Lá Bối, đã thất lạc tại Thủ Thiêm Saigon,

Xin trân trọng chia buồn cùng Thầy Từ Mẫn và thành kính chúc hương hồn Cụ sớm tiêu diêu nơi Miền Cực Lạc.

LÊ NGỘ CHÂU, NGUYỄN NGU Í, VÕ PHIẾN, NGUYỄN HIẾN LÊ.

PHÂN ƯU

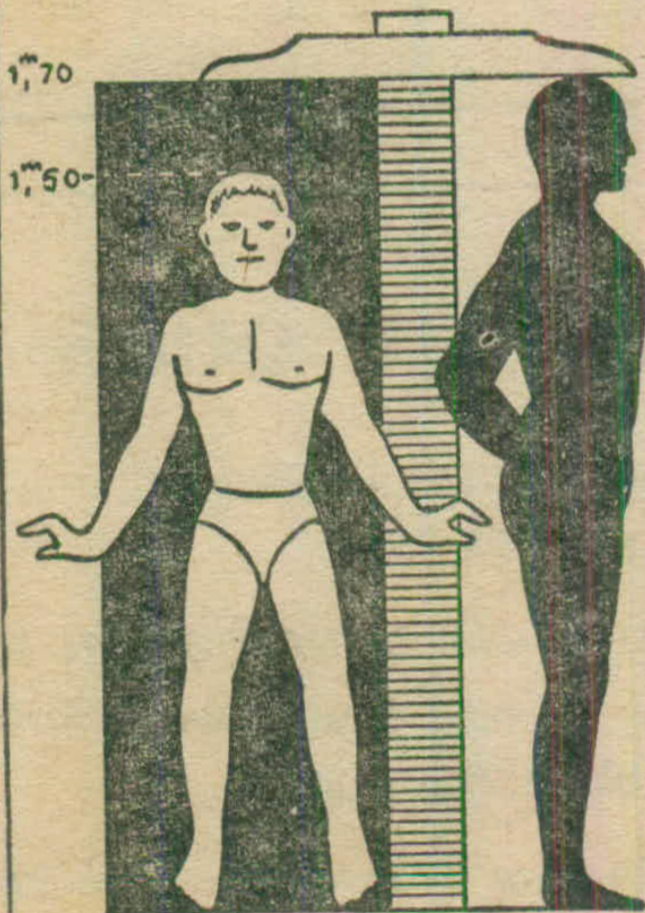
Được tin THÂN PHỤ nhà thơ LƯƠNG - TRỌNG - MINH đã thất lạc ngày 13-4-69 tại Đà Nẵng, hưởng thọ 82 tuổi,

Xin trân trọng chia buồn cùng anh Lương-Trọng-Minh và thành kính và cầu chúc hương hồn cụ sớm tiêu diêu nơi miền cực lạc

LÊ NGỘ CHÂU và NGUYỄN HỮU NGU.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

CAPSTAN

MEDIUM



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn chổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

TỰ THIÊU, xét về giá trị

và ý nghĩa chiến thuật chính-trị

(Tiếp theo trang 10)

về tín ngưỡng, nhưng với một cảnh khó khăn, gian khổ, sẽ gây xúc động cho những người anh em đồng đạo khắp nơi, trong nước, các vùng tương đối dễ thở hơn.

Chính quyền họ Ngô, ban đầu, quả thực không ngờ đến điều đó. Xã-hội đô-thị Miền Nam hưởng chút bản chất phát triển của Tây phương — phức tạp hơn, với một truyền thống lạnh nhạt, bất hợp tác của một xứ thuộc địa — nên dung chứa những khối, những tập đoàn sống riêng rẽ, cách biệt, thường được hiểu là dấu hiệu của tự do. Phật-giáo hưởng được điều kiện thuận tiện tương đối của chính sách bỏ lửng của chính quyền đối với mình đó mà thu phục tín đồ, xây cất chùa chiền, đào tạo cán bộ hòa nhịp với sự hồi phục Phật-giáo Đông-nam-Á khi thực - dân chịu lui bước, lần lượt trả độc lập cho các nước trong vùng. Nhưng gọi là bỏ lửng cũng có nghĩa là có một giới hạn đặt ra khi sự mở rộng đi đến mức độ gây ra va chạm, cạnh tranh với những lực lượng khác đang phát triển. Va chạm xảy ra tùy theo từng địa-phương mà có hay không, sớm hay muộn, dưới hình thức này hay hình thức khác. Ở Nam phần, nội chiến 1954-56 lại giải tỏa vấn đề xung đột tôn giáo: đối với chính quyền, thắng lợi quân sự trước quân đội các Giáo phái khiến họ e dè phản ứng quần chúng nên phải có chính sách mua chuộc, nương tay, mặt khác các giáo-phái thua trận hẳn rõ là lui về nắm vững tổ-chức tôn

giáo có lợi hơn — ai không bằng lòng đường lối này thì đã có các đội quân du kích thu nhận.

Xung đột còn lại xảy ra ở 2 vùng Miền Trung. Vùng Liên-khu 5 cũ, như đã nói, thật là thuận lợi cho Công-giáo. Đám quần chúng ở đây mang mặc cảm dân của Cộng-sản, sợ hãi trong cái thế bị bỏ rơi — dù cán bộ có hứa “2 năm nữa sẽ về” ! — nên phải đi tìm che chở nơi thế-lực mà sự tiếp xúc thực tế hàng ngày cho họ nhận thấy là của chính quyền mới. Một số cũng muốn đi tìm tổ chức, nhảy sang Phật-giáo. Quần chúng ở vào cái thế phải sắp-hàng thì dù có nhiều — đó là các cảm tình viên Cộng-sản, các đảng viên thành phần trung, phú nông, địa chủ bị Cộng-sản bỏ rơi, dân liên hệ tập kết — nhưng tham vọng « vớt người trầm luân » hay « cứu rỗi » lại quá lớn nên phải có tranh giành. Thắng lợi tất nhiên về kẻ cầm quyền. Phong trào « tổ cộng » qua, chính sách « dinh điền » đến, thắng lợi một chiều càng có bề lớn mạnh hơn (1) Tình thế có khác đối với miền gần đường phân giới có Huế là trung tâm. Dưới mắt đám quần chúng Phật-giáo đông và thuần nhất như ở đây (2),

(1) Cuộc tranh đấu .. sđd, trang 299.

(2) Tính chất thuần nhất này giải thích bởi duyên cớ lịch sử (vùng kinh đô cũ) và văn tổ lộ qua những sự kiện trong hiện tại: vùng của các cuộc chống đối liên miên từ 1963, vùng mà khối Việt-nam Quốc - tự không tìm ra được một đại biểu nào đề dự Hội nghị Toàn quốc của họ tổ chức (1968). Ngoài ảnh hưởng giáo lý, địa điểm phát xuất của cuộc rối loạn khiến ta thấy phong trào Phật-giáo có một khía cạnh bảo thủ rõ rệt (quan niệm về hành động của bà Nhu, những kêu gào về đường lối dân tộc...)

việc Tô g Gám-mục Ngô đình-Thụ làm lễ dâng hiến Việt-Nam cho La-mã là một hành động chiếm-hữu bất-hợp-pháp. Quần chúng chịu đựng đã lâu, nhưng lớp trí-thức mới ở Đại-học Huế vừa thành lập chỉ mới thấy bằng chứng từ đầu 1963 (1) Rồi cũng giống như ngày xưa, kẻ đưa đá n dân lưu đày ra khỏi xứ Ai-ập không phải là một tên nô lệ Do-thái đang bị hành hạ cực khổ mà là một người đồng-chúng nhờ may mắn được hưởng số phận cao sang trong cuag một sớm thấy dân tộc bị áp bức nên có phản ứng mạnh mẽ và lớn rộng, đám sinh viên Phật-tử Huế — và sau này, đám Phật-đo di cư Phật-giáo thành phố — sẽ nuôi dưỡng cảm hờn bằng những đau khổ của người đồng đạo khắp nơi để giết nhau đứng lên chống đối. Năm ngay trong các vùng xung đột, tăng-sĩ cũng bị quân chúng Phật-tử được thấy trên mắt những đau thương do các vụ áp bức gây ra sẽ phải uất nhiều hơn, tham với mặc cảm địa phương cô lập, họ có nhiều hành vi quyết liệt hơn (2).

Vậy dịp biến-động ngày Phật-đản Huế 1963 chỉ là tột đỉnh của những u thuận có từ trước mà sự tham gia của quần chúng lần này được đông đảo xung đột bùng ra ở một vấn đề cụ thể, dễ gây kích động, đập vào mắt mọi người nhất: vụ tranh chấp quanh Phật lá cờ. Vụ « Pháp nạn 1963 » cũng liên quan với sự chờ đợi của tình thế.

Khả năng độc tài của nhà Ngô chỉ đủ đem lại một mớ chiến thắng quân sự trên các đảng phái (vụ Ba-lòng) mà hông bịt miệng được các nhóm đối lập mà để phòng trước được mâu thuẫn hống đối phát sinh ngay từ cơ-cấu của họ lên cầm quyền: quân đội. Không quần chúng, các chính-trị-gia chỉ có thể đưa ra những kiến-nghị một cách vui vẻ (vụ Caravelle), hay xúi dục làm ầu, làm liều (vụ đảo chính 1960, vụ ném bom Dinh Độc lập 1962). Cho nên họ thật vui mừng khi Phật-giáo đem quần chúng lại cho họ có cơ hội lật đổ chính

quyền (3). Vai trò các đảng phái di cư lại nổi bật lên (4). Có điều, bị giới

(1). — Cuộc tranh đấu .. tranh 34, 35

(2). — Hình như hầu hết các tăng sĩ tự thiêu đều là người Miền Trung. Không kể Thích-quảng-Đức phức tạp hơn, ta thấy Thích Nguyên-Hương ở Bình thuận, ni cô Diệu-Quang ở Khánh hòa, Thích-Thiền-Mỹ người Bình-Định (thiêu ở nhà thờ Đức bà tu ở Đà-lạt), Thích thanh Tuệ, Thích tiêu Diêu đều là người Thừa-Thiên.

Trước đó, sau vụ Đài phát thanh Huế, một phái đoàn Phật giáo ở Saigon đã thỏa thuận ngay với chính quyền trong khi Huế với một thành phần phái đoàn khác bị bác lại.

(3) — Rõ ràng là chính quyền cũng hiểu điều đó nên trong chừng ngày sôi bỏng nhất đã quyết định đem ra xử vụ Caravelle và đưa Nguyễn tường Tam ra tòa. Và những người chống đối được dịp lộ ý định lợi dụng phong trào Phật giáo khi họ cố ý tổ chức đám táng Nhất linh theo nghi lễ Phật giáo rình rang để kích động quần chúng.

(4). — Sự kiện đảng phái thật là phức tạp, nhưng phân tích kỹ cũng thấy được một ít điểm chính. Các đảng phái ở Miền Nam vì dính líu tới giáo-phái nên phải tan rã theo (trường hợp Dân xã đảng, Phục quốc hội), đảng thiểu số thì phải đầu hàng chính quyền để phát triển (đảng Xã hội). Các đảng phái Miền Trung — hay đúng hơn các thành phần độc lập của đảng phái Miền Trung thì còn có một ít quần chúng nên mới đủ sức chống đối để gây thất bại Ba Lòng. Chỉ riêng các thành phần di cư — vốn một thời là đảng bộ Trung ương — không có quần chúng (quần chúng di cư có thể nói là của tôn giáo) nên bị các thành phần địa phương khinh rẻ nên lung túng trong sự tìm cách khế-hợp với địa phương. Nhưng đó cũng là điều may mắn khiến họ khỏi bị đàn áp đến mức độ bỏ xứ hay ngồi tù mà còn nương vào lợi thế di cư để hoạt động tương đối tự do — làm công chức hành nghề tự do — và chờ đợi khi có dịp.

Nên kể thêm sự bất mãn nơi đám trí thức nhỏ bực trung do thị trường thôn quê thu hẹp vì, hoạt động dư kích khiến người tốt nghiệp không có chỗ bỏ nhiệm, người phá ngang dồn về chỗ làm ở các thành thị — nhất là các trường tư — dựa vào một ít chứng chỉ Đại-học xua đuổi các người của lớp trước bằng cấp thấp hơn. (Hãy nhớ vụ tranh chấp về giá trị bằng cấp hồi 1961, 62 và rõ ràng nhất là tranh chấp quanh việc đề cho người không có bằng Tú-tài vẫn vào học được ở các trường Đại học Văn khoa, Luật khoa).

hạn bởi cuộc « vận động tôn giáo » của Phật-giáo nên họ phải nép mình trong khuôn khổ chỉ đạo của các tăng-sĩ, mang bản sắc mới lạ cho phong trào chống đối và gây lúng túng cho nhà đương trách : đề-kháng bất-bạo-động có quần chúng sẵn sàng bạo động.

Tư tưởng chỉ đạo vẫn là tinh thần « nhân » và « vô úy » của giáo lý nhà Phật, thể-hiện trong các câu chuyện Tiền thân Phật và trong các câu trả lời của A-nan-đà cho tôn sư của mình :

— « Nếu con đến một chỗ truyền Đạo mà dân chúng dữ dằn thì con vẫn thấy yêu họ vì họ không đụng chạm tới con... Nếu họ chửi bới nhục mạ thì con vẫn miễn vì họ không giết con... Nếu con bị đánh đập rồi bị giết chết thì con vẫn cảm ơn họ vì họ đã giải thoát dùm con khỏi tấm thân nhơ bẩn này »

Áp dụng ở Việt-nam, các người lãnh đạo phong trào còn có ý muốn mở một đường lối đấu tranh mới cho nhân loại vượt qua cái bế-tắc trong cuộc tranh chấp Tư bản-Cộng sản. Theo họ, cuộc đề-kháng bất-bạo-động chống nhà Ngô còn là cuộc tranh đấu « đem chiến thắng cho cái Hữu-tâm trên cái Vô-tâm ». Nói một cách dân dị hơn theo như họ cho ta hiểu, cuộc chống đối nhằm mục đích giải thoát con người khỏi những ràng buộc của dục vọng, đề cao tình thương, thức tỉnh lòng thiện, lành của mỗi người cho mọi người ở cả hai thế-giới Tư-bản lẫn Cộng-sản (1). Nhưng đó hình như chỉ là công trình lý-thuyết-hóa đến sau cuộc bạo động. Không phủ nhận ảnh hưởng của Giáo-lý trên hành động của các người tranh đấu, ta cũng thấy khác rằng việc họ tuyên bố không trả thù, không nắm lấy cơ hội để giữ quyền độc tôn sau

tháng 11 năm 1963 là một sự rút lui chiến thuật vì họ không chuẩn bị đầy đủ đề nắm quyền hơn là bởi bản tâm họ muốn thế.

Mục đích thực tế của cuộc tranh đấu — ít ra là lúc ban đầu — chỉ là đề bày tỏ phản kháng một tình trạng kỳ-thị, bất công đối với Phật-giáo. Cho rằng Dự số 10 là của người Pháp đặt ra vẫn không tránh được trách nhiệm của chính phủ đương thời. Nó chứng tỏ những bất công từ thời thực dân vẫn được một chính quyền của thời gọi là độc lập tiếp tục thi hành. Trong ý nghĩa đó, phong trào Phật-giáo chỉ là một trong những dây dụa, phản ứng của người dân chịu đựng hà hiếp thôi.

Phản ứng mạnh mẽ của chính quyền từ dưới lên trên thật là dễ hiểu. Qua những năm huy hoàng, rực rỡ, gia đình họ Ngô trải qua một giai-đoạn khủng-hoảng quyền bính từ cuộc đảo chánh 1960, vụ ném bom 1962, mà những ngày Đại-hội Đoàn-kết (6-1961) không đủ làm nấp hơi an toàn xoa dịu bất mãn. Bây giờ lại tới vụ khủng-hoảng nữa. Không phải bởi một nhóm người có súng ống. Không phải bởi những tay lãnh tụ vào tù ra khám. Mà bởi những ông « thầy chùa » vẫn được tiếng là dễ bảo, « sao cũng được ». Chính-thề quả đã bị khinh miệt quá lắm !

Có lẽ không nên quên người Cộng-sản trong vụ này. Họ thực có lợi nếu nhà Ngô sụp đổ, hay ít ra cũng lao đao, lộn độn ở thành phố để trống thôn quê, rừng rú cho họ. Nhưng cũng như những chính-trị-gia quốc-gia, Cộng-sản có thể cung cấp quần chúng, xâm nhập một ít

(1).— *Cuộc tranh đấu...sđd.*, trang 536 — 43.

cán bộ nhưng không thể thay đổi được đường lối tranh đấu mà phải hòa vào đó.

Bởi vì chính đường lối mới này tỏ ra hiệu-quả nhất. Bản chất mới của tầng lớp lãnh đạo chống đối khiến chính phủ phải lúng túng đối phó. Các nhãn hiệu Cộng-sản hay phiến loạn không thể dán cho các lãnh-tụ một tôn giáo mà không đặt thành vấn-đề đối với tôn-giáo khác, nhất là khi sự tranh đấu đã nhấn mạnh đến sự so bì về cách đối xử của nhà cầm quyền. Nhưng sự si-nhục bởi lời tố cáo và 8 xác chết trước Đài phát thanh Huế thật khó chấp thuận. Chính quyền không thể nuốt cục than hồng này của Tổng Giáo-Hội Phật-Giáo đưa ra được.

Dằng dai thì áp-lực quốc-tế lại càng bất lợi cho chính quyền. Thoát khỏi nhãn-hiệu Cộng-sản — mà chính quyền cũng ngần ngại không dám dán cho — các lãnh tụ Phật-giáo không phải trở thành một thứ « người Việt đã chết », nên đương nhiên ở bên này biên giới của sự bao dung. Mặc cảm tội lỗi tàn sát càng khiến có cơ mở rộng sự khoan dung của thế-giới tự-do hơn. Người ta có dịp đề chứng tỏ rằng người ta cũng biết bệnh vực kẻ yếu chớ không phải chuyên áp bức như thành-kiến vẫn gán cho đâu. Với lợi thế đó, gần như ngay từ đầu, và càng về sau, nhóm lãnh-tụ Phật-giáo càng tỏ ra muốn đòi hỏi được thỏa mãn hoàn toàn, không dành một bước lùi nào cho chánh quyền cả. Có một sự cương quyết lạ lùng, ẩn dấu uyển chuyển sau những lời lẽ mềm mỏng, những hành động gieo vạ khích động. Càng lúng túng, chính quyền càng chuôi mạnh trên con đường « vô chuôi » rắc sẵn cho họ Ngô lăn đùng xuống vực (1).

Tự thiêu, trong ý nghĩa chính-trị, như là một hành động bôi xấu đối phương. Người ta chọn đúng chỗ cho « tiếng dữ đồn xa » : sứ quán Cao-miên, một nước có Phật-giáo là quốc-giáo đang tranh chấp với nhà Ngô về vấn đề biên-giới, về quyền lợi sông Cửu-Long, một nước không ưa Mỹ vì thấy bị kẹp giữa hai gọng kìm thân Mỹ, vì theo chính sách De Gaulle, một vị Tổng-thống không muốn thấy nước Mỹ thành công ở chỗ người Pháp đã thất bại.

Cùng với những lời tuyên bố khôn ngoan tách rời trách nhiệm của chính-

(1). — Có những người nhất là người ngoại quốc, quen nhận định lịch sử các cựu thuộc-địa theo sự dắt dẫn các nước chủ-nhân nên coi cuộc biến-giọng 1963 như ý muốn của người Mỹ cố can thiệp vào chánh tình Việt-nam, lật đổ chính phủ Ngô-đình-Diệm khó bảo — có nghĩa là tư-tưởng độc-lập nhiều hơn — đề có thể trực tiếp điều khiển chiến tranh chống Cộng hữu hiệu hơn. Luận-cứ này gặp sự tán đồng của một số người hoặc vì có quyền lợi đã mất, hoặc vì nhìn thấy tình hình chính-trị miền Nam bấp bênh chủ-quyền quốc-gia thất thoát trầm trọng từ sau 1-11-1963, nên có tư tưởng hoài cổ đề cho rằng Phật-giáo là công cụ của Mỹ loại trừ những người quốc-gia chân chính. Có người nêu ra luận cứ rằng hồi đó họ Ngô định hội đàm với Bắc-Việt để giải quyết vấn đề MTGPMN theo tinh thần hòa giải dân tộc, tránh sự can thiệp trắng trợn của người ngoài, nhưng nếu luận-cứ này có đúng chẳng nữa thì họ Ngô cũng chỉ đáng khen nếu có được quyết định trên đây vào những năm 1961-62 hoặc trước ngày 8-5-1963. Đề đến lúc sắp sụp đổ lại quay ra bắt tay với kẻ thù thì không thể tránh cho người ta có ý nghĩ họ định « không ăn thì đập đổ ». Và lại những xác chết tự thiêu trên đường phố không phải không hại cho uy tín của người Mỹ Người Mỹ hẳn không chọn con đường lật đổ nhà Ngô một cách thiết thời cho họ nhiều như thế.

quyền với Giáo-hội Công-giáo, các xác chết tự thiêu là một yếu tố quyết định khiến hàng Giáo phẩm từ Việt-Nam đến La-mã phải vội vã dứt khoát trút mọi tội lỗi lên đầu nhà Ngô. Trong cái thế cô lập đó, Ngô đình Nhu phải kêu gào đến đám quần chúng lãnh lương của mình chống đối lại. Kết quả bề mặt vẫn có đây: những đám người hùng hùng, hồ hồ bao vây, tấn công, càn quét... làm việc thật đặc lực. Nhưng đến đó rồi thôi. Từ lâu, họ không được biết có cách nào thuyết phục quần chúng thôi chống đối ngoài cách đánh đập, bắn giết. Bất rồi thả, họ chỉ làm bọn chống đối thêm lớn với chính quyền và khiến chính hàng ngũ của họ, ngày thường vẫn có kẻ ngoài mặt khác trong lòng (1), nay càng thêm hoang mang. Chính ở cái thế mất mát người ủng hộ đến cùng cực này mà khi họ Ngô đánh đòn quyết liệt tấn công chùa chiền, họ không lợi dụng được sự yếu kém của hàng ngũ lãnh-tự Phật giáo mới lần đầu tranh đấu.

Về phía Phật giáo, sự vắng mặt tất nhiên của những phần tử thuần thành trung kiên ở các địa vị then chốt trong chính quyền khiến cho ý nghĩa tích cực trong hành động tự thiêu không được thực hiện tiếp nối, một khi cuộc cách mạng, vì những điều khách quan, không xảy ra được mà chỉ có một cuộc đảo chính thành công. Những cố gắng, nhất là của Thượng tọa Thích nhất Hạnh, nhằm đem đạo Phật khế-hợp với thời hiện-đại, còn phải được nối tiếp bằng một đường lối rõ ràng hướng dẫn việc tổ chức xã hội hiện đại trên cơ-sở ý-thức-hệ Phật-giáo. Không có lãnh tụ thế tục, Phật giáo không nắm được quyền từ sau 1963 đành phải

chịu rút lui để làm khối áp lực. Đành rằng trong những hành động làm áp lực họ có thể hy vọng dần dà đào tạo và huấn luyện cán bộ riêng — rất quý báu vì trưởng thành trong tranh đấu — nhưng tình thế quả không cho phép những người cầm quyền để cho họ trưởng thành bằng cách lấy uy tín nơi những vụ tranh đấu chống chính quyền (2). Đám quần chúng, hoặc mệt mỏi cầu an, hoặc cuồng nộ chạy theo Cộng-sản, nên không còn đủ đông để làm điểm tựa cho lớp cán bộ mới tạo thành được tỏ lòng trung kiên theo đuổi lý-tưởng.

Luôn luôn ở vào cái thế dưới tay (thất bại thì lãnh đủ mà thành công thì người khác hưởng), khía cạnh tiêu cực của những cuộc tự thiêu tiếp theo bộc lộ rõ rệt hơn trước. Những đòi hỏi hòa bình của Phật-giáo hòa nhập vào sự đòi hỏi hòa bình có sẵn trên thế giới, ít hay nhiều cũng trái ngược với mục tiêu đang đeo đuổi của chính phủ Johnson, nên không có hy vọng được sự ủng hộ của bên này lẫn mức. Đòi hỏi không được bày tỏ rành rẽ nên chuyển thành những cuộc xuống đường gây rối, vừa là kết quả mà cũng là nguyên nhân gây nên sự phân hóa trong hàng ngũ Phật-giáo.

Thực ra ngoài nguyên nhân lý tưởng, tình trạng tài sản Giáo hội cũng khiến Phật-giáo có thái độ phản kháng chiến tranh — và từ đó đưa đến sự phân-hóa phe phái nữa. Các tự-viện của họ rải rác

(1) — Những chuyện tục tĩu gán cho nhà Ngô vẫn phổ biến trong cả các tổ chức thân cận, tay chân của họ.

(2) — Việc tách rời của khối Việt-nam Quốc-tự nói lên đầy đủ thái độ của chính quyền.

ở thôn quê vốn sống nhờ vào những rẻo đất ruộng của tín đồ dâng cúng nên có thể coi như bị hủy hoại hoàn toàn. Trôi dạt về các thành phố, các vùng đất ấp mới, hay bị bắt buộc đi Dinh điền (như những năm 1962) thì họ bị bao vây trong độc quyền cung cấp lúa gạo, đồ viện trợ của các cán bộ Công giáo hay chính của các Linh-mục đã mau mắn được nắm những đường lối kinh doanh có lợi này — hay tương tự — trước sự ngỡ ngáo của thành phần Tăng sĩ thành phố không biết sự thành công nào hơn việc bán tương chao (1). Thật là dễ hiểu tại sao Phật-giáo dễ xúc động và xúc động nhiều vì chiến tranh hơn các tôn-giáo khác.

Vậy mà, đòi hỏi hòa bình tức là nhằm vào nhược điểm sinh tử của các chính quyền đang đeo đuổi chiến tranh. Cái thế mất còn khiến cho họ không thể nhượng bộ, phung phí một ít khoan dung có thể đưa họ đến chỗ phân vân hay tệ hơn, đến chỗ hoang mang suy sụp. Tình thế ở các đô-thị lại có chiều hướng khác từ khi người Mỹ đổ quân vào nhiều. Những dịch-vụ với quân đội viễn-chinh thoả mãn một số đông liêu linh. Tuy có sự bất mãn của tầng lớp trung-lưu cũ vì giá trị lợi tức của họ suy sụp, nhưng bản chất quen thụ động, họ thường chỉ biết kêu ca nài nỉ chứ không thể làm gì hơn (2). Cho nên, từ Morrison đến người tu sĩ vô danh tự thiêu sau Thông điệp Kỷ Dậu của Tăng thống Thích-Tịnh-Khiết, thật có nhiều cuộc tự thiêu được đón nhận bằng sự hờ hững trên những vùng đô-thị Việt-nam.

Cùng một tương quan như vậy — có phần thất lợi hơn về phía kẻ phản kháng cho ta thấy số phận của các bó quốc sống ở Đông-Âu. Việt-nam còn

là đất tranh chiếm. Tiệp-khắc được an bài từ 1945 rồi. Thỏa thuận Yalta quá ảm là chỉ cho người Mỹ đứng ngoi chỗ vào xúi dục cho một Imre Nagy vội vàng đến thành thất thế, cơ không đề họ đem binh sĩ vào Hung hay Tiệp để quân binh áp-lực ngoại quốc. Việt-nam là xứ người cộng-sản địa phương đe dọa « chiến đấu trong 20 năm » và cho đến nay chưa có cố gắng nào ở bên này có hiệu quả cải chính lời huênh hoang đó. Còn Tiệp-khắc, chỉ một sáng hết sương mù là quân Varsovie chiếm xong các đường nẻo. Lương tâm dễ chạy trốn trước một xác chết hơn là cảnh sống ngặt ngoài. Lương tâm cũng núp sau các chuyến buôn xác người lỗ lã đề lên tiếng trách móc đòi bắt can thiệp. Hướng chi tập đoàn lãnh đạo Tiệp lại trở về gần như đầy đủ sau biến loạn để cho đám quần chúng bực tức thấy mình tiếp tục sống trong tình thế mới mà không mang mặc cảm phản bội. Cho nên, những Jan Palach có tuần tự rút thăm cho tới người cuối cùng cũng không khuấy động được thành một phong trào quốc tế. Địa vị đó của T.T. Thích-quảng-Đức vẫn chưa có trường hợp nào vượt lên được

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG

2-1969.

(1).— Vụ kiện giữa Thượng-tọa Thích Quảng-Liên và một tín đồ của ông chứng tỏ sự thất bại trong cố gắng kinh-doanh theo phương-thức của thời đại mới của Phật-giáo.

(2).— Hãy xem những lời khiếu nại về quyền lợi lương bổng, những tranh tụng về cấp bậc, ngạch trật, những van vi xin cải ngạch, nhập ngạch đăng trên các nhật báo các năm 64, 65. Kêu nài mãi không đuổi kịp tình thế, một số im lặng chịu đựng, hoặc xoay sở được thì nhập vào « giai cấp mới » sung sướng, tự mãn. Một số quay ra chống đối.